

NHỮNG CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH

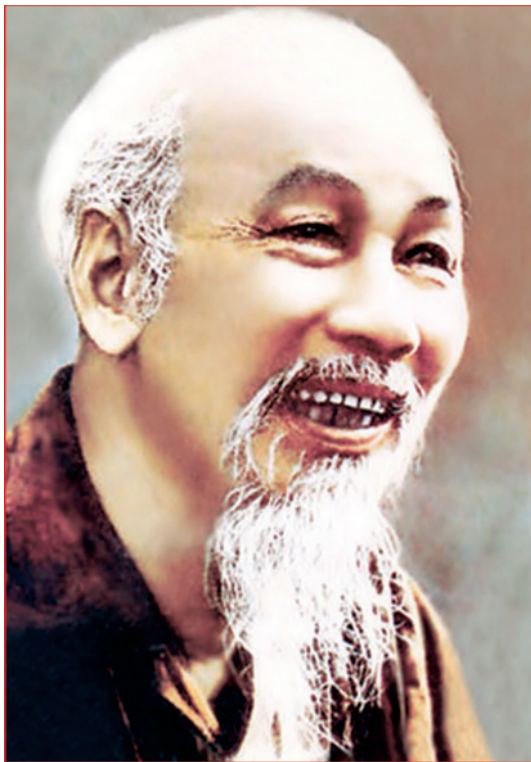
Tập 2

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN TUYÊN GIÁO

**NHỮNG CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH**

Tập 2

Nha xuất bản Văn hóa - Văn nghệ
TP. Hồ Chí Minh 2013



Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.
Thiếu một mùa, thì không thành trời.
Thiếu một phương, thì không thành đất.
Thiếu một đức, thì không thành người.

LỜI GIỚI THIỆU

Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị
Màu quê hương bên bãi đậm đà
Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút...

Tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam; học tập và làm theo Người chính là phát huy những giá trị to lớn ấy để mỗi người và xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, góp phần xây dựng đất nước ta “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị đặt ra, yêu cầu nâng cao nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân; tự giác tu dưỡng, rèn luyện nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân; làm cho việc học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu bền và là trách nhiệm, tình cảm, lợi ích thiết thân của mỗi chúng ta.

Để góp phần nhỏ vào công việc to lớn đó, kỷ niệm 122 năm Ngày sinh Bác Hồ kính yêu và biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của Thành phố năm 2012, Ban Tuyên giáo Thành ủy đã sưu tầm, biên tập, phát hành cuốn “Những chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” tập 1.

Năm nay, nhân kỷ niệm 123 năm Ngày sinh của Bác (19-5-1890 - 19-5-2013), Ban Tuyên giáo Thành ủy tiếp tục sưu tầm, biên tập và phát hành tập sách “Những chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” tập 2, nhằm cung cấp thêm tư liệu giúp tìm hiểu về Bác và về những chiến sĩ cách mạng, về cán bộ, đảng viên, nhân dân thành phố đã noi gương làm theo Người.

Xin trân trọng giới thiệu tập 2, mong rằng tập sách sẽ mang đến nhiều điều hữu ích cho các đồng chí và các bạn, nhất là triển khai chuyên đề: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương; nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp” trong việc đẩy mạnh nghiên cứu, kể chuyện học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại đơn vị.

Chúng tôi sẽ tiếp tục sưu tầm, biên soạn các tập tiếp theo về các tập thể, cá nhân thực hiện tốt học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Mong nhận được sự góp ý của các đồng chí và các bạn.

BAN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY

Phần I

**TAM GÖÔNG ÑAÖ ÑÖC
HÖ CHÍ MINH**

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng

Từ những ngày đầu hoạt động, Bác đã dày công dạy cho cán bộ nhận thức được sâu sắc rằng: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Vì thế cho nên, khi ở Liên Xô về Trung Quốc, cuối năm 1924, Bác đã tìm mọi cách liên lạc, đưa thanh niên ta sang Quảng Châu mở lớp đào tạo những hạt giống cho cách mạng. Trong số những người học trò đầu tiên của Bác lúc bấy giờ có đồng chí Trần Phú, sau này trở thành Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta. Thời kỳ Bác đi công tác Côn Minh - Hồ Khẩu, thời gian rất ngắn, công việc lại nhiều, nhưng tối đến Bác vẫn triệu tập anh em đến giảng giải về công tác cách mạng, về nhiệm vụ của người đảng viên.

Khi về Pác Bó, có điều kiện hơn ở ngoài nước, nhiều lớp huấn luyện chính trị và quân sự được Bác liên tiếp mở

ra thu hút rất nhiều cán bộ ta. Mỗi lớp như thế thường được mở trong tuần hay mười hôm. Bác đào tạo, huấn luyện anh em rồi trả họ về cơ sở, rèn luyện họ trong thực tiễn cách mạng.

Đối với Bác, một hạt giống tốt không thể tự nó lớn lên và chết dần mà phải làm cho nó nảy nở ra trăm ngàn hạt giống khác. Lớp học lúc bấy giờ cũng rất đơn giản, không bàn không ghế. Mấy anh em ngồi chung quanh đồng lửa vừa được sưởi ấm vừa được nghe Bác nói chuyện. Những câu chuyện Bác nói thường là những câu chuyện thực trong đời sống hàng ngày, hay trong cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô...*

Một lần, có một số anh em bàn riêng với nhau chuẩn bị giết tên tổng đoàn - (tên này rất ác, sau hắn giết anh Kim Đồng) - Trong một buổi huấn luyện, Bác đem đọc cho mọi người nghe đoạn nói về tả khuynh và ám sát cá nhân trong cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô*. Đọc xong Bác giải thích:

- Ám sát cá nhân không phải là đường lối cách mạng chân chính. Nhất là khi ta chưa nắm được chính quyền, chủ trương ám sát cá nhân là một điều hết sức sai lầm. Thường đây là những cái cớ để bọn đế quốc tìm cách tăng cường đàn áp cách mạng. Mục tiêu của ta là tiêu diệt bọn đế quốc, bọn phong kiến thống trị chứ không phải giết một thằng là xong. Hôm nay chúng ta giết thằng này, ngày mai chúng lại đưa thằng khác lên. Chủ trương đúng đắn nhất của những người

cách mạng chân chính là biết cách tổ chức quần chúng lại thành một khối thống nhất, vững chắc, đấu tranh tiêu diệt cả chế độ của chúng.

Mấy anh em ngồi nhìn nhau, không hiểu làm sao Bác lại biết được ý của họ. Nhưng cũng từ đó, anh em nhận thức thêm được một vấn đề mà từ trước còn mờ昧, còn nhầm lẫn đúng sai. Cứ qua thực tế như vậy Bác đã đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin rọi vào trí óc non nớt và thơ ngây của chúng tôi, giúp chúng tôi đi những bước vững chắc trong công tác cách mạng.

Lúc bấy giờ, Hội nghị Trung ương lần thứ tám chưa họp, nhưng Bác đã lập ra những hội cứu quốc: Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc. Bác giải thích:

- Chúng ta muốn có một đội võ trang mạnh, trước hết phải có một đội quân tuyên truyền mạnh, đội quân chính trị vững.

Bác lấy một đoạn trong cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* nói cho chúng tôi nghe. Khi Cách mạng tháng Hai lật đổ Nga hoàng, bọn Kerenxki nắm chính quyền, Lênin chủ trương phải đi giải thích cho quần chúng rõ. Lênin nhấn mạnh: Giải thích và giải thích. Muốn giải thích phải có đội quân chính trị. Nói xong Bác kết luận:

- Ở nước ta hiện nay, muốn đánh Pháp, đuổi Nhật thì ai là người vác súng, ai là người tự giác, tự nguyện đứng dậy làm cách mạng. Đó là quảng đại quần chúng. Cho nên ta

phải tuyên truyền vận động quần chúng. Có như vậy cách mạng mới thắng được.

Bác đề nghị chúng tôi làm thế nào giáo dục quần chúng để trong một thời gian ngắn ta có được một phong trào chống Pháp đuổi Nhật như ngọn thủy triều dâng lên ở các địa phương.

Trong công tác cũng như trong khi giảng dạy ở các lớp huấn luyện, Bác chú trọng đặc biệt đến cách tuyên truyền vận động quần chúng. Bác thường nói:

- Chúng ta ở rất bí mật. Nhưng đó là bí mật với tụi tổng đoàn, với bọn mật thám, bọn Tây, bọn thống trị chứ không phải bí mật với nhân dân.

Bác còn yêu cầu lấy quần chúng làm bình phong bảo vệ và che chở cho cách mạng. Muốn được như thế, cán bộ không được làm điều gì trái với ý quần chúng, trái với phong tục tập quán địa phương. Có những phong tục tốt, cần giữ lại. Cũng có nhiều phong tục tập quán không tốt, cần phải thay đổi. Nhưng không phải tự ý cán bộ thay đổi ngay một lúc mà phải vận động từ từ để quần chúng giác ngộ và tự cải cách lấy.

Nguồn "Những truyện kể về tinh thần đoàn kết của Bác Hồ", NXB Lao động, Phan Tuyết - Bích Diệp (sưu tầm - tuyển chọn).

Còn dân, còn nước

Năm 1945, sau khi nhân dân ta giành được độc lập, theo kế hoạch giải giáp quân đội Nhật đã đầu hàng, quân đội Tưởng lốc nhốc vào nước ta, đứng chân ở nhiều tỉnh lỵ, từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.

Bác Hồ và Chính phủ đã chỉ thị phải hợp tác thành thật với họ, tránh khiêu khích để sinh ra lộn xộn, xung đột.

Tuy chỉ thị đã ban hành, nhưng Bác “sợ” vẫn chưa chắc chắn, nên Bác đã triệu tập một số chủ tịch tỉnh, thị xã Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phú Yên, Bắc Giang, Sơn Tây, Lạng Sơn, cả Hà Nội vào Bắc Bộ phủ.

Các đại biểu được dịp báo cáo với Bác những hành vi ngang ngược, cướp của, tống tiền, dung túng cho bọn Việt Cách, Việt Quốc làm bậy, âm mưu lật đổ chính quyền, chiếm đóng một số nơi.

Bác nói:

- Họ nhân danh Đồng Minh vào nước ta tước vũ khí quân đội Nhật. Nếu ta để xảy ra chuyện gì đó, họ sẽ lấy cớ làm khó dễ cho ta...

Đại biểu Vĩnh Yên thưa:

- Thưa Bác, ta thì muốn hữu nghị hợp tác nhưng họ lại muốn cướp đất của ta...

Không thấy ai phát biểu nữa, Bác nói:

- Các chú có thấy dân ta theo họ, hợp tác với họ không? Nếu dân ta không đứng về phía họ - thì ta dù có tạm thời không giữ được một ít nơi, nhưng vẫn không mất nước. Vì còn Dân thì còn Nước. Dân là gốc của Nước. Các chú phải làm sao để Dân tin tưởng vào Chính phủ, nghe lời Chính phủ, tuân theo chỉ thị của Trung ương. Chú nào làm sai, phải chịu kỷ luật... Chú nào có ý kiến gì không? Bác dừng nói, chờ. Không thấy ai “có ý kiến” nữa, Bác “tuyên bố”: Giải tán hội nghị.

Nguồn: “Những truyện kể về tinh thần đoàn kết của Bác Hồ”, NXB Lao động, Phan Tuyết - Bích Diệp (sưu tầm - tuyển chọn)

Ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Bảo Đại

Thái độ ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Vĩnh Thụy (Bảo Đại) là một thí dụ điển hình cho tấm lòng khoan dung độ lượng, sức thuyết phục cảm hóa của Người đối với vị vua cuối cùng của chế độ phong kiến cũ đã bị lật đổ. Ngày 4 tháng 9 năm 1945, Vĩnh Thụy đã ra tới Hà Nội theo lời mời của Người: Ngay lúc 15 giờ, Người đã đến chỗ ông ta để thăm hỏi. Sáng ngày 5 tháng 9 năm 1945, Người đã tiếp ông ta tại Bắc Bộ phủ. Ngày 10 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 23 cử ông Vĩnh Thụy làm Cố vấn Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ chỗ lo lắng cho số phận của mình không biết có giống vua Louis XVI ở Pháp hay không, Vĩnh Thụy đã mang ơn sâu nặng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông ta đã viết thư về cho mẹ là bà Từ Cung ở Huế với những dòng xúc

động: “Cụ Hồ tốt lắm! Con ra đây được Cụ thương lắm! Cụ thương con như con. Ắ (tức là mẹ - TG) cứ yên tâm, không phải lo chi cho con cả”. Vĩnh Thụy sinh năm 1911, kém Chủ tịch Hồ Chí Minh 21 tuổi; bức thư trên là do ông ta viết, chứ không phải do một người thư ký nào thảo hộ.

Về sau, do những hạn chế giai cấp mà ông không thể vượt qua và sự lôi kéo của thực dân đế quốc, Vĩnh Thụy lại trở về con đường cũ. Ngày 8 tháng 12 năm 1947, Hồ Chí Minh vẫn điềm tĩnh trả lời phỏng vấn của các nhà báo Việt Nam và nước ngoài: “Chính phủ và nhân dân ta rất mong Cố vấn Vĩnh Thụy không có những hành động trái ngược với những lời Cố vấn đã thề trước Tổ quốc và trước đồng bào, trái với nguyện vọng của dân tộc. Dù sao vận mệnh của dân tộc sẽ không vì một người hoặc một nhóm người mà thay đổi”. Thái độ ứng xử ấy như một lời khuyên, một lời cảnh tỉnh đối với Vĩnh Thụy, mặt khác lại khẳng định con đường tất thắng của dân tộc.

Nguồn: “Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh” – GS. Đặng Xuân Kỳ, Nxb Lao động, 2013, tr.228.

Bác Hồ làm ngoại giao

Trong lúc ở trong nước, nhân dân ta đang gấp rút chuẩn bị tiến lên tổng khởi nghĩa, ở Côn Minh, Bác mở “mặt trận ngoại giao”, trước hết với Mỹ. Qua phân tích, Bác thấy rằng, lúc này đang cần phải tranh thủ Mỹ. Lợi dụng kẻ thù này để đánh kẻ thù kia là một trong những kế sách của Bác. Vì vậy, Bác quyết định tiếp tướng Claio Sênôn (C. Chennault), Tư lệnh trưởng Bộ Tư lệnh không quân 14 của Mỹ ở Trung Quốc. Làm việc này, Bác muốn tranh thủ những người có thể tranh thủ. Quan điểm ngoại giao của Bác bao giờ cũng hết sức rõ ràng. Để chuẩn bị cho cuộc tiếp tướng Sênôn, Bác gặp Sácơ Phen (Charles Fell), người phụ tá của Sênôn. Cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa Sácơ Phen và Bác được tiến hành vào ngày 17-3-1945. Sau đó, ngày 20-3-1945 Bác và Sácơ Phen gặp nhau lần thứ hai tại hiệu cà phê của gia đình anh Tống Minh Phương ở phố Chinpi, Côn

Minh. Trước khi gặp Sênôn, gia đình anh Phương mua sắm cho Bác chiếc áo lông và đôi giày mới. Cuộc gặp gỡ giữa Bác và tướng Sênôn diễn ra ngày 23-3-1945, tại hành dinh của Sênôn. Sênôn mặc quân phục đại lễ với tất cả các loại huân chương mà ông ta được thưởng. Khi gặp Bác, Sênôn lúng túng vì không có phiên dịch. Bác bảo không cần, rồi nói chuyện với Sênôn bằng tiếng Anh rất lưu loát, làm ông ta hết sức ngạc nhiên. Viên tướng Mỹ cảm ơn Bác và Việt Minh đã cứu thoát, chăm sóc hết sức tử tế viên phi công. Bác nói đây là bốn phận của những người Việt Nam chống phát xít. Họ có thể làm tất cả những gì trong phạm vi khả năng làm được để giúp Đồng Minh. Bác hỏi Sênôn rằng, phi công Sao hiện giờ ở đâu? Sênôn trả lời: “Sao đã lên đường về Mỹ. Trước khi lên máy bay, Sao gửi lời cảm ơn Ngài”, Sênôn trao cho Bác thuốc chữa bệnh và tiền Pháp tặng người Việt Nam vì đã cứu sống phi công của họ. Bác nhận thuốc, hoàn lại tiền. Tướng Sênôn, một con người có bộ mặt rất nghiêm khắc, hiếm thấy nụ cười trên môi ông ta. Vậy mà khi tiếp Bác, ông ta luôn luôn vui vẻ.

Vài ngày sau, viên tướng Mỹ lại xin gặp Bác. Ông ta sai Sácơ Phên đi ô tô đến tận nhà anh Phương để đón Bác. Tới nơi, họ mở cửa lớn đón Bác vào. Tưởng phía Mỹ bàn với Bác chuyện gì, hóa ra họ đề nghị Bác làm việc cho họ. Nói đúng tim đen là họ mua chuộc Bác, vì lúc ấy có lẽ họ chưa biết Bác là Hồ Chí Minh. Sau này, Bác kể lại, Bác đã trả lời bọn chúng, đại ý là: Chúng tôi không phải người đi làm thuê. Chúng tôi là người cách mạng. Chúng tôi đánh

Nhật, Đồng Minh cũng đánh Nhật. Chúng tôi giúp Đồng Minh thì Đồng Minh phải giúp chúng tôi. Chúng ta bình đẳng với nhau. Còn nhiệm vụ cách mạng, chúng tôi cứ làm. Trước những lời lẽ cứng rắn của Bác, họ không dám giở trò mua chuộc nữa, chỉ đề nghị Bác giúp đỡ cho một trạm cấp cứu các phi công Đồng Minh ở Đông Dương khi bị nạn. Bác đồng ý. Tướng Sênôn giao cho Sácơ Phên thực hiện kế hoạch này. Vấn đề chỉ có thể, vậy mà có kẻ xấu đồn rằng Bác bị tình báo Mỹ lợi dụng. Người Mỹ ở Côn Minh mở tiệc chiêu đãi Bác. Trong bữa tiệc, Bác kể tiểu sử của Oasinhtơn (Washington) và Linhcôn (Lincoln), những người có công giải phóng nước Mỹ và giải phóng người nô lệ da đen ở Mỹ. Họ không ngờ rằng, một vị đại diện của Việt Minh lại am hiểu sâu sắc những chính khách của nước Mỹ đến như vậy. Dự tiệc xong, trở về nhà, Bác triệu tập một số bà con Việt kiều có tâm huyết với nước, hiện đang ở Côn Minh lại, nói rõ cho bà con biết vì sao ta lại tạm thời bắt tay với Mỹ? Vấn đề là ở chỗ thu hút lực lượng chống Nhật - Pháp. Bác hỏi ý kiến bà con: Phía Mỹ mời tiệc ta, ta có nên đáp lại không? Bà con đồng thanh nhất trí đáp lại phía Mỹ bằng bữa cơm Việt Nam. Anh Phương và chị Hoa xung phong đứng ra tổ chức bữa tiệc. Hôm sau, mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị làm tiệc. Tiệc được tổ chức ngay tại nhà anh Phương. Nhờ những bàn tay khéo léo của các chị, bữa tiệc được tổ chức khá chu đáo. Nhìn các món ăn, Bác bằng lòng lắm, nói vui: "Cơm ta chẳng kém gì cơm tây". Năm phái viên cao cấp của Mỹ đã đến dự tiệc. Về phía ta, ngoài Bác ra, có khoảng dăm

người, trong đó có anh Phương, chị Hoa. Bác đón tiếp phái đoàn Mỹ hết sức nồng hậu. Do tài ngoại giao khéo léo của Bác, những người Mỹ dự tiệc đều tuyên bố sẵn sàng ủng hộ Việt Minh để đánh Nhật. Tiệc tan, Bác tiễn họ ra tận ô tô, rồi quay trở vào nói với anh em: “Bữa tiệc đã thành công, đạt được mục đích của ta”.

*Nguồn: Hồi ký của đồng chí Hoàng Quốc Việt
trong cuốn “Đường Bác Hồ chúng ta đi”,
Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Sự kính phục của những người đối đầu

Hồ Chí Minh lãnh đạo cả dân tộc đánh bại cả ba đế quốc to cùng với mọi thế lực phản động trong nước, để dân tộc được độc lập, đất nước được thống nhất, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được rộng mở. Nhưng cũng giống như C. Mác ở thế kỷ XIX, người không có kẻ thù riêng nào. Tất cả các đối thủ của Người đều phải kính nể, cảm phục một con người mà họ không thể khuất phục, không thể đánh bại, và cuối cùng họ đành chấp nhận là người thua cuộc.

Giăng Xanhtơny (Jean Sainteny), đại diện cho Chính phủ Pháp đảm nhiệm việc đàm phán với Chính phủ *Hồ Chí Minh* trong thời gian 1945 – 1946, đã tìm mọi cách để đè bẹp lực lượng cách mạng Việt Nam, nhằm tái lập ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp trên đất nước này. Khi Chủ tịch *Hồ Chí Minh* qua đời, ông cũng là người thay mặt

Chính phủ Pháp sang viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội. Con người ấy đã viết về Hồ Chí Minh bằng những lời rất trân trọng trong tập hồi ký *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*: Hồ Chí Minh – đó là một nhân vật đang phải đối đầu và tôi là người đối thoại trong suốt 16 tháng. Do hiểu biết rộng, thông minh, hoạt động rất tích cực, tuyệt đối không nghĩ tới chuyện riêng tư, ông đã được nhân dân kính yêu, tin tưởng không ai sánh kịp. Rất tiếc là hồi đó Chính phủ Pháp đã đánh giá thấp nhân vật này và đã không hiểu được giá trị cũng như uy lực của ông. Đến cuối đời, Giăng Xanh-tony đã phải thú nhận Hồ Chí Minh là người đã đánh đắm cả chế độ thực dân Pháp, nhưng lại vẫn là bạn của nước Pháp.

Trung tá Ônây, thuyền trưởng thông báo hạm Duymông Đuyếcvin, đã chỉ huy con tàu chở Chủ tịch Hồ Chí Minh từ quân cảng Tulông nước Pháp về Việt Nam hồi tháng 9 năm 1946. Trong suốt chuyến đi 45 ngày, được tiếp xúc với Hồ Chí Minh, Ônây đã hoàn toàn bị thuyết phục và hoàn toàn ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam. Tháng 11 năm 1946, ông đã từ chối không nhận chức Tư lệnh Hải quân Pháp ở Hải Phòng và xin trở về Pháp, kiên quyết không tham chiến ở Việt Nam. Sau này, khi đã trở thành Thủy sư Đô đốc, ông đã viết trong hồi ký của mình, ca ngợi Hồ Chí Minh là một vị thủ lĩnh có phong cách rất độc đáo, rất thông minh, bình tĩnh, chưa hề thấy ở bất kỳ ai.

Tướng P. Valuy với vai trò chính khách Pháp đã nhiều lần tiếp xúc với Hồ Chí Minh trong năm 1946, thấy rõ thái

độ “hết sức nhã nhặn, hết sức lịch sự và hết sức quyến rũ” của Người. Được thuyết phục bởi phong cách ứng xử của Người, ông đã trở thành người đối thoại rất tâm đắc với Hồ Chí Minh và giữa hai người đã có một “tình hữu nghị keo sơn”.

Thiếu úy Sácơ Phên và thiếu tá Ácsimet Patty là hai sĩ quan của cơ quan tình báo Mỹ OSS đã có dịp gần gũi, tiếp xúc với Hồ Chí Minh thời kỳ 1944 – 1945. Trong thời gian ngắn một năm, Hồ Chí Minh đã để lại cho họ ấn tượng không thể nào quên. Điều đó đã quyết định họ khuyến nghị Chính phủ Mỹ đặt quan hệ với Hồ Chí Minh, đáng tiếc Chính phủ Mỹ đã bỏ qua. Nhưng mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh với những người Mỹ này đã trở thành tình bạn ít ai ngờ tới.

Ngày 30 tháng 9 năm 1945, khi rời Việt Nam, A. Patty nhớ mãi lời dặn của Hồ Chí Minh: “Bạn nhớ trở lại Việt Nam. Bạn bao giờ cũng được hoan nghênh”. Tác giả của cuốn *Tại sao Việt Nam?* đã trở lại Việt Nam vào những năm 1985, 1990 với tất cả tấm lòng trân trọng và cảm phục đối với Hồ Chí Minh, một con người hiếm có trên thế gian này.

Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với không biết bao nhiêu người, về quan điểm và đường lối chính trị là rất khác nhau hoặc hoàn toàn đối lập nhau; là bạn có điều kiện hoặc hai bên đứng về hai trận tuyến rõ rệt. Nhưng phong cách ứng xử Hồ Chí Minh đã có sức thuyết phục cảm hóa to lớn để giành được sự đồng tình hoặc chí ít cũng là những nhân nhượng

cần thiết. Thủ tướng Ấn Độ, P. J. Nêru đã thể hiện những tình cảm hết sức chân thành và sâu sắc: “... Thật là một điều hân hạnh được gặp con người vĩ đại và có sức hút mãnh liệt đối với chúng ta. Mặc dầu trong thế giới ngày nay còn có khác biệt và xung đột, nhưng được gặp Bác Hồ, chúng ta thật sung sướng được thấy lòng tốt của con người... Tình bạn, lòng nhân ái sẽ vượt qua tất cả”.

*Nguồn: “Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh” –
GS. Đặng Xuân Kỳ, Nxb Lao động, 2013, tr.230.*

Bác Hồ đối xử với tù binh

Trong năm 1944, biên giới Việt - Trung có nhiều diễn biến phức tạp khi những người Đồng Minh lấy danh nghĩa chống phát xít Nhật cứ ngấp nghé muốn vào nước ta. Họ đã cho người đến Bình Mãng giáp Sóc Trăng thuộc Hà Quảng để quan sát tình hình. Khi các đồng chí địa phương báo cáo lên Bác chuyện này, Bác có nhận xét ngay: Họ muốn vào Việt Nam để nắm tình hình Nhật, nắm tình hình ta. Tóm lại là họ hoạt động tình báo, cho nên phải cảnh giác với họ. Vấn đề là phải từ chối khéo, nhưng lại không mất lòng họ. Bác cử một số cán bộ đến Bình Mãng để tiếp họ. Trong buổi tiếp, quả nhiên họ yêu cầu ta cho họ đặt điện đài trên đất Việt Nam. Các đồng chí ta bày binh bố trận khéo đến nỗi đi đến đâu cũng thấy lực lượng hùng mạnh của Việt Minh và nói rằng lính Nhật đang còn đóng ở biên thù với một lực lượng mạnh, nếu muốn vào Việt Nam phải trang bị cho Việt Minh một số vũ khí lớn, có thể mới bảo vệ được họ. Nghe ta nói vậy, họ “co vùi” không vào nữa.

Đầu năm 1945, Bác lại sang Trung Quốc, với tư cách đại diện Việt Minh liên lạc với Đồng Minh lúc ấy đang có một bộ phận đóng ở Vân Nam. Cùng đi với Bác chuyến này có anh Phùng Thế Tài làm nhiệm vụ bảo vệ, đưa đường và anh Đinh Đại Toàn (tức Đại Minh) làm nhiệm vụ quân vụ. Ngoài ra, còn có viên phi công Mỹ, trung úy Uyliam Sao (William Shaw), người được Việt Minh cứu thoát trong cuộc nhảy dù xuống Cao Bằng, do sự trục trặc của máy bay. Nhân đây, tôi xin nói rõ vài nét về viên phi công và chiếc máy bay: Vào cuối năm 1944, có một chiếc máy bay của lực lượng không quân Mỹ đóng tại Trung Quốc, vượt qua biên giới Trung - Việt, chao lượn trên vùng trời Nước Hai, tỉnh Cao Bằng. Đang bay, bỗng có tiếng động cơ gầm rú rất nặng, có lẽ bị trúng đạn pháo của Nhật. Trong giây lát, chiếc máy bay rơi. Viên phi công, trung úy Sao nhảy thoát ra ngoài. Đồng bào địa phương nhìn rõ máy bay rơi và viên phi công nhảy dù. Họ phân công nhau đi tìm phi công. Cuối cùng, họ đã bắt gặp viên phi công đó. Nhìn dân quân du kích, viên phi công sợ sệt, liền rút tiền, nhẫn vàng ra để dâng. Mọi người lắc đầu, ra hiệu cho anh ta cất vào túi. Họ dẫn viên phi công về trụ sở tòa soạn báo *Việt Nam độc lập*, đóng trong thành nhà Mạc cũ ở vùng rừng Nước Hai. Lúc ấy, anh Phạm Văn Đồng phụ trách cơ quan báo, giao cho tổ của anh Cao Hồng Lĩnh, đưa viên phi công này lên chỗ Bác ở vùng giáp biên giới Việt - Trung. Trong những ngày giải viên phi công đi, anh em chăm sóc anh ta hết sức chu đáo, cho ăn xôi thịt, trong lúc anh em phải ăn cơm nắm chấm muối vừng. Viên

phi công từ chỗ sợ sệt đến chỗ quy phục, thân mật với anh em. Sao đã làm thơ tặng anh em. Khi đến nơi, anh em đưa Sao đến gặp Bác. Anh Linh có lần kể lại với tôi rằng, lúc ấy anh thấy Bác như đang sửa soạn đi đâu vì vai Bác đeo xắc cốt, tay cầm gậy chống. Anh đưa Sao đến trước mặt Bác. Nhìn Sao, Bác tươi cười, bắt tay anh ta, kéo anh ta ngồi xuống cạnh mình và nói chuyện hết sức thân mật:

- Quê anh ở bang nào thuộc nước Mỹ?

Nghe Bác hỏi bằng tiếng Anh rất chuẩn, Sao ngạc nhiên, nở nụ cười rạng rỡ, đáp:

- Thưa ông, tôi ở Tểchdát.

- Anh đã có vợ chưa?

- Thưa ông, tôi đã có vợ.

- Anh có muốn về Mỹ gặp lại vợ không?

- Thưa ông, rất muốn.

- Chúng tôi sẽ trao trả ông cho lực lượng không quân Mỹ tại Trung Quốc.

- Thưa ông, nếu được như vậy quả là niềm vinh hạnh đối với tôi.

Rồi Bác bảo anh em bố trí nơi ăn, chốn ở chu đáo cho anh ta. Khi về chỗ nghỉ, Sao hết lời ca ngợi “ông cụ”, rằng: “Ông ấy nói tiếng Anh nghe rõ quá, lại đối xử với tôi thân mật như cha tôi vậy”. Sau khi gặp Bác, tinh thần của Sao phấn chấn hẳn lên. Mấy hôm sau, Bác bảo các cô gái địa phương

kiếm chỉ thêu chữ “Chúc mừng” (Greeting) trên mảnh lụa trắng tặng Sao. Nhận tặng phẩm, Sao xúc động đến rơi lệ. Anh ta không ngờ tại nơi núi rừng heo hút này lại có người đối xử với anh ta văn minh như thế.

Nói về quân Pháp, sau khi chiếc máy bay rơi, chúng cho quân đến vây khu rừng, cắt tháo chiếc máy bay và truy nã người phi công. Nhật thấy vậy, cũng muốn giành chiếc máy bay đó, đồng thời cảnh cáo Pháp vì đã để phi công trốn thoát, giao hẹn nếu không tìm được, Pháp sẽ phải trả giá đắt. May làm sao, viên phi công đã được cán bộ Việt Minh bảo vệ đưa ra khỏi khu nguy hiểm, giấu trong hang đá, chăm sóc hết sức tử tế, rồi tìm cách đưa sang biên giới.

Bác đưa viên phi công này đi là để bàn giao cho Bộ Tư lệnh không quân Mỹ tại Trung Quốc lúc ấy đóng ở Côn Minh. Hành lý cùng thực phẩm mang theo là chiếc chăn chiên cũ, mỗi người một bộ quần áo để thay, một ống nứa đựng thịt với muối, ớt để “ăn dè”, theo kiểu “lèng” đi đường xa của người Tày, một chiếc ca tráng men. Để phòng xa, Bác còn mang theo một số tiền quan kim, tiền của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Đoàn lữ khách chia làm ba tốp, tốp một đi trước dò đường, tốp hai dẫn người phi công và tốp ba đi sau để phòng bị tập kích.

Hôm Bác lên đường, núi non Cao Bằng đẹp hẳn lên vì có ánh nắng ban mai chiếu vào. Anh Đinh Đại Toàn nói rằng, mùa rét mà có nắng sớm kể cũng hiếm thấy. Thường thì ngày đi đêm nghỉ. Nhưng cũng nhiều hôm, ngày nghỉ

đêm đi, vì quân Nhật và quân Pháp dự đoán viên phi công kia có thể đi về phía biên giới Việt - Trung, cho nên chúng tăng cường lùng sục tìm kiếm. Để tránh quân Nhật và quân Pháp đang bủa vây, nhiều khi phải đi vòng vèo. Trong cuộc hành trình nên thơ và bi tráng ấy, trung úy Sao được ăn xôi thịt gà, trong khi đó, Bác và anh em phải ăn cơm nắm với thịt kho mặn. Trung úy Sao được đi ngựa, còn Bác và anh em phải đi bộ. Khi ngủ, Sao được bảo vệ từ xa. Khi vượt qua biên giới Việt - Trung, có người của Tưởng Giới Thạch dẫn đường. Gặp những người dẫn đường khó tính, hoặc tuổi cao, Bác động viên, an ủi họ, nói chuyện hết sức thân tình với họ, biểu họ ít tiền gọi là trả chút công lao. Việc làm có tính chất nghĩa cử của Bác làm họ xúc động. Còn đối với anh em, để giảm bớt nỗi nhọc nhằn trên đường đi, Bác mang chuyện lịch sử nước này ra kể, đọc thơ “Chinh phụ ngâm” để anh em thưởng thức. Bác kể chuyện Hồng quân Trung Quốc trong cuộc vận lý trường chinh từ Hoa Nam lên Hoa Bắc, gian khổ là thế, vậy mà các chiến sĩ vẫn tranh thủ học văn hóa. Người đi trước viết chữ đeo lưng để người đi sau học. Khi hành quân tới Hoa Bắc, số người hy sinh tới quá nửa. Nhưng những người còn lại đã thoát nạn mù chữ. Họ viết thư về nhà báo cho gia đình mình đã đi đến nơi. Những câu chuyện Bác kể dọc đường đã động viên anh em rất nhiều.

Vì đi từng tốp riêng lẻ, khi sang tới bên kia biên giới, tốp đi của Bác và tốp đi của viên phi công mới gặp nhau. Sau 5 ngày cùng đi trên địa phận Trung Hoa, Bác chia tay Sao, vì nhà chức trách Trung Hoa nhận đưa viên phi công đến Côn

Minh để bàn giao cho phía Mỹ. Bác trở lại đi Vân Nam trong khi Sao đi đường khác bằng ngựa, rồi bằng máy bay thẳng tới Côn Minh.

Nguồn: Hồi ký của đồng chí Hoàng Quốc Việt trong cuốn “Đường Bác Hồ chúng ta đi”, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chuyện về những bữa cơm của Bác Hồ

Phong cách sinh hoạt giản dị, thanh cao, ghét thói xa hoa, lãng phí của Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới ngưỡng mộ. Một tác giả nước ngoài đã viết rằng: Cuộc sống giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự gần gũi với nhân dân là đặc trưng cho tình yêu đối với đất nước của một Con Người đã trở thành huyền thoại ngay trong cả cuộc sống đời thường của mình. Một trong những yếu tố góp phần làm nên huyền thoại ấy bắt đầu từ điều vô cùng bình thường nhất, đó là những bữa ăn của vị Chủ tịch nước.

Ngày mới giành chính quyền năm 1945, Bác làm việc tại Bắc Bộ Phủ trong căn phòng nhỏ trên gác hai. Bác được cấp mỗi tháng 200đ cho việc ăn uống. Tới giờ ăn, Bác đến ăn tại bếp tập thể cùng anh em. Bữa ăn của Bác đạm bạc, thường chỉ có một miếng cá nhỏ, một bát canh, vài quả cà, mấy cọng dưa, dăm lát ớt và miến bát cơm. Ngày 10 tháng

4 năm 1946, giữa lúc đất nước bộn bề công việc, Bác về thăm Ninh Bình để dàn xếp vấn đề đối nội, đặc biệt là tôn giáo. Khoảng 8 giờ, khi xe Bác đến thị xã, nhân dân ùa đến, vây cờ, hô khẩu hiệu đón Bác. Anh em trong Ủy ban khấn khoản mời Bác ở lại nghỉ cho đỡ mệt và ăn tối, nhưng Bác nói: “Hàng ngàn đồng bào chờ Bác ngoài kia, Bác không thể nghỉ ở đây để ăn cơm vì 9 giờ tối Bác đã có việc ở Chủ tịch phủ. Bây giờ các chú giúp Bác: một chú ra tập hợp đồng bào vào một ngã tư rộng gần đây để Bác ra nói chuyện với đồng bào mười phút; một chú ra cửa hàng bánh mua cho Bác một cặp bánh giò. Còn các chú đi với Bác thì tranh thủ ăn cơm trước. Nói chuyện xong, Bác về Hà Nội ngay cho kịp hẹn. Trong xe, Bác sẽ ăn bánh vừa đỡ tốn kém, vừa tiết kiệm thời gian cho Bác”. Sau đó Bác ra nói chuyện với đồng bào. Khá muộn, Bác vẫy tay chào đồng bào rồi lên xe về Hà Nội. Xe đi được một quãng, Bác mới bắt đầu dùng bữa ăn tối của mình.

Kháng chiến bùng nổ, Bác cùng các cơ quan Trung ương và Chính phủ trở lại Việt Bắc. Những năm đầu, đời sống kháng chiến vô cùng kham khổ, Bác vẫn ăn chung với anh em, bát ăn chỉ là ống bương cưa ra, thức ăn chủ yếu là măng, rau, cao cấp nhất là thịt chim, sóc săn bắn hoặc đánh bẫy được đem kho mặn với muối để Bác ăn dần, thì thoảng tìm được con gà bồi dưỡng riêng cho Bác thì Người nói lộc bất khả tận hưởng, rồi đem chia đều cho mọi người. Món ăn chủ lực của Bác và anh em vẫn là món thịt Việt Minh gồm: 1kg thịt + 1kg muối + nửa kg ớt xào lên cho vào ống, đi đến đâu dùng cũng tiện. Khi tăng gia, chăn nuôi được nhiều, anh

em xin ý kiến, Bác đồng ý cho bỏ món thịt Việt Minh. Có lần, đoàn công tác của Bác đi qua huyện Yên Sơn theo kế hoạch ghé vào một cơ sở để ăn trưa. Nhưng khi đến nơi, thì nghe có tiếng máy bay địch nên Bác bảo anh em đưa cơm ra bãi cỏ ở bìa rừng ngồi ăn thuận tiện hơn. Hai đồng chí bảo vệ vào xóm bưng cơm lại mượn thêm chiếc chiếu của gia đình đồng bào ra ngồi. Lúc đặt mâm cơm xuống, Bác thấy có con gà luộc, đĩa cá và hai bát canh. Thấy thế, Bác không vui: “Các chú không nên mượn chiếu của bà con làm phiền đến dân”, ngừng một lát, Bác nói tiếp: “Trong khi nhân dân đang thất lưng buộc bụng kháng chiến, mình ăn cơm thế này là ăn cơm “quan” đấy”. Nói rồi, Bác vừa chia đôi tất cả các món ăn trên mâm. Bác bảo anh em đem một phần đã chia đưa vào biếu các gia đình nghèo trong xóm. Phần còn lại Bác lại chia làm đôi: Chỉ ăn một nửa, còn một nửa gói dành cho bữa sau. Một lần khác đi công tác, mấy Bác cháu được bố trí ăn cơm ở nhà một cơ sở. Đạo đó thiếu thốn nên nồi cơm phải đun nhiều sắn, khoai. Vì thương Bác nên gia đình đã nấu thêm nồi cơm gạo trắng và sắp một mâm riêng. Khi vào bữa, Bác bưng bát cơm trắng, gắp thêm mấy miếng thức ăn ngon để mời cụ cố đang ngồi bên bếp lửa gian trong, Bác nói rành rọt: “Cơm này là để dành cho người già nhất ăn”, rồi Bác lấy bát xới cho mình một bát cơm độn và cùng ăn với cả nhà. Trong rừng chiến khu đôi khi vẫn thiếu rau nhưng có nhiều mít, thế là Bác bày cách cho chị cấp dưỡng làm món nhút ăn cho đỡ xót ruột. Bác còn chú ý cả hình thức trình bày để bữa ăn tuy đơn giản nhưng ngon miệng. Một lần đi công tác, Bác

cháu dừng bên bờ suối nấu ăn, Bác bảo anh em nấu cơm để Người làm trứng rán. Bác làm rất thành thạo, khi trứng rán xong cơm chưa chín, Người lấy que sắt nung trên than hồng rồi đặt lên khoanh trứng tạo thành hình quả trám rất đẹp, thấy anh em trầm trồ, Bác nói: “Khi có điều kiện làm cho ngon hơn, đẹp hơn thì ta cứ làm chứ các chú!”. Cũng có dịp đặc biệt như cuối năm 1953, quân và dân miền Nam thắng trận U Minh, Đồng Tháp Mười, Tây Nguyên, Bác quyết định mở tiệc khao quân với các món: Thịt gà luộc (được chặt làm 20 miếng đều nhau vừa đủ số người trong cơ quan), canh cải xanh, rau muống xào tỏi, xôi nếp, cơm tẻ, đều là sản phẩm cơ quan tăng gia. Bữa tiệc xong, Bác bỗng nói, giọng trầm xuống: “Hôm nay Bác cháu mình ngồi ở chiến khu Việt Bắc ăn xôi với thịt gà mừng chiến thắng, thì quân và dân miền Nam đã 9 năm rồi, kể từ ngày 23 tháng 9 năm 1945 không lúc nào ngơi tay súng chiến đấu với quân thù để bảo vệ nền độc lập Tổ quốc, biết bao chiến sĩ và đồng bào đã hy sinh anh dũng...”. Mọi người cùng lặng đi khi thấy hai giọt nước mắt Bác lăn trên đôi má gầy sạm...

Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Bác trở về thủ đô Hà Nội ở tạm trong ngôi nhà của người thợ điện, gọi là nhà 54. Bữa ăn hàng ngày của Người vẫn không cầu kỳ, không cao lương mỹ vị. 7 giờ, bữa điểm tâm của Bác thường là xôi ruốc thịt hoặc bánh cuốn, bánh mì. Đến khoảng 9 giờ, Bác uống một cốc cà phê. 11 giờ, Bác ăn cơm trưa, trên mâm cơm của Người thường có bát canh nước trong, một món xào hoặc thịt luộc, cá quả hoặc cá bống kho gừng và không

thiếu hương vị miền quê cả kho tương hoặc dầm đường ớt ... Bữa nào Bác cũng ăn đúng hai bát. Mỗi khi xong bữa, Người lại tự tay xếp bát đĩa gọn ghẽ để bớt phần công việc cho các đồng chí phục vụ. Khoảng 14 giờ, Bác uống một cốc sữa. 17 giờ 30, Bác dùng cơm tối. 21 giờ, Bác uống một cốc cà phê sữa cho tỉnh táo khi làm việc khuya. Có lần, đồng chí phục vụ đưa lên đĩa cá anh vũ - một loại cá quý thường chỉ có ở ngã ba sông Bạch Hạc (Việt Trì). Bác bảo: “Cá ngon quá, thế mà chú Tô (Thủ tướng Phạm Văn Đồng) lại đi vắng! Thôi, các chú để đến chiều đồng chí Tô về cùng thưởng thức”. Thấy Bác khen, anh em gửi tiếp cá đến, nhưng thấy món cá hôm trước lại xuất hiện, Bác không hài lòng: “Bác có phải là vua đầu mà phải cung với tiến?” rồi kiên quyết bắt mang đi, không ăn nữa. Năm 1957, Bác thăm một số nước Đông Âu. Sau buổi tiệc do Đại sứ quán Việt Nam tổ chức tiết kiệm và trang trọng, các món ăn không thừa, không thiếu, Người nói: “Ăn uống lãng phí, Bác xót xa lắm, vì đây là tiền bạc của nhà nước, của nhân dân. Bà con ta ở trong nước làm đổ mồ hôi, sôi nước mắt, mới có miếng mà ăn. Vì vậy để lãng phí, xa hoa là có tội với nhân dân”. Có lần ở Liên Xô, bạn chiêu đãi toàn những đặc sản, nhưng Bác lại chỉ nhớ món cá bống kho lá gừng. Không để bạn phật ý, đồng chí thư ký phải trở tài tháo vát bằng cách giới thiệu với bạn một món cổ truyền Việt Nam để nổi cá bống được có mặt trong bữa ăn.

Từ tháng 5 năm 1958, Bác chuyển sang ở nhà sàn, nhưng hàng ngày, đúng giờ quy định, Người trở về dùng bữa tại nhà ăn phía bên kia bờ ao, cơm nước xong, Người lại đi bộ trở về

nhà sàn, dù thời tiết mưa to, gió lớn cũng vẫn vậy. Các đồng chí phục vụ nhìn Bác xắn quần lội qua quãng đường ngập nước mà thương Bác vô cùng. Một hôm, sắp hết giờ làm việc buổi sáng, trời đổ mưa to. Thấy cơ hội thuận tiện, đồng chí giúp việc xin phép được mang cơm sang nhà sàn, Bác dừng tay làm việc, trầm ngâm nhìn trời mưa, hỏi đồng chí phục vụ “Thế mang cơm cho Bác cần mấy chú?”, “Dạ, thưa Bác, một đồng chí bê cơm, một đồng chí bê thức ăn và hai đồng chí đi kèm che mưa”, “Thế chú muốn một mình Bác vất vả hay muốn để nhiều người vất vả vì một mình Bác?”. Hết giờ làm việc, mưa vẫn tầm tã, Bác xắn cao quần, tay cầm ô, tay chống gậy, lần từng bước qua con đường vòng ao cá nước chảy xiết sang nhà ăn. Những lần đi công tác các địa phương, Bác đều nhắc anh em mang cơm đi theo, khi thì cơm nắm, khi thì bánh mì với thức ăn nguội, chỉ có món canh cho vào phích để đến bữa Bác dùng cho nóng. Trên đường đi, cứ đến bữa là Bác chọn nơi vắng, mát, sạch cho dừng xe, Bác cháu bày cơm ra ăn đơn giản, không phiền ai cả. Một lần về thăm Thái Bình, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cố nài Bác ở lại ăn cơm, Người nói: “Đi thăm tỉnh lỵ còn ăn uống nổi gì?”, nhưng vì thương cán bộ đã trót bày mâm, Bác lấy gói cơm nắm và thức ăn mặn rồi bảo đồng chí cảnh vệ: “Chú mời đồng chí Bí thư và Chủ tịch đến ăn cơm với Bác. Còn chú và chú bác sĩ sang mâm kia ăn với cán bộ tỉnh”. Khi phải công tác ở địa phương nào lâu, Bác dặn cán bộ tỉnh chỉ làm cơm cho mấy người và ăn những món nào, dù cán bộ tỉnh bày cỗ ra Bác vẫn chỉ gắp vào bát của anh em và bát của mình mỗi người một miếng

gọi là nếm thử, rồi xếp ngay ngắn đĩa thức ăn ấy, để ra ngoài mâm, Bác vói với anh em: “Người ta dọn ra một bữa sang. Bác cháu mình có khi chẳng ăn và chẳng ăn hết. Nhưng đi rồi để lại cái tiếng: Đấy Bác Hồ đến thăm cũng làm cơm thế này, thế nọ, cũng điều động người làm mất thời gian. Thế là tự mình, Bác lại bao che cho cái chuyện xôi thịt...”. Hai lần Bác về thăm quê, tỉnh nhà đều làm cơm chiêu đãi Bác. Năm 1957, Bác mời mọi người cùng ngồi chung mâm có đĩa cà muối quê hương. Năm 1961, Bác cũng ngồi vào bàn ăn nhưng lại chiêu đãi mọi người món cơm đã chuẩn bị sẵn, mang từ Hà Nội vào: Đó là những gói cơm nắm độn bắp, gạo trắng và ngô nhỏ mịn gói lại vuông vức. Bữa cơm ấy thật ngon, nhiều ý nghĩa và cảm động. Năm 1965, cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đang ác liệt, nhân dân ta bắt đầu phải ăn cơm độn sẵn, ngô, Bác dặn anh em: “Các chú thổi cơm độn cho Bác. Nhân dân, cán bộ ta ăn độn bao nhiêu phần trăm, độn cho Bác từng ấy”. Khi đó Bác đã bước vào tuổi 75, nhìn Bác ăn độn mà anh em xót quá, mới thưa lại có quy định các cụ già trên 70 tuổi không phải ăn cơm độn, nhưng Bác bảo: “Bác cũng nhiều tuổi, nhưng Bác còn khỏe. Thế thì Bác theo cán bộ. Cán bộ thế nào thì Bác thế ấy. Cứ thổi tiếp đi cho Bác ăn”. Anh em xay ngô thật nhỏ, độn gọi là, nhưng Bác biết, Người nhắc: “50% cơ mà!”.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng là người được vinh dự dùng cơm với Bác nhiều lần nhất, Thủ tướng kể lại rằng bữa ăn nào Bác cũng ăn tiết kiệm, vừa đủ không bỏ món thừa, không vương vãi một hạt cơm. Bác rất thích ăn những món

dân dã như vó bò, cà dầm tương, mắm, canh cua với rau chuối thái ghém hoặc dọc mùng. Những hôm mời khách ăn cơm, bao giờ Bác cũng báo trước cho đồng chí cấp dưỡng biết để chuẩn bị và số tiền đãi khách đó được trừ vào tiền lương của Bác, không bao giờ người dùng vào tiền công quỹ. Bác thường mời cơm thân mật một số đồng chí trong Bộ Chính trị, đôi khi cả gia đình một số đồng chí trong Trung ương, cán bộ, các anh hùng dũng sĩ miền Nam ra báo cáo công tác hoặc chữa bệnh. Những lần tiếp khách như vậy bao giờ Người cũng nhắc các đồng chí phục vụ nấu những món ăn phù hợp khẩu vị của khách để anh em ngon miệng. Chiều ngày 01 tháng 8 năm 1969, vị khách cuối cùng được Bác mời cơm là đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam ra báo cáo tình hình với Người.

Phong cách sinh hoạt đời thường của Bác Hồ là biểu hiện của tình thương yêu con người, là đạo đức cần - kiệm - liêm - chính, tạo nên nét thanh cao và sự vĩ đại của một nhà hiền triết, một bậc thánh nhân thế kỷ XX, bởi vậy: “Cuộc đời của Hồ Chủ tịch trong như ánh sáng. Đó là tấm gương tuyệt vời về chí khí cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng nhân đạo và yêu mến nhân dân thắm thiết. Tư tưởng và đạo đức cao cả của Người mãi mãi soi sáng và nâng cao tâm hồn chúng ta”.

Nguồn: Trang ditichhochiminhphuchutich.gov.vn

“Cách mạng” theo ý Bác Hồ

Năm 1946, khi nêu lên khẩu hiệu “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, một số cán bộ đã góp ý với Người là nghe “nó cũ quá”. Bác đã giải thích, đại ý “không phải cái gì cũng bỏ”.

Năm 1947, ở Chiến khu Việt Bắc, với tên ký là Tân Sinh, Bác viết tác phẩm *Đời sống mới*, xuất bản lần đầu tiên ngay trong năm đó.

Trong trang đầu tiên đề cập tới “Đời sống mới”, tác giả viết: “Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải làm bớt đi.

Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: Ta phải tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước.

Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm. Thí dụ: Ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp”. Năm 1958, khi đồng chí Giang Đức Tuệ, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình đến gặp Bác tại Văn phòng Chủ tịch ngày 20 tháng 10, Bác dặn: Cách mạng chỉ xóa bỏ cái xấu, cái dở và giữ lại cái tốt, cái hay”.

Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng có lưu trữ một bài nói chuyện của Bác, nhan đề “Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu” (chưa xác minh chính xác ngày, tháng ra đời của văn kiện nên tạm xếp vào năm 1952).

Bác nói “Cách mạng là tiêu diệt những cái xấu, xây dựng những cái gì tốt”.

Bác thực sự đã cho ta tấm gương sáng về lời nói và cả về hành động cách mạng.

Bác đã nghiên cứu, đối chiếu, gạn lọc, xóa bỏ tất cả những cái “xấu” ngay trong lòng xã hội mới hiện đại, văn minh nhất đương thời, đồng thời đã phát hiện và giữ lại tất cả những cái hay, tốt, đẹp của lịch sử phát triển các dân tộc trên thế giới, cổ kim, đông tây. Người đã thấy được cái hay, cái tốt trong Phật giáo, Thiên Chúa giáo, trong Khổng học để vận dụng vào cuộc cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng những điều hay, điều tốt của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Bác cũng thấy được trong từng con người, từng cộng đồng người, tuy “cũ”, tuy “xấu”, nhưng vẫn có cái “tốt” để phục vụ cách mạng, mà cái tốt trên hết “là lòng yêu Tổ quốc, yêu nước, thương nòi”. Cho nên, đã có những người trước

làm quan to cho Pháp, cho triều đình Huế, đã học và kiếm được nhiều tiền trên đất nước “tư bản”, những nhà “tư sản”, những “địa chủ”, những công nhân sống lâu, sống sâu với kẻ địch, nhưng họ vẫn thấy được cái điều “cách mạng” ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin và đi theo “Cụ Hồ”.

Người đã đến viếng và thắp hương ở đền Bà Triệu tại Thanh Hóa, thích các làn điệu dân ca Nghệ Tĩnh, Việt Nam, Pháp, Ý. Khi nói, khi viết đều dùng lời lẽ, chữ nghĩa giản dị, khi cần thiết cũng đã nêu lên những ý hay của Tổng thống Hoa Kỳ, dí dỏm của người Anh, sâu sắc của Khổng Tử. Tất cả những điều ấy và biết bao điều khác nữa đâu có thể nói Bác là “cũ”!.

Bác đã từng nói: Một đoàn thể mạnh thì cái tốt ngày càng phát triển, cái dở ngày càng bớt đi. Một điều tốt phải đưa ra cho tất cả mọi người cùng học, một điều xấu phải đưa ra tất cả mọi người cùng biết mà tránh”. Người cũng đã dạy rằng xóa điều xấu, làm điều tốt không thể gấp gáp được. Vì nếu có nấu cơm cũng phải 15 phút mới chín, hướng chỉ là sửa chữa cả một nước đã 80 năm nô lệ, người tốt có, người xấu có, một đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ cũng phải vài ba giờ mới xong”.

Trong tình hình đổi mới của nước ta hiện nay, những cụm từ “cách mạng”, “cái xấu”, “cái tốt”, nhất thiết cũng cần cho chúng ta suy nghĩ. Mở cửa đón gió bốn phương, không phải “nhập” cả những điều “mới”, “hiện đại” nhưng lại xấu xa, đồi bại, có những cái không tốt của “khách” mà chính họ

cũng bỏ, càng không phải một cuộc “loại bỏ” những cái “cũ” đẹp dần mất đi, cái mới chưa tốt lại đang được o bế, đang có “môi trường” sinh sôi, nảy nở. Điều này làm cho ai đó, rất cực đoan, muốn trở lại hai đầu “cũ, cũ hết, mới, mới hết; cũ xấu hết, mới tốt hết”. Đó là một thái độ không “cách mạng”, như lời Bác dạy.

*Nguồn: Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam
ngày 30/9/2009*

Những lời Bác dạy đầu tiên

Mùa thu năm 1946, tôi và ba đồng chí nữa được vinh dự theo Bác về nước trên chiếc tàu Duymông Đuécvin (Dumon d'Urville). Tàu này là một chiếc tàu chiến đã cũ, chạy lừ đừ chậm chạp. Lúc bấy giờ, tình hình ở trong nước đang căng thẳng ai nấy đều sốt ruột mong về sớm, nhưng giờ đây nghĩ lại, đối với chúng tôi, đó là một dịp may hiếm có để được kéo dài những ngày chung sống với Bác.

Trên chuyến xe lửa từ Paris đi Marseille, Bác nói:

- Nước ta còn nghèo vì 80 năm bị đế quốc bóc lột, chiếm đóng. Đồng bào Nam bộ giờ đây còn đổ máu. Chúng ta còn gian khổ chiến đấu, nhiều chữ chưa được sung sướng ngay đâu. Các chú về nước chính là để phục vụ Tổ quốc, phục vụ đồng bào...

Lên tàu rồi, một hôm Bác dặn:

- Ở nhà không có gì đâu. Nước ta thiếu máy móc, nguyên liệu, thiếu cả thợ lành nghề, tiền của ta lại ít. Song nước ta giàu về rừng núi, sông biển, đồng bào ta giàu về quyết

tâm, dũng cảm và sáng tạo. Các chú về phải chịu thương, chịu khó làm ăn, đưa những cái đã học ở nước ngoài về áp dụng thiết thực vào trong nước, giúp đỡ và hướng dẫn anh em trong nước cùng làm.

Tôi còn nhớ lúc đi tàu, thỉnh thoảng có những hôm tên đại tá chỉ huy tàu tổ chức tập trận giữa biển cả mênh mông, tiếng súng đại bác, súng máy các loại thi nhau gầm thét, khói mịt mù, nước biển tung tóe ngoài khơi. Trong chúng tôi, thoát tiên cũng có người hồi hộp, nhưng riêng Bác vẫn điềm nhiên, ung dung hút thuốc lá, đứng xem. Bác mỉm cười bảo chúng tôi:

- Đấy, người ta thử kiểm tra tinh thần của các chú. Các chú có sợ không?

Nhân đó, Bác chỉ cho chúng tôi thấy bọn đế quốc thường hay phô trương, khoe khoang về sức mạnh vật chất, còn nhân dân cách mạng tuy nghèo nhưng hàng triệu người đoàn kết thành một khối, có tinh thần dũng cảm và mưu trí, nhất định đánh bại được bọn chúng...

Tại Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất, tôi được Bác khen...

Vinh dự đó thuộc về anh em ngành quân giới trong đó tôi nhờ sự chỉ bảo, dẫn dắt của Bác đã đóng góp một phần.

Những lời dạy của Bác như bức cảm nang quyết định mọi thắng lợi trong công tác của tôi.

*Nguồn: Theo Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa
báo Hậu Giang, số 395 ngày 30/3/2007.*

Tài ứng khẩu của Bác

Bác là một lãnh tụ, nhưng khi hòa mình với nhân dân, Người không bao giờ dùng những lời giáo huấn đơn điệu, mà ở Người là sự kết hợp hài hòa giữa tác phong quần chúng, những lời nói bình dị, dễ hiểu và khả năng gây cười, sự dí dỏm tự nhiên. Phản xạ, ứng đáp nhanh nhạy trước mọi tình huống ở Bác có nét đặc trưng riêng, đã trở thành thói quen phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận, thích ứng đối với mọi hoàn cảnh xung quanh. Đó là kết quả của một trí tuệ mẫn tiệp, của thái độ, phong cách quần chúng. Bác luôn tạo nên một không khí hòa đồng, một mối liên hệ gần gũi giữa người nói, người nghe, xóa đi những cách biệt, những suy nghĩ tự ti của người dân trước lãnh tụ và đưa lại không khí tự nhiên vốn có giữa con người với con người. Nó không chỉ dừng lại ở nghệ thuật ứng xử mà là phản xạ tự nhiên của lãnh tụ rất nhân dân.

Đầu năm 1950, Chính phủ Liên Xô mở tiệc chiêu đãi

trọng thể Chủ tịch nước láng giềng của ta. Hôm chiều dài có mời Bác đến dự. Khi chuyện trò, Bác nói với một đồng chí Liên Xô: “Các đồng chí đã ký hiệp ước với nhau, nhân dịp tôi ở đây chúng ta cùng ký một hiệp ước với nhau”.

Chuyến đi của Bác lúc đó là bí mật, nên đồng chí Chủ tịch trả lời Bác là: “Người ta sẽ nói đồng chí ở đâu đột ngột đến thì không tiện”. Bác trả lời: “Cái đó dễ thôi, đồng chí cho một chiếc máy bay đưa tôi bay một vòng trên trời, sau đó cho người ra đón, rồi quay phim chụp ảnh đưa tin là ổn.

Năm 1967, Liên Xô quyết định tặng Bác huân chương Lênin. Nếu Bác từ chối không nhận thì không thuận cho quan hệ ngoại giao. Bác vốn xưa nay chưa bao giờ nhận huân chương, lần này Bác có cách từ chối khéo. Bác viết thư xin hoãn việc trao huân chương, chờ khi nào giải phóng hoàn toàn Tổ quốc lúc đó Bác sẽ thay mặt nhân dân Việt Nam, nhận huân chương cao quý đó. Hôm sau, các báo ở Liên Xô đăng trang trọng trên trang nhất quyết định tặng huân chương của Nhà nước Liên Xô và thư của Bác. Qua đó nhân dân Liên Xô càng yêu quý Bác hơn.

Nhớ lần Bác đến thăm một nông trường ngoại ô Ki-ép, Bác đi xuống nơi công nhân đang lao động, thấy Bác mặc giản dị ai cũng quý, cũng muốn đến gần. Khi đó có một cô công nhân đứng cạnh Bác, mạnh dạn hỏi: “Thưa Bác, cháu trộm nghĩ một mình Bác chắc chắn không tiêu hết lương Chủ tịch nước?”. Bác nhăm nhăm và vui vẻ trả lời: “Thế tính ra lương cháu gấp đôi lương Bác đấy”.

Hồi kháng chiến chống Pháp, Bác thường đi xuống thăm các đơn vị cơ sở. Một lần đi thăm xưởng quân giới Lê Tổ. Bác trả lời câu hỏi của anh chị em ngắn gọn, dễ hiểu. Có người hỏi, khi nào thì đồng tiền Việt Nam trở lại có giá trị như khi nó mới có, Bác trả lời: “Khi các cô chú tăng gia sản xuất tăng hai lần thì nó trở lại hai lần, tăng ba lần nó trở lại ba lần”. Có người hỏi, Đảng ta sắp ra công khai, vậy Bác có ra không, tên thật Bác là gì? Khi nói đến Bác có ra không? Cả hội trường ai cũng cười. Bác nói: “Đây, cười là trả lời rồi đấy”. “Tên thật Bác là Bác”. Có câu hỏi: “Khi nào thì Bác có Bác gái? Toàn thể reo cười, Bác trả lời: “Khi nào có thì Bác sẽ trả lời”. Câu hỏi tiếp: “Phụ nữ các nước dân chủ họ làm gì ạ? Bác trả lời: “Họ cũng lao động và tăng gia sản xuất, và học hát, các cô các thím thua họ ở chỗ học hát”...

Năm 1948, nhân ngày phong Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bác vui vẻ ra câu đối:

“Giáp phải giải Pháp”. Các vị có mặt gặp thế bí vì về đối nói lái này gói gọn ý Đại tướng Giáp phải giải giáp được quân Pháp.

Ông Tôn Quang Phiệt nhìn Bộ trưởng Bộ Tài chính Lê Văn Hiến đọc về đối:

“Hiến tài, hái tiền” Bác khen về đối hay, đạt cả ý lẫn lời, nên Bác tặng tác giả một quả cam.

Sau cuộc họp lớn, giữa trưa hè nắng đẹp, mọi người đứng đầu vào đây cả rồi, thợ ảnh cứ chạy bên này bên kia, chọn góc chụp, Bác đứng cạnh nhà thơ Tú Mỡ, Bác nói vui:

- “Chú chụp nhanh không thì tất cả bọn này thành Tú Mỡ cả”.

Mọi người được phen cười vui vẻ. Bác vừa nói theo nghĩa tiếng Pháp (tout là tất cả, mớ là mớ hôi) vừa theo nghĩa tiếng ta, ngụ ý dí dỏm, vui vẻ.

Đồng chí Nguyễn Đăng Bảy, thời kỳ kháng chiến là phóng viên nhiếp ảnh thông tin Trung ương, khi chụp được một số ảnh của Bác, anh em bàn đưa ra trưng bày triển lãm. Hôm đó Bác tình cờ vào xem. Đồng chí đang hý hoáy trang trí, Bác hỏi: “Chú treo được bao nhiêu bức ảnh tất cả?”. Đồng chí Bảy trả lời Bác là được tất cả 20 tấm ạ, Bác nói: “Hơn chứ, chú đếm lại xem thử”. Đồng chí đếm đi tính lại cũng chỉ có 20. Lúc ấy, Bác cười, chỉ vào mình mà nói: “Còn đây là chiếc thứ 21 chứ”.

Hôm khai mạc lớp chính huấn có vui văn nghệ. Có đồng chí xung phong lên đọc thơ của Huy Cận, Bác hỏi vui: “Cái tác giả bài thơ có ở đây không?”. Nhà thơ Huy Cận thưa có. “Thế thì mời “tác thật” lên đọc thơ của mình “cho nó thật hơn”. Sau Bác hỏi: “Có chú nào dân tộc Mường lên hát một bài tiếng Mường cho mọi người thưởng thức”. Có đồng chí xung phong đọc bài thơ lục bát tiếng Kinh, đọc lơ lớ, bỏ hết dấu, Bác bảo “đấy không phải tiếng Mường”.

Bác đến thăm nhà chị Loan (người kéo cờ ở quảng trường Ba Đình ngày 2/9, sau là phu nhân Đại tướng Hoàng Văn Thái) ở chiến khu. Vào đến nhà thấy đồng con nhỏ, Bác nói vui: “Ồ tưởng đây là nhà cô Loan, hóa ra mình vào nhầm

nhà trẻ”. Biết Bác phê bình khéo, chị ngượng cười và báo cáo: “Thưa Bác đây là “tiểu đội” của vợ chồng cháu đây ạ”. Bác vui vẻ bảo chị tập trung “tiểu đội” cứ lần lượt bé nhất đứng trước để Bác chia kẹo, chị đang loay hoay sắp xếp đội hình, Bác bảo: “Tiểu đội trưởng cũng đứng vào hàng chứ”. Bác chia kẹo cho các cháu và cho cả chị nữa. Khi đến lượt chị, Bác nói vui: “Bác khen là cô đã có công nuôi dạy các cháu ngoan”.

Nhớ lần Bác đến thăm một gia đình cán bộ, thấy ba cháu gái xinh xắn ra chào Bác, Bác hỏi vợ chồng chủ nhà tên các cháu là gì. Chủ nhà thưa Bác tên các cháu là Thu Thủy, Thu Thảo, Thu Vân, Bác cười hiền lành và nói: “Sao đặt “văn chương” thế, gọi Thu Ngô, Thu Sắn, Thu Khoai có hay không”. Khi ra về Bác bảo: “Nói vui thế thôi, chứ những tên Việt Nam ấy rất đẹp”.

Đồng chí Tạ Quang Bửu sinh cháu trai đầu lòng, Bác có chai mật ong, Bác gửi tặng cháu, tự tay Bác viết “Nhân hiệu tặng cháu Quang. Thời gian sau, Bác ghé vào thăm nhà đồng chí Bửu, Bác gọi âu yếm “Thằng Quang đâu? Thằng “xã xệ” đâu, ông bế nào”. Rồi Bác chụp ảnh với cháu và không quên gửi tặng ảnh cho cháu.

Một lần đến dự cuộc họp Trung ương, thấy một cô gái đứng cạnh đường, chào Bác, Bác hỏi, cháu đứng đây làm gì, được biết cô là lính bảo vệ, Bác hỏi vui: “Thế cháu đứng bảo vệ Bác thì ai bảo vệ cháu?”

Có lần Bác đến thăm một địa phương, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đứng lên thưa với Bác, có câu: “Thưa Bác Hồ, vị cha

già dân tộc”, Bác ngoảnh lại nói với mọi người: “Bác chưa già đâu”.

Buổi đó Bác được tặng ba bó hoa, Bác hỏi đồng chí Bí thư: “Theo chú thì Bác nên tặng hoa cho ai?”. Đồng chí trả lời Bác: “Thưa Bác, Bác tặng cho phụ nữ, thanh niên...”. Bác cười và nói vui: “Phụ nữ, thanh niên không tặng Bác thì thôi...”. Bác xuống sân và tặng một cụ già cao tuổi nhất, một cháu thiếu nhi và cho bộ đội.

Lần Bác tiếp các anh hùng quân đội, Bác hỏi: “Chú nào hạ được nhiều máy bay nhất?”. Thưa Bác, đồng chí Cốc ạ. Mọi người đồng thanh trả lời. Bác gọi: “Chú Cốc lên đây Bác bắt tay”. Bác nói: “Năm nay mong chúng ta có nhiều Cốc hơn nữa”.

Đến thăm Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc, Bác đến gần một cô gái và hỏi: “Đơn vị cháu có mấy người trong đoàn?”. Cô gái lúng túng trả lời: “Thưa Bác, chỉ một mình cháu được đi thôi ạ”. Bác dí dỏm: “Thế đơn vị cháu nhiều người tiêu cực thế à, chỉ được một mình cháu?”.

Một đoàn cán bộ vào gặp Bác, Bác mời ăn kẹo nhưng ai cũng muốn nghe Bác nói chuyện chứ không muốn ăn, thấy thế Bác bảo: “Không ai ăn kẹo thì Bác cho mang về”.

Lúc đó, Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền hóm hỉnh nói: “Bác cho, ta đưa cả về”. Bác cười vui nói ngay: “Bác cho đưa kẹo về, đĩa phải để lại Bác còn tiếp khách chứ”.

Nhớ lần đi “dã ngoại” bữa ăn mang theo có thịt bò, đến

bữa ăn, đồng chí Vũ Kỳ chỉ vào đĩa thịt, hỏi đồng chí bảo vệ: “Đố biết đây là thịt gì?”. Đồng chí này trả lời là thịt bò, đồng chí Vũ Kỳ hỏi tiếp: “Nhưng mà thịt bò gì chứ?”. Đồng chí bảo vệ đang băn khoăn chưa kịp trả lời, đồng chí Vũ Kỳ nói tiếp: “Đây là thịt bò rừng, loại này đặc biệt lắm, người ta không bắn được nó mà phải dùng muối bỏ vào bẫy rồi mới bắt được nó”. Đang lúng túng lại nghe kể có vẻ ly kỳ, nên đồng chí có vẻ chăm chú lắng nghe, tưởng như thật. Thấy vậy, Bác vỗ vai vừa cười vừa hỏi:

“Thế Bác đổ chú một cân sắt nặng hơn hay một cân bông nặng hơn?”. Nghe Bác đổ, lúc đầu đồng chí định trả lời là cân sắt nặng hơn, nhưng nhìn ánh mắt vui vẻ của Người, đồng chí bình tĩnh cân nhắc trả lời là nặng bằng nhau. Bác nói đùa vui: Cân sắt chắc nặng hơn chứ” như muốn nói thịt bò nào mà chả giống nhau, cái chính là phải trả lời dứt khoát để người ta khỏi vắn vẹo, quanh co.

*Nguồn: “Hồ Chí Minh, chân dung đời thường”,
NXB Lao động, Hà Nội, 1996.*

Đời sống của dân quan trọng hơn

Năm 1951, hai nhà quay phim chiến sĩ miền Nam Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền được tham gia đoàn cán bộ miền Nam ra Việt Bắc.

Đoàn đã được Bác Hồ tiếp thân mật và tổ chức tiếp long trọng tại Văn phòng Chủ tịch nước. Riêng mấy anh em điện ảnh miền Nam còn được Bác mời đến trong một cuộc liên hoan lửa trại đầm ấm. Anh em đề nghị Bác cho phép “quay” một số cảnh làm việc, sinh hoạt của Bác, Bác đồng ý. Với chiếc máy quay phim “cổ lỗ sĩ” và một số mét phim ít ỏi, Lê Minh Hiền đã ghi được một số hình ảnh rất quý giá - cho đến ngày nay là vô giá - về Bác Hồ.

Đồng chí Hiền và đồng chí Đoàn vẫn còn áy náy là Bác mặc quần áo giản dị quá, sợ mang về miền Nam chiếu lên, đồng bào có thể hoặc là quá xúc động, hoặc là chê trách người quay phim. Đồng chí Đoàn bày cho đồng chí Hiền là

để nghị Bác mặc kaki đại cán, kiểu Tôn Trung Sơn, bộ độc nhất của Bác để quay cho đẹp.

Tưởng Bác đồng ý, nào ngờ Bác nói:

- Bác như thế này, có thế nào thì các chú cứ thế mà quay.

“Thua” keo này, lại bày keo khác. Lâu lâu, hai anh em lại “xin” Bác mặc đại cán “cho”. Thấy các nghệ sĩ năn nỉ mãi, Bác cũng đành mặc “cho” đôi ba lần, những khi cần thiết... Tổ làm phim còn quay được một số cảnh Bác đánh máy chữ, trồng rau xanh, đi công tác lợi suất, cưỡi ngựa.

Anh em còn định quay một số cảnh nữa về đời sống hàng ngày của Bác.

Bác nói:

- Thôi! Đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của nhân dân.

Nguồn: “Mãi mãi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.

Vấn đề là phương pháp

Ông Thu Lâm – cán bộ của Trường Phổ thông lao động và Trường Bổ túc văn hóa công nông kể rằng: Năm 1951, Trường Phổ thông lao động khai giảng rồi sau đó sáp nhập với Trường Bổ túc văn hóa công nông. Nhiều cán bộ, chiến sĩ quân đội như các anh hùng La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên, chiến sĩ tình nguyện quân trên chiến trường Lào, Phạm Đức Dương, nguyên Viện trưởng Viện Đông Nam Á cùng một số cán bộ dân chính, con em cán bộ được dự học, trường đã bồi dưỡng kiến thức cho trên dưới 3.500 học sinh để thi vào các trường đại học, cao đẳng. Học viên nhà trường nhiều người sau đó đã trở thành cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội, trong đó có nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải.

Bác đã đến thăm trường 3 lần, vào cuối năm 1956, năm 1957 và 1959.

Năm 1957, vào lúc học sinh, công nhân viên, giáo viên, cán bộ nhà trường lên tới 4.000 người, giữa mùa hè, bỗng thiếu nước sinh hoạt trầm trọng. Các vòi dẫn nước về không chảy nước. Nhà trường phải thuê xe chở nước về phân phối định lượng cho mỗi người. Vì không đủ nước nên tình hình học tập trở nên loạc choạc; năng suất, kết quả học tập sút kém, tinh thần cán bộ, học viên trở nên căng thẳng. Ban giám hiệu nhà trường cũng đành bó tay không có cách nào giải quyết tích cực hơn.

Việc ấy đến tai Bác.

Một buổi sáng sớm thứ sáu, không nhớ cụ thể vào tháng nào, nhưng hẳn là giữa mùa hè năm 1957, cán bộ cơ quan bảo vệ Bác đến báo cho trường biết là chiều nay Hồ Chủ tịch đến. Thế là từ Ban giám hiệu, cán bộ giáo viên, học viên bỏ cả nghỉ trưa, làm tổng vệ sinh, quét dọn nhà ăn, nhà bếp, trong trường, ngoài ngõ ...

Hai giờ chiều hôm ấy, Bác đến. Sau khi thăm nơi ăn, nơi ngủ, bếp núc, bể chứa, vòi nước, Bác lên thẳng hội trường. Bác không nói chuyện thời sự, tình hình gì mà hỏi ngay:

- Ở đây, cô chú nào nhiều tuổi và hoạt động lâu năm nhất?

Một lát sau, có một học viên người miền Nam, tóc đã hoa râm đứng lên:

- Thưa Bác, cháu hoạt động từ năm 1930.

Bác hỏi vặn lại:

- Thế chú hoạt động có lâu năm hơn Bác không?

Đồng chí “năm 1930” đứng như trời trồng không trả lời được. Bác ra hiệu cho ngồi xuống. Quay sang hiệu trưởng, Bác hỏi:

- Nhà trường có bao nhiêu học viên?

Đồng chí Nguyễn Đình Thâu là Hiệu trưởng thưa:

- Thưa Bác, 3.600 học viên ạ.

Hiệu phó Lê Sơn khẳng định:

- Dạ thưa Bác, 3.550 học viên ạ.

Đồng chí quản trị nắm quân số chấm cơm lại nói:

- Thưa Bác, đúng quân số ăn cơm là 3.512 người.

Bác nghiêm nét mặt, nói:

- Có một con số mà mấy chú “đá nhau”, Thật là “vua liêu” chứ chẳng phải quan liêu nữa.

Bác quay về phía học viên, hỏi:

- Các cô, các chú mỗi người có thể đào “cho Bác” một khối đất được không?

Cả hội trường, nhất là học viên là bộ đội đều thưa to: “Dạ, được ạ”. Nhưng cũng chưa hiểu đào đất để làm gì?

Ra hiệu cho mọi người giữ trật tự. Bác nói tiếp:

- Cứ cho là trường có 3.500 người. Mỗi người một mét đất đào, như vậy cả trường đào được 3.500 mét đất. Đào một cái giếng để có nước cần bao nhiêu mét đất?

Bác đặt câu hỏi, nhưng cả Ban giám hiệu, toàn thể nhà trường biết là Bác răn dạy về cái khoản nước rồi, ai nấy đều im lặng, như đã nhận thấy lỗi.

Bác nói:

- Tại sao không tự bảo nhau đào giếng lấy nước mà dùng, lại cứ ngồi kêu ca Hiệu trưởng, kêu ca Đảng ủy, kêu ca Nhà nước?

Đồng chí Hiệu trưởng đứng dậy thưa với Bác sẽ thực hiện lời Bác dặn.

“Mấy mươi năm đã qua, mà tôi vẫn nhớ mãi buổi hôm ấy, chỉ một lần được Bác đến thăm mà được học hai bài học sâu sắc.

Một là, đã làm người dân, người cán bộ, đảng viên phải lấy tinh thần phục vụ vì dân, vì nước không nên “lên mặt”.

Hai là, trong công việc, cách giải quyết khó khăn, mâu thuẫn, tức là phương pháp rất quan trọng, có khi là quyết định. Có cách làm tốt, đúng mới thực hiện được chủ trương đường lối, mới giải quyết được vấn đề” – Đồng chí “năm 1930” kể.

Nguồn: baclieu.gov.vn

Câu chuyện về ba chữ “đình”

Khoảng cuối năm 1954 đầu năm 1955, khi mới tiếp quản Thủ đô, Trung ương Đảng còn đóng trụ sở ở nhà thương Đồn Thủy, nay là bệnh viện Việt Xô.

Một buổi chiều, Bác cho người gọi tôi lên. Thú thật, biết nơi Bác ở, nhưng tôi cũng chưa bao giờ đến. Được Bác gọi giao việc, tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì được giúp việc Bác, có điều gì hắc Bác sẽ chỉ bảo đến nơi đến chốn. Lo vì liệu mình có hoàn thành nhiệm vụ Bác giao không?

Tôi ăn mặc chỉnh tề, lấy lược chải tóc ngay ngắn, rồi lên gặp Bác. Thoáng thấy tôi Bác nói:

- Mời chú ngồi.

Tôi nhẹ nhàng ngồi xuống chiếc ghế tựa trước bàn Bác làm việc. Bác nói:

- Bây giờ chú giúp Bác làm một việc (vừa nói Bác vừa đưa cho tôi một quyển sổ công tác không dày lắm). Hàng

ngày chú đọc báo Nhân dân, báo Quân đội Nhân dân, báo Cứu Quốc... chú thấy các báo nêu thành tích của các cô, các chú nông dân, công nhân thì ghi tóm tắt vào sổ. Hàng sáng đúng 7 giờ chú đưa lên Bác xem, xem xong Bác sẽ gửi lại chú.

Thực hiện lời Bác dạy, tôi tranh thủ thời gian đọc báo để ghi vào sổ người tốt, việc tốt, sáng sáng đưa lên Bác xem.

Mặc dầu về tiếp quản Thủ đô, công việc rất bận, tôi vẫn thấy Bác giữ nguyên nề nếp giờ giấc hàng ngày. 6 giờ Bác đã ngồi vào bàn làm việc. Từ 7 giờ đến 7 giờ 15 phút đọc quyển sổ ghi tóm tắt người tốt, việc tốt của tôi đưa lên, rồi lại tiếp tục làm những việc theo lịch đã sắp xếp.

Tranh thủ lúc Bác đọc những mục ghi trong sổ, tôi lặng lẽ ngắm Bác. Thấy tôi đứng, Bác nói:

- Chú ngồi xuống đây!

Tôi ngồi xuống chiếc ghế trước bàn làm việc của Bác.

Sáng nào cũng vậy, đọc xong bản ghi chép Bác cũng chữa câu văn cho tôi. Chỗ nào cần lưu ý Bác lấy bút đỏ gạch dưới và dặn:

- Chú về báo cáo với chú Lương thường, hoặc nhắc địa phương, cơ quan, xí nghiệp khen thưởng những người có nhiều thành tích mà Bác đã đánh dấu.

Một kỷ niệm in đậm trong tâm trí tôi nhất là lần tôi đọc báo Nhân dân và ghi vào sổ “Tổ sản xuất Dân chủ sản xuất đình, tháng Một sản xuất được 50 vạn chiếc đình, tháng

Hai nhờ phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật sản xuất được 60 vạn chiếc đinh”. Đọc xong Bác lấy bút đỏ gạch bỏ hai chữ “đinh” ở cuối câu rồi nói:

- Chú viết một câu ngắn mà có ba chữ “đinh”. Phải biết tiết kiệm giấy mực, công sức và thời gian. Đọc hai chữ “đinh” mất một giây, cả triệu người thì hết bao nhiêu thời gian.

Tôi còn giữ mãi quyển sổ đỏ trong đời hoạt động công tác. Bác chữa nhiều chỗ, nhưng tôi nhớ nhất là câu chuyện về ba chữ “đinh” trong câu đó. Hai chữ “đinh” đằng sau Bác gạch bằng bút mực đỏ. Tôi càng ngày càng thấy thấm thía sự dạy bảo của Bác. Nếu ai cũng có ý thức tiết kiệm như Bác, chắc chắn rằng nền kinh tế của đất nước ta đã khấm khá hơn rồi.

Nguồn: “Hồ Chí Minh - Một huyền thoại kỹ vĩ”

NXB Lao Động, 2008

Nhớ ngày Bác Hồ đến thăm cơ quan Trung ương Đoàn

Với thanh niên, Bác luôn dành sự quan tâm đặc biệt. Vào một ngày đầu tháng 11 năm 1955, trong bộ kaki sáng màu và đôi giày vải giản dị, Bác Hồ đã đến thăm cơ quan Trung ương (T.Ư) Đoàn khi đó trụ sở tại số nhà 55 phố Quang Trung...

Hôm đó, Hà Nội vàng nắng rạng rỡ trong tiết trời mát mẻ. Đúng 8 giờ sáng, Bí thư T.Ư Đoàn Nguyễn Lam gọi anh Văn Tùng (cán bộ trẻ từ Huế ra nhận công tác mới được bốn tháng) và anh Nguyễn Thừa Lương (khi đó là Chánh Văn phòng T.Ư Đoàn) lên phòng làm việc. Anh Nguyễn Lam chỉ thị: “Chuẩn bị hội trường, tập hợp tất cả cán bộ nhân viên cơ quan, đúng 9 giờ sáng có mặt”.

Anh Văn Tùng và anh Thừa Lương đoán già đoán non: “Hà Nội mới giải phóng chưa lâu, chắc là có việc đột xuất”. Anh Văn Tùng nhận nhiệm vụ vội lao lên yên chiếc xe đạp cà tàng phóng gấp đến báo Tiền Phong ở số 45 Hàm Long

và mấy đơn vị thuộc T.Ư Đoàn ở 64 Bà Triệu, 20 Phạm Đình Hổ, số 3 Hồ Xuân Hương để báo tin và huy động cán bộ đến họp.

Khi phóng xe trở về đến trụ sở chính cơ quan T.Ư Đoàn tại 55 Quang Trung (nay là NXB Kim Đồng) anh Văn Tùng thấy nơi họp đã gọn gàng. Trên sảnh tầng hai của căn biệt thự đã kê một chiếc bàn gỗ trải khăn màu trắng và lọ hoa hồng.

Khi mọi người có mặt đông đủ, anh Nguyễn Lam và anh Thừa Lương chỉ đạo sắp xếp chỗ ngồi theo thứ tự: Hàng trên dành cho các cháu thiếu nhi, con em cán bộ T.Ư Đoàn và một số cán bộ Đoàn trẻ tuổi từng là thanh niên xung phong ở Việt Bắc, Liên khu 5 và nhiều chiến trường khác nhau, cán bộ miền Nam tập kết, Thành Đoàn Sài Gòn..., còn cán bộ T.Ư Đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và cán bộ lãnh đạo thì đều đứng phía sau.

Tổng cộng có khoảng gần 60 người có mặt tại hội trường. Thấy hai cánh cổng lớn của cơ quan rộng mở hết cỡ hơn mọi ngày và không khí bài trí trang trọng, trong đầu anh Văn Tùng lóe lên ý nghĩ: “Hay là Bác Hồ đến!”. Vừa nghĩ đến đây, anh Văn Tùng chợt thấy một chiếc xe hơi 4 chỗ đã cũ màu sữa do Liên Xô sản xuất đến cổng rồi chạy thẳng vào sân. “Bác Hồ đến!” - Nhiều tiếng reo đồng thanh vang lên.

Bác bước nhanh ra khỏi xe trong bộ kaki sáng màu và đôi giày vải giản dị, dáng người hơi gầy. Bên cạnh Bác không có thư ký riêng, chỉ có anh lái xe và người cận vệ. Bác bắt tay anh Nguyễn Lam rồi khoát tay ra hiệu chưa đi lên hội

trường mà muốn đi thăm khu nhà bếp. Bác đi vòng về phía sau căn nhà chính và vào thẳng nhà ăn.

Trên sảnh khu nhà lớn đồng thanh vang lên tiếng hô: “Hồ Chí Minh muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!”. Khi đó là 11 giờ, nhà ăn đang chia cơm ra từng khay để chuẩn bị bữa trưa. Bác đến bên nhóm nhân viên chia cơm thăm hỏi từng người. Bác hỏi: “Sao các cô không để lúc có người ăn đến mới chia cơm cho nóng, chia trước thì nguội hết?”.

Quay lên đến hội trường, Bác hỏi anh Nguyễn Lam: “Có mấy cháu gái ở đây?”. “Thưa Bác có 9 đồng chí ạ” - Anh Nguyễn Lam thưa. Đến bên các cán bộ nữ, Bác hỏi: “Các cháu từ đơn vị nào đến?”. “Thưa Bác, chúng cháu là thanh niên xung phong từ các chiến trường được điều về công tác tại đây ạ” - Một chị tên Sen trả lời.

Bác hỏi các cán bộ nữ có được đối xử bình đẳng như nam giới không? Cả hội trường đồng thanh trả lời: “Thưa Bác có ạ”. Bác cười vui hỏi lại: “Sao Bác hỏi các cháu gái mà tất cả lại trả lời thay cho các cháu gái?”. Cả hội trường cười vang. Không khí trang nghiêm có phần hơi “cứng” lúc đầu dường như đã tan biến mà thay vào đó là không khí chan hòa, thân mật.

Bác nói: “Đồng chí Nguyễn Lam cho Bác biết hôm nay có mặt các cháu thanh niên cả Bắc - Trung - Nam, thế là chúng ta có một gia đình đoàn kết tại đây làm Bác rất vui. Nhưng các cháu đừng quên khi Bác cháu ta ở đây thì đồng bào miền Nam đang phải đấu tranh anh dũng gian khổ để Bắc-Nam sum họp một nhà.

Vậy, các cháu phải ra sức công tác, tích cực rèn luyện để ủng hộ đồng bào miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà”. Bác nhìn mọi người một lượt rồi chỉ ra đằng sau cùng: “Các cháu đứng phía sau kia có nghe rõ Bác nói không?”.

Nhiều người giơ tay nói: “Thưa Bác có ạ”.

Về việc chuẩn bị Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ II, Bác căn dặn: “Bác nghe các cháu sắp khai hội*, khai hội để đoàn kết các tầng lớp thanh niên, xây dựng Đoàn để mọi mặt công tác được tốt. Bác và Trung ương đã cử đồng chí Nguyễn Chí Thanh cùng với đồng chí Nguyễn Lam chăm lo, chỉ đạo công việc này”.

Bác yêu cầu: Trước khi khai hội thì phải thực hiện dân chủ, tức là lắng nghe ý kiến đóng góp của quần chúng để suy nghĩ rồi đề ra nhiệm vụ cho sát đúng. Trong khi khai hội thì phải thực hiện tiết kiệm tránh lãng phí phô trương vì nước ta vừa trải qua chiến tranh, bị tàn phá nặng nề.

Sau khi khai hội thì phải đề ra kế hoạch thật cụ thể, kế hoạch đó phải xuống đến cấp dưới, đến cơ sở. Phải cử cán bộ đi xem xét, nơi làm tốt thì biểu dương, nơi làm chưa tốt thì phải phê bình để sửa chữa.

Với cán bộ làm việc tại cơ quan T.Ư Đoàn, Bác nói: “Bây giờ các cháu đang sống và làm việc trong điều kiện tốt hơn khi ở chiến khu và nông thôn. Vậy phải ra sức công tác.

* Tức Đại hội Đoàn, Đại hội Liên đoàn thanh niên Việt Nam .

Minh là đoàn thể thì không chỉ loay hoay nơi nhà cao cửa lớn mà phải về với quần chúng lao động”.

Nói đoạn Bác chỉ tay ra phía xóm lao động nghèo phía hồ Thiên Quang: “Các cháu thấy đó còn biết bao đồng bào lao động đang sống trong những căn nhà nghèo khổ. Vì vậy, ở ngay trong thành phố này, các cháu có thể tranh thủ những ngày nghỉ về các xóm lao động dạy chữ, hướng dẫn vệ sinh, để phòng bệnh tật, chăm sóc giúp đỡ các cháu thiếu nhi.

Như vậy, vừa có ích cho đồng bào, vừa có ích cho các cháu. Phải tranh thủ thời gian để học, học mãi. Vì sao phải học? Vì cách mạng muốn tiến lên thì người cách mạng phải học mới theo kịp không thì sẽ trở nên lạc hậu, bảo thủ. Có cháu nào có kế hoạch học tập cá nhân chưa?”.

Cả hội trường bối rối, yên lặng. Bác nói tiếp: “Nếu chưa có kế hoạch thì phải bắt đầu từ hôm nay!”. (Theo nhà sử học Văn Tùng, người có mặt tại cuộc gặp mặt này thì tại thời điểm đó, trình độ của đa số cán bộ T.Ư Đoàn là tiểu học, một số ít là trung học).

“Các cháu phải đoàn kết trong cơ quan thành một khối. Đoàn kết Bắc- Trung - Nam. Muốn đoàn kết thì phải thực hành phê bình và tự phê bình...”. Nói đến đây Bác dừng lại và gọi đồng chí cận vệ đem một túi kẹo để Bác chia cho các cháu bé. Mọi người trong hội trường dồn lại vây quanh lấy Bác...

Nguồn: Báo Tuổi Trẻ online, ngày 26/3/2008.

Tấm ván lát đường

Hôm ấy, một buổi chiều cuối hè 1958. Sau cơn mưa giông ngày hôm trước, trời vén mây cao tít, để lộ ra từng khoảng trời xanh biếc, đôi lúc có những lớp mây trắng bạc bập bênh đuổi nhau. Đó là một buổi chiều đẹp trời, mát mẻ.

Lúc bấy giờ, khu tập thể của Nhà máy Cơ khí Hà Nội còn nghèo, chưa có nhà ba tầng, đường chưa lát đá như bây giờ. Trận mưa còn để lại những vũng lầy lội. Một chiếc ô tô màu xám nhạt đi rất êm, nhẹ, dừng lại bên hàng rào nửa cạnh chiếc quán lá bán quà sáng cho công nhân. Bác đến! Lúc đó nhiều anh chị em công nhân trông thấy Bác reo ầm lên, đổ xô cả lại. Vải bộ ka ki bạc màu, đôi dép cao su đen, quai to bản, đế mỏng, Bác nhanh nhẹn bước vào khu tập thể. Anh chị em công nhân theo Bác rất đông, trong đó có một số đồng chí lãnh đạo nhà máy. Khi sắp đến một vũng nước ngay giữa lối đi, đồng chí thư ký công đoàn nhà máy vội vàng đi lấy một tấm ván kê vào chỗ lội để Bác bước lên thềm hội

trường. Bác xoa tay, vén quần và cú thể lội xuống nước cùng anh chị em công nhân bước lên thềm nhà. Sau đó, Bác dừng lại, quay về phía anh em công nhân, rồi nói với đồng chí thư ký công đoàn nhà máy:

- Các chú là người phụ trách, các chú cần phải để ý đến nơi ăn, chốn ở của công nhân hơn nữa. Không phải bắc ván chỉ cốt để Bác đi, mà phải làm sao đường sá được sạch sẽ, để khi anh chị em công nhân đi làm về khỏi phải đi vào chỗ lầy lội, bẩn thỉu ...

Nguồn: ditichhochiminhphuchutich.gov.vn

Bữa cơm trên tàu với Bác

Cuối tháng 3-1959, lần đầu Bác Hồ cùng đồng chí Nguyễn Lương Bằng và các đồng chí ở Trung ương về thăm quân chủng Hải quân đi thăm biển, các đảo thuộc vùng biển tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng. Nhiệm vụ đưa đón Bác và các đồng chí đại biểu, cấp trên tin tưởng giao cho cán bộ, chiến sĩ tàu 524. Lúc đó, không riêng gì tôi (Trần Bạch) mà tất cả cán bộ, chiến sĩ tàu 524 đều cảm thấy vinh dự và tự hào.

Hôm Bác đi thăm đảo Tuần Châu xong, Bác trở về tàu 524, đồng chí Tư Tường bàn với anh em trên tàu là sẽ mời Bác, đồng chí Nguyễn Lương Bằng và các đồng chí cùng đi ở lại ăn cơm với cán bộ, chiến sĩ trên tàu. Sau khi anh Tư Tường báo cáo nguyện vọng của anh em với Bác, Bác vui vẻ nhận lời và bảo: Để Bác xem các chú nấu ăn có giỏi không?

Hôm đó tàu cử đồng chí Hiên là người khéo tay nhất làm bếp và trực tiếp nấu nướng. Tôi và các đồng chí cùng

tham gia mỗi người một việc, từ vo gạo, nhặt rau... Ai nấy đều rất vui và chăm chú làm việc như muốn góp phần công sức của mình vào bữa ăn “chiêu đãi Bác”. Trong lúc anh em đang loay hoay nấu nướng thì Bác xuống bếp. Nhìn quanh một lượt, Bác khen bếp sạch, ngăn nắp. Bác đang xem ngăn để gia vị, hành tỏi, chợt quay lại bảo với Hiền:

- Chú nấu cơm khô rồi! Anh Tư Tường cũng quay lại. Hiền vội bớt lửa, rồi mở vung nồi ra kiểm tra. Khi đó anh em mới ngửi thấy mùi cơm khô. Anh Tư Tường và anh em trên tàu rất áy náy về việc nồi cơm bị khô. Tất cả không ai nói một lời và cảm thấy như mình có lỗi với Bác. Trong lúc mọi người chưa biết xử lý thế nào thì Bác bảo: Chắc các chú đói rồi, cơm hơi khô, không việc gì, ta ăn thôi.

Bác nói với giọng dịu dàng, khoan dung, làm xua tan đi nỗi băn khoăn, lo lắng của mọi người. Nghe theo lời Bác, mọi người vui vẻ cùng ngồi vào bàn ăn.

Lúc đó tôi không nghĩ mình được vinh dự ngồi ăn cơm với Bác. Khi nghe anh Tư Tường bảo: “Bạch lên cùng ăn cơm với Bác”, tôi xúc động không nói nên lời. Ngoài tôi ra còn có Trung sĩ Bùi Văn Đào là lính tín hiệu.

Hôm ấy danh nghĩa là tàu mời cơm Bác nhưng cũng chỉ có món thịt gà luộc, lòng gà xào miến và nước luộc gà nấu miến làm canh. Còn bàn ăn thì kê ngay ở mạn phải đuôi tàu. Bác ngồi ở phía ngoài, sát với cọc lan can. Nhìn Bác vui vẻ ăn, chúng tôi mới đỡ lo. Lúc đang ăn, Bác gọi xuống bếp: Thức ăn của ta đã nấu xong chưa hả chú? Đồng chí phục vụ

trả lời: Thưa Bác xong rồi ạ! Mang lên đây góp cùng ăn với Hải quân. Đồng chí phục vụ Bác bê lên một đĩa bốn con cá rô phi rán. Nhìn đĩa cá, Bác bảo: Ở giữa biển, Bác mời các chú ăn cá.

Sau này chúng tôi được biết bốn con cá rô phi là của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh biểu Bác, Bác dành cho bữa ăn với anh em ở tàu. Suy ngẫm về câu nói của Bác mới hay, phải chăng Bác muốn nhắc nhở sống ở khu vực có biển phải biết giăng lưới, thả câu bắt cá để cải thiện bữa ăn cho bộ đội. Ấn tượng sâu sắc nhất đối với anh em trên tàu về bữa ăn hôm đó là khi sê thức ăn cho từng người, Bác bảo: Các chú ăn cơm với Bác hoặc ăn cơm phải ăn hết thức ăn, không được để thừa, thừa đổ đi thì lãng phí, để người khác ăn thừa của mình thì không được.

Nguồn: Quảng Ninh online, ngày 02.5.2008

(Theo: “Những mẫu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, NXB Thông Tấn, 2007)

“Bác nắm tay than bụi của chúng tôi”

Hôm ấy, Bác đáp tàu từ Hà Nội lên thăm tỉnh Lào Cai. Anh Tư được phân công phục vụ toa có Bác...

Thoạt đầu, anh đứng trên toa, nhìn xuống sân trông rõ Người. Anh đứng lên xoay mãi quả đấm cửa mà không mở được. Ngày thường anh chỉ “xoạch” một cái là đẩy rộng cửa ra. Bác đưa tay ra hiệu bảo Tư cứ từ từ, bình tĩnh. Anh thật không ngờ hôm nay được dịp thuận lợi nhất để tỏ lòng kính yêu Bác. Theo thói quen, anh đã chăm sóc toa xe sạch sẽ, bóng lộn. Cả bàn ghế cũng đã sáng loáng như gương. Thế mà anh vẫn thấy mình chưa tròn nhiệm vụ. Tư mời Bác nghỉ lưng, Bác ôn tồn bảo:

- Chú cứ để mặc Bác.

Tàu vẫn chạy như thường mà sao Tư thấy lắc lư nhiều. Tư lo cho Bác không được yên tĩnh. Mặt trời từ từ vén sương núi ngoi lên vàng chói. Bình minh ở miền trung du thật đẹp đẽ, dịu dàng. Bác từ trong toa bước ra vui vẻ hỏi anh trật tự viên:

- Chú có thể cho Bác đứng ở đầu toa ngắm phong cảnh chứ?

Anh trật tự vâng một tiếng nhẹ và cúi xuống đóng chấn song cửa cẩn thận. Tàu chạy nhanh. Vẻ mặt Bác hồng hào. Gió lùa chồm râu bạc bay lướt qua trên các cánh đồng xanh mướt và núi rừng trùng điệp. Chiếc áo nâu giản dị bay phấp phới. Bác xoay qua Tư hỏi:

- Chú đi tập kết có gia đình đi cùng không?

- Dạ thưa Bác, không ạ!

- Có nhớ vợ con không?

- Dạ có.

- Nhớ nhiều không?

- Dạ nhiều.

- Thế là tốt. Càng nhớ càng cố gắng làm việc nhé.

Bác hỏi đến cô Thọ, nhân viên trên tàu:

- Quê cháu ở đâu?

- Thưa Bác, cháu ở Hồng Quảng.

- Công tác ngành đường sắt được bao lâu rồi?

- Dạ cháu đã làm hơn ba năm...

Bác cười:

- Ở ngành nào cũng đều có mặt các cháu gái, thế là tốt.

Khi tàu đỗ, Bác đi thoăn thoắt lên đầu máy. Anh Thị lái tàu và anh em đốt than, phụ việc tay còn dầu mỡ, lấm lem,

thấy Bác đến thì luống cuống. Tất cả đứng thẳng mà hai bàn chân cứ nhấp nhồm. Bác chìa tay ra. Có anh vì tự thấy tay mình bẩn quá không dám bắt tay Bác. Bác ôn tồn bảo:

- Chính là có than bụi bám bàn tay các chú thì Bác và bà con đây mới được ngồi thành thoi mà vẫn đi đến nơi về đến chốn được.

Thế là mọi người đều mạnh dạn đưa bàn tay đen sạm nắm lấy tay Bác. Anh Thị cảm động quá giữ bàn tay Bác một hồi lâu. Bác chúc anh em kéo hàng vượt mức và đạt kỷ lục tiết kiệm than cao hơn nữa.

Ở Lào Cai, Bác lên tàu rất đúng giờ. Tàu bắt đầu chạy mà còn hai anh làm công tác báo chí và điện ảnh đến muộn, xách cặp, vác máy chạy theo vẫy gọi tàu. Bác đồng ý đề nghị của anh em công nhân đỡ tàu lại vài phút đợi. Khi hai người leo được lên tàu yên ổn, Bác mới phê bình:

- Báo chí, điện ảnh thì phải đi trước chứ. Các chú đừng để phải chạy theo sau đoàn tàu nữa nhé!

Hai anh ngồi vào toa đưa mắt nhìn nhau bên lễn. Bác đi thăm nhiều nơi: Lào Cai, mỏ A-pa-tít, cầu Làng Giàng, thị xã Yên Bái. Nơi nào cũng đồng nghệt đồng bào và công nhân nghe Bác nói chuyện. Nhất là thiếu nhi thì nhanh tay, nhanh chân hơn cả. Các em vừa hoan hô vừa đổ về phía Bác như làn sóng nhỏ cuốn vào bờ. Bác về đến Hà Nội lâu rồi mà dư âm của chuyến đi còn truyền mãi...

*Nguồn: "Hồ Chí Minh - Một huyền thoại kỳ vĩ",
NXB Lao động, 2008.*

Câu chuyện nhỏ và bài học lớn

Trong một bài hồi tưởng về cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đồng chí Việt Phương kể lại một câu chuyện sau đây:

Vào một buổi sáng, Bác Hồ đi từ ngôi nhà sàn của Người sang Phủ Thủ tướng tìm đồng chí Phạm Văn Đồng để trao đổi về một vấn đề quan trọng. Lúc đó, đồng chí Phạm Văn Đồng đang làm việc tại Văn phòng, tuy cũng nằm trong khu Phủ Chủ tịch nhưng cách xa Phủ Thủ tướng tới vài trăm mét. Một đồng chí bảo vệ vội vã đạp xe ra báo với Thủ tướng. Vội quá, Thủ tướng dùng ngay chiếc xe đạp của đồng chí bảo vệ phóng về gặp Bác. Đồng chí bảo vệ không thể để Thủ tướng rời xa mình, mà lại không có thời gian tìm chiếc xe đạp khác, nên anh đành lập tức chạy bộ theo sau Thủ tướng. Bác Hồ đứng sẵn ở sân chờ đồng chí Phạm Văn Đồng. Khi Thủ tướng vừa xuống xe, chưa kịp chào hỏi gì, Bác đã nói ngay:

- Sao chú không đèo chú bảo vệ đằng sau xe để cùng về, lại để chú ấy chạy bộ?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng lúc đó như chợt nhận ra, vội đáp:

- Xin lỗi Bác.

Đáp vậy, nhưng sau đó đồng chí Phạm Văn Đồng đã suy nghĩ rất kỹ về lời nhắc nhở nhẹ nhàng mà nghiêm khắc của Bác Hồ. Sáng hôm sau, trong lúc làm việc với một số đồng chí cấp dưới, ông kể lại câu chuyện trên cho mọi người cùng nghe, rồi nói:

- Tôi đã nghĩ về lời của Bác. Lòng nhân ái, thương yêu và kính trọng con người, phải chân thực từ trong tâm của ta, rồi tự nhiên bật ra thành thái độ và hành động, chẳng phải suy nghĩ gì, như là từ bản năng.

Câu chuyện trên đây gợi cho chúng ta một số bài học lớn, có ý nghĩa sâu sắc.

Thứ nhất, ngay cả những nhà lãnh đạo cao cấp nhất cũng luôn luôn cần trau dồi đạo đức, bồi bổ nhân cách và rèn luyện phong cách ứng xử sao cho thực sự nhân ái, xứng tầm. Ai cũng biết Thủ tướng Phạm Văn Đồng là một trong những nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng, Nhà nước ta. Ông không những được nhân dân ta rất kính trọng, yêu mến mà còn được cộng đồng thế giới thừa nhận như một nhà lãnh đạo thông tuệ, lịch thiệp, giỏi giang. Thế mà, tuy ông là Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chú ý nhắc

nhỏ, phê bình để giúp đồng chí Phạm Văn Đồng ứng xử cho đúng.

Ở đây ta thấy nét rất đẹp của Bác Hồ trong vai trò của người thầy, và Thủ tướng Phạm Văn Đồng với tư cách người học trò. Thầy không ngăn ngại chỉnh sửa, chỉ bảo học trò theo một cách vừa nhân hậu, nhẹ nhàng, nhưng cũng đủ nghiêm khắc để trò nhận thức được điều thầy cần chỉ bảo. Về phía mình, học trò là người thực sự cầu thị, thành thực, nghiêm túc tiếp thu sự chỉ bảo của thầy, suy ngẫm kỹ càng, không hời hợt qua loa mà ghi tâm, khắc cốt, qua đó mà hoàn thiện nhân cách của mình.

Ngày xưa, ngày xưa, Đức Phật Tổ và Đức Khổng Tử cũng dùng phương pháp này để rèn dạy, trao truyền tâm ấn cho học trò. Ngày nay thiết tưởng vẫn cần, rất cần những sự chỉ dẫn - học hỏi như vậy, nhất là đối với các bậc, các cấp lãnh đạo, nếu như họ không muốn trở thành những người “vác mặt quan cách mạng” - như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng cảnh báo.

Thứ hai, là bài học về lòng nhân ái. Bài học này Thủ tướng Phạm Văn Đồng suy ngẫm và rút ra từ câu chuyện nói trên. Theo Thủ tướng thì lòng nhân ái, thương yêu và kính trọng con người không phải là cái gì có thể ngụy tạo theo kiểu “giả nhân giả nghĩa” để mị dân, mà phải chân thực từ trong tâm của ta, rồi tự nhiên bật ra thành thái độ và hành động, chẳng phải suy nghĩ gì, như là từ bản năng. Đây là một nhận thức rất sâu sắc về đạo đức cách mạng. Lòng nhân ái

phải thực sự trở thành cốt lõi, thành điểm tựa cho nhân cách của một nhà lãnh đạo chân chính. Chỉ khi đó tình thương yêu và kính trọng con người mới phát từ trong tâm mà ra, hòa quyện vào trong ứng xử hàng ngày của nhà lãnh đạo một cách hết sức tự nhiên. Như vậy thì lòng nhân ái không thể là cái gì có thể “chế tác”, ngụy tạo một cách giản đơn và chỉ có lòng nhân ái chân thực mới tạo nên uy tín, tạo nên sức thu hút quần chúng và nâng cao tầm của nhà lãnh đạo. Ngược lại, nhà lãnh đạo phải hiểu thấu đáo được cội rễ của lòng nhân ái, mới biết yêu thương và kính trọng con người.

Thứ ba, là bài học về mối quan hệ giữa lãnh tụ với nhân dân. Đây chính là điều mà Bác Hồ đã quán triệt cho các học trò của Người ngay từ những ngày đầu của sự nghiệp cách mạng rằng “công nông là gốc gác mệnh”. Đặc biệt là từ sau khi Đảng ta trở thành một “đảng cầm quyền” thì Người càng đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục cho cán bộ, đảng viên, trí thức ý thức gần dân, thực sự thương yêu và kính trọng nhân dân. Ngay trong tháng đầu tiên của chính quyền cách mạng mới ra đời; ngày 17 tháng 10 năm 1945 Người đã viết Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, huyện và làng yêu cầu cán bộ ta khẩn trương, nghiêm túc rút kinh nghiệm, gột rửa những sai phạm. Hai năm sau, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang trải qua giai đoạn rất khốc liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian biên soạn cuốn sách “*Sửa đổi lối làm việc*” để nghiêm khắc vạch ra những sai phạm trong đạo đức và phong cách lãnh đạo, làm việc của cán bộ các cấp, đồng thời chỉ ra những phương hướng và biện pháp cụ thể để khắc

phục. Người cho rằng đạo đức của một người cán bộ, đảng viên phải gồm đủ cả Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm; rằng “sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng”, nhưng “tuyệt đối không theo đuôi quần chúng”.

Có thể nói tác phẩm trên đây là những chỉ dẫn sâu sắc và mẫu mực của Hồ Chí Minh về đạo đức và phong cách lãnh đạo, ngày nay vẫn còn nguyên giá trị.

Việt Đức

Nguồn: Bản tin ĐHQG Hà Nội - số 178, tháng 12/2005.

Bác Hồ đọc sách báo

Năm 1923, nhà thơ Nga Ôkíp Mandenxtam đã nói với thế giới rằng: từ Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một nền văn hóa của tương lai. Trên nền tri thức cơ bản của một học sinh Quốc học Huế, trên hành trình dẫn thân đi tìm chân lý, bàn chân của Bác Hồ đã in trên khắp các châu lục. “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”, nhất là một người chịu học, chịu đọc và thông tuệ như Bác, thì sự tiếp thu những tinh hoa thế giới để tỏa sáng một nền văn hóa của tương lai như Ôkíp Mandenxtam tiên đoán, lại là lẽ đương nhiên.

Khi trở thành lãnh tụ Đảng, vị Chủ tịch đứng đầu Nhà nước, Bác vẫn tiếp tục đọc sách báo, không chỉ nhằm nâng cao sự hiểu biết mà còn để nắm bắt thông tin trong và ngoài nước... Những người từng làm việc, từng phục vụ và giúp việc cho Bác Hồ đều thán phục trước sự ham đọc sách báo của Bác. Đọc sách báo như một nhu cầu, nếp quen trong sinh hoạt hàng ngày không thể thiếu được của Bác.

Thời gian còn khỏe, Bác đọc báo, bản tin vào ban ngày và vào các buổi tối sau 9 giờ. Bác có thói quen khi đọc, ngón tay đưa theo dòng, mắt dõi theo, chỗ nào có vấn đề chú ý thì dùng tay ghi chép hoặc đánh dấu để dễ nhận biết những chỗ cần chú ý, những số liệu và thông tin cần xử lý. Đọc báo, thấy gương người tốt muốn thưởng Huy hiệu, Bác dùng bút bi hoặc bút chì màu đỏ khuyên vào. Chỗ nào cần lưu ý, Bác đánh dấu gạch chéo (/); đánh dấu bằng chữ X và gạch chéo (X/) là chú ý dòng; (!) là lạ; có vấn đề chưa rõ ràng, còn nghi ngờ, Người đánh dấu chấm hỏi (?) và yêu cầu Văn phòng xác minh lại. Đoạn nào cần xem kỹ, Bác đánh dấu gạch chéo và chấm phẩy (/;). Đã xem xong, Bác viết chữ V... Các đồng chí phục vụ cứ nhìn vào các ký hiệu đó là hiểu và thực hiện theo ý của Người. Bác cũng hay dùng chữ Hán để đánh dấu. Chữ Hán viết dọc, những chỗ lẻ nhỏ, viết chữ Hán không đè lên chữ của sách báo, điều quan trọng hơn là chữ Hán giữ được nội dung mà Bác lưu ý. Có những lúc Bác trích tư liệu vào cuốn sổ nhỏ cũng bằng chữ Hán, những tư liệu này Bác sử dụng để viết báo.

Tuổi Bác ngày một cao, để bảo vệ giữ gìn đôi mắt của Bác, Văn phòng Phủ Chủ tịch cử các cán bộ phục vụ như Vũ Kỳ, Cù Văn Chúc, Lê Hữu Lập... đọc sách báo cho Bác nghe. Người sau này gần bó nhiều nhất với Bác là chú Cù Văn Chúc (từ năm 1962 cho đến khi Bác ốm nặng). Chú Chúc thường đọc sách, báo và các bản tin của Thông tấn xã và Bộ Ngoại giao, được Bác tin nhiệm cao. Để cho Bác đỡ phải nghe nhiều, chú Chúc thường đọc tóm tắt nêu những

ý chính những vấn đề quan trọng nhất. Chú đọc rõ ràng, truyền cảm. Nhất là khi tuổi Bác đã cao, thính giác suy giảm thì ngữ điệu phải thật phù hợp, đòi hỏi người đọc phải nhạy cảm và hiểu ý của Bác. Thường thì mỗi ngày chú đọc phục vụ Bác vào các buổi sáng, trưa, chiều, tối. Ngày chủ nhật đọc vào buổi sáng và tối, và chỉ đọc các báo địa phương gửi biếu Bác. Qua các tin bài báo địa phương phản ánh, Bác phát hiện ra những gương người tốt việc tốt, yêu cầu Văn phòng xác minh và tặng Huy hiệu. Khi đọc báo vào buổi tối, chú Chúc chọn những vấn đề có nội dung nhẹ nhàng để Bác nghe cho đỡ căng thẳng. Những vấn đề dễ gây xúc động thì đọc vào ban ngày. Bác chú ý nghe đến mức phát hiện được cả chỗ viết sai, sửa cả cách dùng từ và lỗi chính tả. Có những chỗ Bác yêu cầu đọc lại nhiều lần để hiểu cho kỹ. Chú Cù Văn Chúc cũng là người được Bác giao cho nhiệm vụ cắt những bài báo phản ánh về gương người tốt việc tốt dán thành từng chuyên đề gương về chiến đấu, sản xuất, thiếu nhi học giỏi dũng cảm... Sau này Bác chỉ đạo ông Hà Huy Giáp, Phan Hiến in thành các tập sách “*Người tốt việc tốt*”.

Sách Bác đọc có nhiều thể loại. Nguồn sách báo gửi tới để Bác sử dụng có từ nhiều nguồn khác nhau. Sách biếu của các tác giả gửi tặng, sách biếu của những cá nhân và tổ chức nước ngoài tặng Bác qua Bộ Ngoại giao hoặc các đoàn của ta đi công tác, các nhà xuất bản gửi biếu... Sách báo đọc xong, Bác thường gửi tới các nơi cần sử dụng. Những sách báo cần làm tư liệu, Bác giữ lại, nhưng sử dụng xong lại gửi đi. Vì vậy, Bác không có thư viện riêng. Những cuốn sách,

tờ báo khi Người qua đời còn lưu lại tại nhà 54, nhà sàn là những báu vật vô giá. Sách, báo đã trở thành món ăn tinh thần và phương tiện thông tin không thể thiếu được của một con người vĩ đại như Bác Hồ kính yêu.

*Nguồn: Báo Thái Bình ngày 23/4/2012,
(Theo báo Lao Động)*

Bách niên giai lão

Ngay từ phút đầu, Bác đến Đại hội “Những người viết báo” lần thứ 2, không khí đã sôi nổi và tươi vui. Có thể nói hội trường hôm ấy vang tiếng cười thỏa thuê từ đầu buổi đến cuối buổi. Riêng tôi, và một số bạn khác, chúng tôi cười đến chảy nước mắt. Hôm ấy Bác vui lạ. Bước lên bục nói chuyện. Bác để chồng báo xuống và giơ hai tay ra hiệu bảo chúng tôi ngồi xuống, rồi Bác nói rất dí dỏm:

- Mời toàn thể “an tọa”!

Bác nhấn mạnh chữ “an tọa” cho vui nhưng thực ra tôi hiểu là Bác có ý bảo rằng những người viết báo là lính dùng từ như vậy. Chắc mọi người cũng hiểu thế, cho nên nghe Bác nói cả hội trường âm vang tiếng cười.

Bác nói, mọi việc đồng chí Trường Chinh và anh Hoàng Tùng đã nói đầy đủ. Bác chỉ nói về nghiệp vụ thôi. Chúng tôi chăm chú nghe Bác nói về kinh nghiệm của Bác hồi viết báo ở Pháp, chuyện Bác dày công luyện tập khi viết một bài từ ngắn đến dài, rồi từ dài đến ngắn,...

Nhận xét về báo chí của ta, Bác khen là đã đạt được thành tích rất đáng kể. Bác vui vẻ nhận xét tỉ mỉ một số nhược điểm, khuyết điểm của các báo trong việc trình bày, trong văn phong, chạy tít, đưa ảnh ... Mấy phút im lặng, Bác lấy ra một tập báo mà Bác mang theo, đã đánh dấu sẵn. Chúng tôi hồi hộp chờ đợi, lo lắng, không biết báo mình, bài mình có “được” nêu lên không? Bác cầm một tờ báo hàng tuần có in ảnh một nữ công nhân đang ngồi, ảnh cỡ lớn, chiếm toàn bộ trang nhất. Bác giơ cao cho mọi người xem rồi hỏi:

- Cô này đang ngồi làm gì đây?

Chúng tôi cũng chịu. Chỉ biết đó là một cô công nhân cũng khá xinh, để trang nhất cũng đẹp. Thế là Bác chỉ cho biết, dùng một bức ảnh trên báo phải hết sức chú trọng nội dung, không được dễ dãi.

Quay sang một tờ báo bạn, Bác nói:

- Các chú là nhiều danh từ lắm! Thế “không phận” là gì?

- Thưa Bác, là ... là vùng trời ạ!

- Thế gọi là “vùng trời” có phải ai cũng dễ hiểu hơn là dùng chữ “không phận” không?

- Thưa Bác, dạ đúng như vậy ạ!

Bác cười, khò tay cho ngồi xuống, Bác nói thêm:

- Các nhà báo phải có trách nhiệm, đừng để cho tiếng mẹ đẻ chúng ta mỗi ngày một mai một đi.

Bác lại lấy dẫn chứng:

- Chúng ta có hai chữ “về vang” rất hay, lại không dùng, chỉ thích chữ “vinh quang”. Nhiều người làm thơ lại gọi là “quang vinh” cho nó hợp vần!

Bác lại lấy ra những tờ khác. Trên trang nhất tờ báo hàng ngày ấy có đưa tin về hai đoàn đại biểu trong các nước xã hội chủ nghĩa cùng một ngày đến thăm nước ta. Bác chỉ vào đấy và phân tích:

- Như thế này là các chú bên trọng bên khinh. Hai đoàn cùng ngày tại sao lại đưa đoàn này lên trên, in chữ to, còn đoàn kia in chữ nhỏ, sắp ở dưới!

Thật là sáng mắt! Bác còn chỉ rõ những chỗ sai lầm làm lộ bí mật về tài nguyên của quốc gia trong việc tuyên truyền trên báo. Đối với các báo chưa chú ý đầy đủ đến đối tượng của mình phục vụ, cũng được Bác nhắc nhở nghiêm khắc. Đến phần “điểm báo” địa phương, Bác kể cho nghe một câu chuyện mà không ai nhịn cười được. Nhân ngày sinh nhật Bác, tờ báo ở địa phương nọ có đăng một số thư của đồng bào chúc mừng Bác. Có đồng bào muốn chúc Bác mạnh khỏe sống lâu, lại viết là “chúc Bác Bách niên giai lão”. Tờ báo ấy đăng nguyên văn như vậy.

Bác cười và nhắc lại với mọi người:

- Họ chúc Bác “bách niên giai lão” mà báo cũng đăng đấy!

Cái câu chúc mừng dành riêng cho cô dâu chú rể trong buổi thành hôn ấy, bỗng lại dành chúc thọ Bác làm mọi người càng cười dai dẳng. Thật chết cho cái bệnh sinh chữ nghĩa.

Bác Hồ thăm nông dân chống hạn

Vào một buổi sáng hè (tháng 6-1960), sau khi dự Đại hội đoàn kết chống hạn tại Ứng Hòa - Mỹ Đức xong, Bác ra cánh đồng thôn Thái Bình, xã Vạn Thắng (Ứng Hòa) thăm nông dân chống hạn.

Những năm ấy, vì hệ thống mương máng, thủy lợi chưa có là bao nên bà con nông dân rất vất vả, nắng quá thì hạn, mưa nhiều thì úng. Đời sống của hàng triệu nông dân chỉ trông chờ vào đồng ruộng, thật bấp bênh.

Hôm ấy, Bác mặc quần áo gụ, đội mũ lá cọ, chân đi dép cao su, quần xắn trên đầu gối, khăn vắt trên vai, tay chống gậy đi ra cánh đồng thăm bà con nông dân đang tát nước.

Mới 10 giờ mà trời nóng như đổ lửa, chúng tôi - những cán bộ đi theo cũng thấm mệt, mồ hôi vã như tắm tràn xuống mặt giàn giụa, tràn vào miệng mặn chát. Bác đi rất nhanh. Mặc dù đường sống trâu, Bác vẫn thoăn thoắt đặt chân trên

các gỗ dặt cách nhau 30-40cm một cách nhẹ nhàng như một lão nông dân thực thụ. Đến đầu một con mương, đồng chí Chủ tịch tỉnh Hà Đông thấy bờ mương hẹp khó đi, vội chạy lên trước để mời Bác đi theo đường chính. Bác xua tay và rẽ vào bờ mương để đến chân ruộng bà con đang lao động giữa cánh đồng bị hạn. Tất nhiên chúng tôi phải đi sau và cố hết sức mới kịp. Đến một chỗ bờ mương bị xẻ ra chừng 1,5m để tát nước gần đấy, đồng chí Chủ tịch tỉnh lại chạy lên định dắt Bác, chưa kịp thì Bác đã nhảy phắt qua hố và rẽ sang bên kia. Những người theo sau, người thì nhảy qua được, người thì phải men xuống ruộng để qua.

Thấy Bác đến, lại còn mặc như lão nông, bà con vui mừng bỏ cả gầu đổ xô lại vây quanh Bác rất đông. Có cháu thiếu niên 14, 15 tuổi len đến bên Bác, đưa tay lên vuốt râu Bác. Bác thân mật thăm hỏi mọi người, bắt tay bà con rồi nói bằng giọng miền Bắc pha xứ Nghệ ấm áp:

- Thuở nhỏ, đã nhiều năm tôi sống với bà con hàng xóm làm nông nghiệp, tôi hiểu nỗi cơ cực của bà con khi trời hạn hán. Bây giờ chúng ta có chính quyền, bà con đã làm chủ ruộng đồng, gặp lúc thiên tai phải cùng nhau đoàn kết chống hạn, cứu lúa.

Mọi người “Vâng ạ!” thật rõ và to. Sau đó Bác lên đập guồng cùng với một bác nông dân ngoài 50 tuổi để bác nông dân guồng đỡ vất vả và được nhiều nước. Bác căn dặn chính quyền thôn xã tích cực huy động bà con biết nghề mộc xẻ gỗ để đóng guồng.

Bà con hỏi Bác đủ thứ chuyện. Bác đều trả lời thân mật, dễ hiểu. Trước khi chia tay với bà con nông dân, Bác đã đọc hai câu thơ:

*“Hỡi ai bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”.*

Mọi người xúc động đứng mãi tại nơi đã gặp Bác, vẫy chào tạm biệt.

Nguồn: Trang tin ditichhochiminhphuchutich.gov.vn

Quà Bác tặng miền Nam

Năm 1962, đồng chí Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc.

Bác Hồ đã tổ chức đón tiếp ngay hôm đoàn đến Hà Nội, tại vườn hoa sau Phủ Chủ tịch - nơi Người thường đọc báo vào các buổi chiều.

Thấy đoàn xe chở đoàn miền Nam vừa vào khỏi cổng cơ quan Phủ Chủ tịch, Bác vội bước ra đón đoàn. Mọi người xuống xe, vây tròn chung quanh Bác, nhưng không có một tiếng, một lời chào. Các đồng chí trong đoàn quá xúc động không kìm giữ được, đã bật khóc thành tiếng.

Qua phút gặp gỡ ban đầu, Bác hỏi thăm tình hình sức khoẻ mọi người. Bác hỏi cặn kẽ về tình hình miền Nam. Bác đặc biệt quan tâm hỏi tỉ mỉ về đời sống và tinh thần chiến đấu của đồng bào và lực lượng vũ trang giải phóng.

Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu thay mặt đoàn báo cáo tất cả và đầy đủ để Bác nghe. Đồng chí cũng đã thưa lên Bác ước mơ nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ miền Nam

đang mong chờ ngày thắng lợi, nước nhà thống nhất, để đón Bác vào thăm. Cuối cùng đồng chí Hiếu thay mặt đồng bào và chiến sĩ miền Nam dâng lên Bác gói quà với giọng nghẹn ngào:

“Thưa Bác, đây là tấm lòng của đồng bào chiến sĩ miền Nam tặng Bác...!”.

Bác cảm động ôm hôn đồng chí Hiếu.

Quà của miền Nam tặng Bác là một bình cắm hoa bằng vỏ đạn pháo cỡ lớn của Quân giải phóng và một cái gạt tàn thuốc lá bằng xác máy bay giặc Mỹ bị ta bắn rơi.

Nhìn gói quà tặng, đồng chí Xuân Thủy quay về phía Bác nói:

- Thưa Bác, Bác có quà tặng đồng bào chiến sĩ miền Nam không ạ?

Nghe đồng chí Xuân Thủy hỏi, tất cả mọi người nhìn đồng chí Xuân Thủy như có ý trách và nhìn Bác chờ đợi. Bác nhìn các đồng chí trong đoàn miền Nam một lượt, rồi chậm rãi nói:

- Có, Bác có quà tặng đồng bào và chiến sĩ miền Nam đây!

- Nói xong, Bác dùng ngón tay trỏ chỉ vào trái tim của mình.

Đồng chí Hiếu quá cảm động ôm chầm lấy Bác, giọng nói đứt quãng trong tiếng nấc: “Thưa Bác... thưa Bác... thưa Bác...!”.

Nguồn: Trang tin điện tử Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bác làm văn nghệ

Hồi còn nhỏ, ở miền Nam, mỗi khi nghe các cô, các chú hoặc bà tôi kể chuyện Bác Hồ thì dù đang ham chơi hay làm bất cứ gì chúng tôi cũng kêu nhau chạy lại, chạy đến xúm quanh người lớn và chăm chú lắng nghe và nuốt lấy từng lời. Đã có lần, chúng tôi bàn nhau viết một lá thư ra Bắc mời Bác vô thăm miền Nam để chúng tôi được tận mắt thấy Bác, nhưng rồi mong mãi, “Bác ở xa lắm, các con cứ chịu khó chăm học ngoan ngoãn, nhất định có ngày Bác sẽ vô”. Bà tôi nghe chuyện phì cười và dặn chúng tôi như vậy.

Những ngày ra miền Bắc, chưa được gặp Bác nhưng tôi vẫn nhớ lời bà tôi dặn và hy vọng thế nào cũng có ngày đạt được ước mơ đó. Nhưng thật không ngờ, cuối năm 1962 tôi được gặp Bác trong một trường hợp đặc biệt, vượt rất xa mơ ước trước đó của tôi. Cho đến nay, và mãi mãi về sau này, đó vẫn là niềm vui sướng, vinh dự quá lớn đối với tôi và mỗi lần nhớ lại, tôi không khỏi bồi hồi xúc động.

Lần ấy, tôi dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba. Được đi dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc đối với một diễn viên mới bước vào nghề như tôi là đã là một điều vô cùng phấn khởi lại thêm hy vọng sẽ được gặp gỡ Bác ở Đại hội làm cho tôi cứ náo nức không yên. Ngày 1 tháng 12, ngày cuối cùng của Đại hội. Bấy giờ vừa sau giờ nghỉ giải lao, chuông đã rung được mấy phút nhưng lễ tế còn có đại biểu chưa vào hết hội trường. Bỗng ngoài hành lang có tiếng xôn xao rồi có tiếng reo “Bác đến! Bác đến!”. Chỉ một loáng cả hội trường ào lên như sóng. Đồng chí Trường Chinh nhanh nhẹn đứng dậy ra đón Bác ở cầu thang. Tiếng reo mừng, tiếng hoan hô “Bác Hồ muôn năm!” cứ vang lên cho đến lúc Bác giơ tay ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống và ổn định trật tự để Bác nói chuyện. Người tôi nóng bừng lên, chú Võ Hồng Cương đưa cho tôi một bó hoa mà tôi cứ lúng túng không biết làm gì. Nhiều đại biểu được mang hoa lên tặng Bác cũng lúng túng không kém. Bác nhìn chúng tôi và hỏi:

- Tặng hoa à? Tặng hoa phải đi nhanh lên chứ?

Cả hội trường lại vang lên tiếng cười reo. Câu nói đầu tiên của Bác làm không khí Đại hội thêm vui vẻ đầm ấm hẳn lên. Chúng tôi cũng phấn khởi, lấy lại bình tĩnh ôm hoa chạy về phía Bác.

Bác lại hỏi:

- Không mấy khi được gặp đồng đội thế này. Bác muốn bắt tay tất cả, nhưng không có thì giờ. Vậy Bác bắt tay đại biểu thôi. Đại biểu nào cao tuổi nhất nào? - Bác

cười và nói thêm - Bác nói tuổi cao nhất không phải già nhất đâu nhé!

Tiếng cười reo lại vang lên, họa sĩ Nguyễn Phan Chánh chạy lại.

- Đại biểu nào ít tuổi nhất - Bác hỏi tiếp.

Tôi giật thót mình, vì trong đại hội, tôi được xem là người ít tuổi nhất.

Nhưng lúc ấy hình như tôi vẫn chưa dám tin là được Bác gọi.

Chú Bảo Định Giang kéo tay tôi dẫn về phía Bác rồi nói.

- Thưa Bác, cháu Trà Giang đây, người miền Nam - trẻ nhất Đại hội đấy ạ!

Tôi dâng hoa lên Bác mà chân tôi cứ run run, Bác hôn lên trán tôi rồi hỏi:

- Phải cháu là người trẻ nhất Đại hội không?

- Dạ. Tôi đáp lí nhí vì niềm vui và xúc động nghẹn ngào.

- Trẻ mà có thành tích thì cháu càng phải chăm học và nhất là phải hết sức khiêm tốn.

- Dạ - Tôi chỉ biết đáp vậy và nước mắt muốn trào ra.

Trong giây phút đó, lời căn dặn của Bác tôi thấy thấm thía vô cùng. Tôi nhớ đến nội, đến bà con, cô bác và các bạn tôi đang ở miền Nam. Tôi đâu có thành tích đáng kể gì

đầu. Bước đầu tuy có chút thành công, nhưng nhìn lại thấy mình còn yếu nhiều mặt. Thành tích ấy có thấm thía vào đầu với những hy sinh của bà con, bạn bè, cô bác miền Nam bao nhiêu năm đấu tranh phá ách kềm kẹp của địch. Thế mà trong đó vẫn chưa ai được thấy Bác Hồ như tôi bây giờ... Lại được nghe Bác nói và được Bác hôn nữa! Trời ôi, lúc này tôi thèm có đôi cánh quá! Tôi sẽ bay vút về trong đó khoe với chúng bạn, tội nó sẽ điên lên vì sung sướng cho tôi mất, nhất là con Sáng thân yêu của tôi. Giờ này tội nó ở đâu? Có được? Có còn đi học không? Có còn nguyên vẹn cả không? Tôi thấy thương và nhớ chúng nó quá.

Bác lại hỏi và bắt tay lần lượt các đại biểu miền Nam, đại biểu miền núi.

Sau đó, Bác bắt đầu nói chuyện với Đại hội. Bác hỏi:

- Có bao nhiêu bản tham luận tất cả?

- Thưa Bác, chín mươi chín ạ. Một đồng chí đáp. Bác cười:

- Thế này là vừa đúng một trăm. Nhưng các cô chú đừng sợ, chỉ có ba trang thôi! Bác cầm tờ giấy giơ lên trước mặt, cả hội trường lại cười reo vui vẻ.

Bác nói tiếp:

- Bác nêu một kinh nghiệm cũ. Trong thời thanh niên
- Bác hạ giọng nói thêm - Giờ Bác cũng vẫn còn là thanh niên – Bác hoạt động cho Đảng, Bác phải làm nhiều nghề. Làm ảnh, làm bếp. Đây có ai làm bếp không? Cũng có khi

Bác làm văn nghệ, Bác viết một cuốn tiểu thuyết, nói thực là một quyển tiểu thuyết về cách mạng tháng Mười Nga. Bác viết, đồng chí Hồ Tùng Mậu in. In bằng đất. Rồi phát hành bao nhiêu? Một quyển. Mấy quyển nữa thì cảnh sát Anh tịch thu hết. May nó tịch thu tiểu thuyết mà không tịch thu được người viết vì hai anh em (Bác và Hồ Tùng Mậu) đi vắng. Vừa đây mới nghe đồng chí Tố Hữu nói có xem quyển ấy. Vậy là một quyển tiểu thuyết phát hành được một quyển, được một người xem! Đó là một “thành công” về tiểu thuyết của Bác đấy! Bác lại viết một vở kịch đả kích Khải Định, bêu nhèn của thực dân Pháp. Viết bằng chữ Pháp. Thế mới gan chứ. Diếc không sợ súng mà! Viết xong thì Bác phải đi. Sau này “Câu lạc bộ ngoại ô” có đem ra diễn. Thành công, thất bại thế nào, Bác cũng không biết. Đó là “thành tích” Bác viết kịch. Rồi Bác cũng diễn kịch nữa đấy!

Các đại biểu sân khấu và điện ảnh ồn ào vui vẻ. Tôi bật reo lên: “Bác cũng có lúc làm diễn viên!”, điều ấy đối với chúng tôi thật là thú vị biết chừng nào!

Bác cũng cười và kể tiếp:

- Ở Pháp có một nhóm văn nghệ tiến bộ. Họ viết một kịch bản đả kích thực dân. Bác sắm một vai, ra sân khấu không đầy một phút. Diễn xong, anh em bắt tay khen: “Đồng chí diễn khá lắm!”. Rồi thù lao một cốc cà phê!

Cả hội trường cười rộ, vỗ tay. Ngừng một lát, Bác nói tiếp:

- Kinh nghiệm thế nào? Trước cách mạng, muốn sống

phải lao động chân tay, chứ làm văn nghệ thì ba lần làm văn nghệ. Bác chỉ được uống một cốc cà phê thôi!

Bác nói chuyện thật giản dị mà rất dễ nhớ. Tôi nhớ nhất những lời Bác nói về sân khấu và điện ảnh dưới thời đất nước ta còn bị nô lệ:

- ... Nghề múa hát chỉ là một thứ tiêu khiển cho bọn “ngồi mát ăn bát vàng”. Chúng còn khinh rẻ và gọi những nghệ sĩ múa hát là “xướng ca vô loài”. Hồi đó chỉ có chiếu bóng câm, bọn thực dân Pháp dùng chiếu bóng để bôi nhọ dân tộc ta. Thí dụ, trong hội chợ ở Mác-xây, ngoài những tranh vẽ lũ công khanh Việt Nam đang lúc nhúc lạy quỳ trước vua bù nhìn cùng chó ngao toàn quyền, khâm sứ, ngoài những công nhân trần trụi kéo xe thuê, còn chiếu phim những bà già ăn trâu, răng đen, những công nhân gầy gò rách rưới, những người đóng khổ đang leo dừa ... Chúng gọi là “hình ảnh An Nam”. Rõ ràng là dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải làm cách mạng.

Bác khuyên nhủ và động viên những người làm công tác văn nghệ bây giờ phải cố gắng nhiều vì đã có điều kiện rất thuận lợi để phát triển tài năng. Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta. Những tác phẩm ca tụng chân thật những người mới, việc mới, chẳng hạn những người làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay, và còn để giáo dục con cháu ta đời sau.

... Bác về rồi mà những cảm xúc của giờ phút được

gần Bác vẫn dào dạt trong lòng tôi. Những lời dạy bảo ân cần của Bác vẫn âm vang trong tâm trí tôi. Nếu như trước kia, tôi chỉ biết yêu Bác qua những sách, báo mà tôi đã học, qua những mẫu chuyện bà tôi, các cô, chú đã kể, những tấm ảnh mà tôi đã chăm chú nhìn từng sợi râu của Bác... thì giờ đây, lòng yêu kính của tôi đối với Bác được nhân lên gấp bội, sâu sắc hơn, cụ thể hơn. Bác đã trực tiếp dạy tôi “phải hết sức khiêm tốn”. Tôi hiểu, ở công tác của tôi không phải là dễ dàng thực hiện tốt lời Bác dạy, nhất là khi tuổi đời và tuổi nghề còn non nớt.

Sống giản dị, khiêm tốn, suốt đời cống hiến cho cách mạng, không suy bì tính toán cho cá nhân mình. Đây là bài học rất lớn đối với tôi qua cuộc đời của Bác. Bài học này tôi càng thấm thía hơn khi được gặp Bác lần thứ hai.

Lần ấy, sau Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba khoảng một năm, tôi lại có may mắn lớn là được cùng với một số bạn vào thăm nơi Bác ở. Điều làm chúng tôi yên tâm và mừng nhất là thấy Bác vẫn khỏe, da Bác vẫn hồng hào, mọi cử chỉ của Bác đều nhanh nhẹn, dứt khoát.

Khi anh Kỳ giới thiệu đến tôi thì Bác gật đầu bảo nhớ rồi. Bác gọi tên tôi và hỏi:

- Đạo này cháu làm gì?
- Dạ thưa Bác, cháu được đi học lớp lý luận nghiệp vụ ạ.
- Không tự kiêu chứ?
- Dạ thưa Bác, không ạ.

- Thế là tốt!

Bác cười, xốc lại chiếc áo khoác ở vai và dặn tiếp:

- Các cháu còn trẻ, phải chịu khó học và nhất là phải hết sức khiêm tốn học kinh nghiệm tốt của những người đi trước.

- Dạ - Tất cả chúng cháu đều “dạ” và chăm chú nhìn không bỏ sót một cử chỉ nào của Bác. Bác cho chúng tôi đi xem phim. Thật sung sướng cho tôi, khi xem phim tôi được ngồi gần Bác. Suốt buổi chiều, thật ra tôi chẳng xem được mấy vì phần nhiều là nhìn Bác. Tôi có cảm giác là tuy Bác khỏe, nhưng tóc Bác đã bạc thêm nhiều. Nhớ lại những lần Bác nhắc đến miền Nam: “Miền Nam trong tim tôi”, “Ngày nào Tổ quốc chưa thống nhất. Bắc Nam chưa sum họp một nhà thì tôi còn ăn chưa ngon, ngủ chưa yên”, lòng tôi cứ nao nao vì thương Bác. Bác vẫn chăm chú xem, thỉnh thoảng lại hỏi chuyện tôi. Tôi nhớ hôm ấy có chiếu một bộ phim tài liệu của Liên Xô. Khi trên màn ảnh xuất hiện cảnh Đại hội ở điện Krem-lanh thì Bác nói với tôi:

- Công trình xây dựng của công nhân Liên Xô thật vĩ đại phải không cháu?

- Dạ - Rồi tôi khoe với Bác (mới vừa qua, tôi dự Đại hội liên hoan điện ảnh quốc tế ở Mátxcova) - cháu đã được đặt chân đến cung điện lịch sử này.

Bác gật đầu hỏi:

- Thế cháu có thích không?

- Dạ thích - Rồi tôi lại nói luôn với Bác cảm giác ngỡ ngàng, có phần tự ti của một người mới ra nước ngoài lần đầu, đứng trước đám đông của gần năm mươi nước đến dự lễ khai mạc Đại hội. Quả tình là đối với tôi lúc đó, cái gì cũng mới lạ, bỡ ngỡ: những công trình kiến trúc đồ sộ, những cảnh bài trí choáng lộn, những kiểu ăn mặc đủ màu sắc mới lạ... Lúc ấy, trên màn ảnh cũng hiện ra quang cảnh đại hội, có cả tôi trong đó. Bác hỏi:

- Họ sang hả cháu?

- Dạ thưa Bác, họ sang và diện lắm Bác ạ. Còn mình thì chẳng có gì. Hôm khai mạc Đại hội, người đông mà họ ăn mặc sang trọng quá, cháu cứ thấy ngưỡng ngưỡng thế nào ấy...

Bác trả lời tôi và mắt không rời màn ảnh nhỏ:

- Sao lại ngưỡng? Chúng ta còn nghèo nhưng dân tộc ta rất đáng tự hào, phải không cháu?

- Dạ. Tôi lúng túng và thấy mặt nóng bừng lên.

Cho mãi đến sau này, mỗi lần nghĩ lại, tôi vẫn còn thấy ân hận không hiểu tại sao lúc đó tôi lại nói với Bác điều ấy. Đánh rằng tôi chỉ thú nhận một tâm trạng có thật, nhưng cái đó đối với tôi cũng chỉ thoáng qua thôi, tại sao phải để Bác bận tâm vì một chuyện như thế? Khi ra về, thấy nét mặt Bác vẫn rất vui, tôi mới hơi yên lòng, nhưng tôi vẫn không thể tha thứ cho sự thiếu sót trên. Tôi đặt quyết tâm phải luôn luôn đình ninh nhớ lời Bác dạy, học tập lối sống giản dị và

đạo đức cách mạng lớn lao của Bác. Vì xét cho cùng, ý nghĩ trên của tôi chứng tỏ đã có lúc tôi muốn buông lỏng mình theo những cảm dỗ bề ngoài rất không đúng lúc. Lời nhắc nhở của Bác đã cho tôi một bài học vô cùng thấm thía.

Làm sao mỗi nhân vật thể hiện điều mang được nhịp đập hơi thở của thời đại, xứng đáng với miền Nam, với dân tộc ta anh hùng đang làm nên những năm tháng lịch sử này? Những lời căn dặn và sự sẵn sàng ân cần của Bác, lòng mong mỏi, hy sinh của ba má, của bạn bè... luôn luôn thôi thúc tôi.

Tôi muốn, bằng việc làm thực tế, bằng những nhân vật thể hiện, tôi gửi gắm vào đó tất cả những suy nghĩ nung nấu, lòng căm thù sâu sắc cũng như niềm yêu thương, mong nhớ vô hạn và cả những ước mơ cháy bỏng mà tôi hằng ấp ủ...

Tôi muốn, qua đó thưa với Bác lời quyết tâm và lòng biết ơn chân thành của tôi đến với Bác kính yêu.

Nguồn: baclieu.gov.vn

Câu chuyện về chiếc tàu thủy lô mang biệt hiệu T5 và tấm lòng của Bác

Năm 1965, tôi (Phan Trọng Tuệ) làm Chính ủy kiêm Tư lệnh đường mòn Hồ Chí Minh. Một hôm anh Vũ Kỳ gặp tôi và nói:

- Anh có phim tư liệu gì mới đem vào chiếu cho Bác xem.

Tôi đưa cuộn phim về giao thông vận tải, quay từ Hà Nội vào đến Vinh cho Bác xem. Bác xem phim rất chăm chú và hỏi thăm tình hình nhân dân trong đó.

Tôi báo cáo với Bác:

- Chúng cháu muốn đảm bảo giao thông phải dựa vào dân. Nhân dân nhiều khi phải phá cả nhà để lát đường cho xe qua.

Bác nói:

- Nhân dân không nhà không cửa thì ở vào đâu? Các cháu học hành thế nào?

Tôi thưa với Bác:

- Các cháu vẫn được học. Học dưới hầm. Giao thông vẫn có những chuyến xe đặc biệt chở dụng cụ học tập và sách vở cho học sinh.

Nghe tôi nói thế, Bác mới yên tâm và khen:

- Thế là tốt. Nếu chú có gặp các đồng chí trong đó, cho Bác gửi lời thăm đồng bào.

Bác vừa nói chuyện vừa suy nghĩ trầm tư, vẻ mặt Bác rất xúc động.

Tôi vào khu IV truyền đạt lời thăm hỏi của Bác cho các đồng chí trong đó, các đồng chí rất xúc động.

Bộ phim mang vào chiếu cho Bác xem có cảnh phá thủy lôi bằng kích thích. Cho ca nô chạy nhanh qua bãi thủy lôi. Thủy thủ lái ca nô mặc áo bảo vệ kèm phao bơi. Bác xem và hỏi:

- Mặc như thế kia thì cử động thế nào được?

Tôi báo cáo với Bác:

- Ca nô chạy nhanh, thủy lôi sẽ nổ, thủy thủ phải mặc như thế để đảm bảo an toàn.

Bác nghe xong, suy nghĩ một lát rồi nói:

- Các chú đó thật dũng cảm. Nhưng chú thử nghĩ xem

có phương pháp nào điều khiển ca nô chạy tự động qua bãi thủy lôi, chứ làm thế này nguy hiểm cho tính mạng của các chiến sĩ.

Tôi suy nghĩ rất nhiều về gợi ý của Bác. Sau đó tôi cho họp Hội đồng kỹ thuật, báo cáo lại ý kiến của Bác. Mọi người đều rất tán thành và đề nghị thiết kế tàu không người lái, điều khiển từ xa.

Sau đó một loại tàu mới có biệt hiệu là T5 ra đời, có người điều khiển từ xa để phá hủy thủy lôi. Đó là do bao công sức đóng góp của các anh em làm công tác kỹ thuật sáng chế.

Khi chiếc tàu này mới được chế tạo, chúng tôi cho mang lên Hồ Tây chạy thử. Lần chạy thử đó có mời đồng chí Tố Hữu đến xem. Nhờ chiếc tàu đó mà chúng tôi đã phá được rất nhiều thủy lôi, đảm bảo giao thông đường thủy thông suốt, lại không nguy hiểm đến tính mạng cho các chiến sĩ.

Lời phát biểu của Bác đã tác động đến anh em kỹ thuật, giúp họ suy nghĩ, phát huy sáng kiến và chế tạo ra chiếc tàu mang biệt hiệu T5.

Ngồi xem phim với Bác, Bác hỏi nhiều điều mà chúng tôi không lường hết được. Bác quan tâm đến mọi vấn đề. Bác muốn biết hết tất cả mọi việc.

Bác quan tâm đến công việc chung, nhưng cũng không quên những việc nhỏ, làm cho tôi rất cảm động. Tôi đưa

phim vào chiếu cho Bác xem. Sau đó Bác cho phép tôi mang vợ con vào thăm Bác. Tôi còn nhớ khi đó là đầu năm 1967.

Bác hỏi tôi:

- Chú đi vào trong kia bằng phương tiện gì?

Tôi báo cáo với Bác:

- Cháu đi bằng ô tô. Đoạn nào không đi được bằng ô tô thì đi xe đạp.

Bác nghe, rồi nói:

- Đi bằng ô tô hay đi bằng xe đạp cũng phải thật chú ý và cảnh giác vì máy bay Mỹ có thể bắn phá bất ngờ.

Trên đây là một số kỷ niệm về Bác mà tôi còn ghi nhớ. Những kỷ niệm này sẽ mãi mãi không bao giờ phai mờ trong ký ức của tôi.

Nguồn: “Kỷ niệm về Bác”, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2005.

Đi thăm miếu Khổng Tử

Ngày 19-5-1965, nhân lúc đang thăm Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến quê hương Khổng Tử. Hai giờ chiều, trong bộ quần áo lụa Hà Đông, Bác Hồ thông thả bước vào Khổng phủ trang nghiêm, cổ kính. Bác kể cho các cán bộ cùng đi: “Cho đến năm 1937, Khổng Đức Thanh là lớp con cháu đời thứ 77. Bố Khổng Tử có ba vợ. Khổng Tử là con vợ thứ ba. Khổng Tử lấy vợ sinh con là Khổng Lý... Đời Tống, Nguyên, Thanh đều góp của, góp công sửa sang Khổng phủ, Khổng miếu... Điều đó chứng tỏ học thuyết Khổng Tử từ lâu thành hệ tư tưởng chính thống, có sức sống qua nhiều thời đại. Chúng ta không gạt bỏ tất cả mà phải chọn lọc, tiếp thu những cái tốt đẹp nhất để làm giàu cho mình, cho con cháu mình...”. Đứng dưới gốc cổ thụ ở Khổng miếu nghe nói do chính tay Khổng Tử trồng cách đây 2.400 năm, Bác nói, giọng trầm lắng: “Khổng Tử là người chủ trương quyền bình đẳng về của cải và sự công bằng trong đời sống. Câu

“Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng” mà Bác trích là từ câu của Khổng Tử: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên. Đã công bằng thì không nghèo, đã hòa mục thì không thiếu, lòng dân đã yên thì không sợ nghiêng đổ”. Rồi Khổng miếu, sang Khổng Lâm, dạo bước dưới bóng cây cổ thụ, Bác Hồ lại tiếp tục nói chuyện. Bác nhắc đến chữ “nghĩa chiến” của Mạnh Tử trong sách “*Khổng học đặng*” chính là chiến tranh nhằm mục đích nhân nghĩa, Bác nói: “Khổng Tử thường nêu “dân vi bang bản” (dân là gốc của nước) hoặc “quốc dĩ dân vi bản” (nước lấy dân làm gốc)...”. Gần ba giờ vừa đi xem cảnh, vừa nói chuyện, đến năm giờ chiều, Bác cùng đoàn cán bộ lên xe lửa về Tế Nam. Ngồi trên tàu, nhìn nắng chiều nhạt dần trên triển núi mờ xa, Bác đọc bài thơ chữ Hán vừa làm: “*Thăm Khúc Phụ*”:

*“Mười chín tháng năm thăm Khúc Phụ
Miếu xưa vẫn dưới bóng tùng xưa
Uy quyền họ Khổng giờ đâu nhỉ?
Lấp lánh bia xưa, chút ánh tà”.*

Nguồn: “Một số lời dạy và mẫu chuyện về tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

Thăm nhà máy dệt mới khánh thành

Ngày lễ Quốc tế Phụ nữ mừng 8-3-1965 còn là ngày hội của chị em phụ nữ công nhân Nhà máy dệt mồng 8 tháng 3, ngày nhà máy dệt lớn nhất nước ta lúc bấy giờ cắt băng khánh thành. Vinh dự cho chị em là trong ngày vui lớn lao đó Bác Hồ đã đến thăm nhà máy. Cần nói thêm là công nhân của nhà máy toàn là nữ. Thời kỳ đó, đế quốc Mỹ liều lĩnh mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, để đảm bảo an toàn, phòng máy bay Mỹ oanh tạc, lễ khánh thành nhà máy được ấn định vào 7 giờ tối.

Khoảng một giờ trưa, chẳng có ai dẫn lối, Bác đi thẳng đến khu nhà tập thể. Vào giờ này, người nào không bận làm ca kíp ở nhà máy thì đều đang giấc ngủ trưa. Bác đi xem xét nhà ăn, nhà trẻ, khu vệ sinh, hình như khá lâu mà không ai hay. Khi người ra bể nước công cộng, mấy chị em đang giặt giũ bên bể nước thấy Bác reo ầm lên: “Ồi Bác! Bác Hồ! Bác đến!”.

Ngay lập tức cửa các căn nhà mở toang, mọi người

cuống quýt chạy ra. Lúc này Bác đã tới đầu nhà A1, một trong mấy dãy nhà ở cao tầng mới xây dựng. Người đến mỗi lúc một đông, vòng trong vòng ngoài, ai cũng muốn được đến gần Bác, nhìn rõ Bác.

Đồng chí Bí thư chỉ bộ dẫn Bác lên kiểm tra tầng trên. Bác thoăn thoắt bước lên cầu thang, vừa lên đến tầng hai đã nhìn thấy cảnh nhà nhà đang lúi đúi thứ ra phơi phóng lộn xộn ngoài hành lang, nơi ban công. Bác vẫy mọi người lại, phê bình: Đây là khu tập thể của một nhà máy hiện đại. Nhà máy càng hiện đại công nhân càng phải gương mẫu trong sản xuất và trong việc gìn giữ vệ sinh trong công nghiệp và vệ sinh trong sinh hoạt. Có như thế mới có đủ sức khỏe để sản xuất tốt. Bác phê bình các cô các chú đều là người lớn cả mà ở rất bẩn. Các cô, các chú có hứa với Bác chú ý gìn giữ chỗ ăn ở luôn sạch sẽ, ngăn nắp không?

Mọi người đồng thanh đáp: “Có ạ!” rõ to. Lời đáp đồng đặc đó như làm vơi đi sự không hài lòng do chính họ gây ra.

Trên đường dẫn Bác đến thăm các phân xưởng nhà máy sẽ làm lễ khánh thành tối hôm đó, Bác nói với đồng chí Bí thư Đảng ủy: Chắc các cô đang bận lo việc khánh thành nhà máy, lo sản xuất mà lãng quên việc chăm lo đời sống của công nhân, như thế là không được, nhất là ở cương vị người lãnh đạo cao một nhà máy lớn có hàng vạn công nhân nữ. Lo việc lớn nhưng không bỏ qua việc nhỏ, kể cả những nguyện vọng chính đáng của từng chị em.

Nguồn: bqllang.gov.vn

Biển cả do cái gì tạo nên?

Năm 1968, các ông Hà Huy Giáp, Lê Xuân Đồng, Phan Hiền được Bác Hồ mời đến trao đổi về việc biên soạn lại sách “Người tốt - Việc tốt”.

Bác chỉ chồng tài liệu cao gần nửa mét trên bàn và cho biết đó là những bài báo và báo cáo viết về hơn bốn nghìn người được Bác thưởng huy hiệu trong mấy năm qua. Bác đã sắp xếp lại thành 18 tập. Nếu kể cả tập thứ 19 đang làm dở dang thì số người được Bác khen đã lên tới năm nghìn.

Những tập tài liệu đều đóng bìa vở học sinh, giấy nền bên trong là giấy báo cũ. Những bài báo và báo cáo về Người tốt - Việc tốt được cắt dán cẩn thận trên giấy báo. Bài nào cũng mang bút tích của Bác bằng mực đỏ hoặc bút chì đỏ, ghi rõ tặng một hay mấy huy hiệu.

Bác nói đùa:

- Như thế là đã thành Bách khoa toàn thư rồi đấy. Từ

đó, các chú chọn ra những tấm gương nào cần viết lại trước và viết cho thật tốt, để mọi người có ý thức làm theo, và làm hơn thế.

Bác trao cho ông Giáp mấy tờ giấy đánh máy ghi rõ mỗi ngành, mỗi giới, mỗi địa phương có bao nhiêu người được khen thưởng. Bác phê bình một số cán bộ lãnh đạo mãi làm công tác sự vụ hơn là để tâm sức xây dựng con người mới..., cho nên không chịu theo dõi việc làm hàng ngày của quần chúng nhân dân... và hỏi:

- Hình như các chú cũng chưa coi trọng những việc nhỏ như thế?

Không đợi trả lời, Bác nói tiếp:

- Các chú có biết biển cả do cái gì tạo nên không? Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông, rồi thành biển. Một pho tượng hay một lâu đài cũng phải có cái nền mới đứng vững được. Nhưng người ta dễ nhìn thấy pho tượng và lâu đài mà không chú ý đến cái nền. Như thế thì chỉ thấy ngọn mà quên mất cái gốc.

Ngừng một lúc, Bác nói tiếp:

- Bác chỉ muốn nhắc nhở các chú một điều: Chớ bỏ qua những việc mà các chú tưởng là tầm thường. Nếu cứ ngồi kể lại những gương Người tốt - Việc tốt thì kể mãi cũng chẳng hết được. Tất cả những việc làm như vậy đều nói lên tinh thần yêu nước, đạo đức trong sáng, thuần phong mỹ

tục của nhân dân ta. Chúng ta đánh giặc và xây dựng mỹ tục của nhân dân ta. Chúng ta đánh giặc và xây dựng xã hội mới bằng những việc làm muôn hình muôn vẻ của hàng chục triệu con người như thế, chứ không phải chỉ bằng thành tích nổi bật của một số cá nhân anh hùng...

Nguồn: Trang tin ditichhochiminhphuchutich.gov.vn

Cuộc sống giản dị của Bác ở Phủ Chủ tịch

Mùa hè nóng lắm, Hà Nội là vào nơi nóng bậc nhất ở đồng bằng Bắc Bộ. Nhưng như đã nói, Bác không cho lắp máy điều hòa không khí. Còn quạt máy thì cho đến năm 78,79 tuổi, Bác vẫn không chịu dùng quạt trần và quạt để bàn.

Trong những năm ở Phủ Chủ tịch, Bác đã sống hàng ngày như thế nào?

Có một lẽ Bác không nói ra nhưng đây mới là lý do sâu xa trong lòng Bác. Số đông người Việt Nam ta ngày ấy chưa có quạt máy để dùng, cho nên từ trong lòng, Bác Hồ không muốn dùng quạt máy. Những ngày hè nóng nực nhất, Bác Hồ chỉ dùng quạt giấy và quạt nan thôi.

Đây là mùa hè. Còn về mùa đông, Bác Hồ có một cái áo bông của đồng bào biếu. Bác dùng nhiều năm rồi. Mới đầu bông xốp còn dày, ấm. Sau dùng mãi nó lép kẹp xuống

không ấm lắm nữa. Nhưng chưa ai dám nghĩ đến việc xin Bác bỏ cả mền bông đâu, chỉ nghĩ đến thay cái vỏ ngoài. Lúc đầu cái vỏ bằng vải mới, dần dần nó phai màu, đứt chỉ ở khuỷu tay và ở cổ. Bác bảo mại lại. Nó rách ở vai thì Bác bảo vá vai. Mùa rét tháng 2-1969, nó rách một miếng nữa ở vai, những đồng chí chuyên săn sóc sức khỏe của Bác nhân dịp ấy mới nhắc một đề nghị đã nhiều lần: Xin Bác cho thay vỏ ngoài, nó lại rách một lần thứ hai ở vai rồi. Đây là một người bạn chiến đấu mấy chục năm nay của Bác, cho nên Bác nói thẳng, thân tình lắm. Bác quay lại bảo đồng chí ấy thế này: “Này chú ạ, Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước mặc áo vá vai thế này là cái phúc cho dân đấy. Đừng bỏ cái phúc ấy đi”. Và nhất định Bác không cho thay cái vỏ mới. Bây giờ trong bảo tàng vẫn là cái áo bông vá vai như thế. Bác còn có lò sưởi điện. Bác có mấy cái, nhưng Bác lại càng ít dùng lò sưởi điện. Cũng vì lẽ không muốn phụ thuộc vào lò sưởi điện, và nhất là vì lẽ số đông người Việt Nam không có sưởi điện hàng ngày sưởi về mùa đông.

Ở đây cũng rõ một nét trong đời sống hàng ngày của Bác. Bất kỳ cái gì có tí lãng phí cũng quyết không để lãng phí. Nhưng đã cần thì dùng cho đủ mức cần.

Về việc tiết kiệm điện, không biết bao nhiêu lần, tự tay Bác tắt những cái đèn, cái quạt và cái đài đang tiêu điện mà không ai dùng cả. Ở nước ta thế mà khi ra nước ngoài cũng thế. Đi lướt qua một hành lang trên con đường đến nơi nào đó bạn tiếp khách hay trong nhà khách của bạn, thấy có một bóng đèn điện để đấy không cần là Bác tìm xem chỗ tắt bật

ở đâu, Bác tắt đi. Có đồng chí ở với Bác khá nhiều năm đã nói:

- Tất cả các năm mình ở với Bác, luôn luôn mình là cán bộ tắt đèn. Bác cứ thấy xa xa có những bóng đèn đang sáng, Bác bảo xem lại có ai ở đấy không, có cần để ánh sáng để bảo vệ không? Nếu không thì tắt đi.

Suốt thời gian 15 năm từ ngày về Hà Nội, Bác nhận một ô tô loại trung bình chứ không phải loại sang nhất và Bác cứ dùng thế mãi cho đến khi qua đời.

*Theo lời kể của đồng chí Việt Phương, nguyên thư ký
của Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng.*

*Nguồn: “Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ”,
Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2006, tr. 408-409.*

Năm ấy Bác Hồ không đi thăm rừng Cúc Phương

Các chiến sĩ và cán bộ Cục Hàng không đã đưa Bác đi công tác trên chiếc máy bay của nhân dân Liên Xô tặng mang biển số Mi-4 VN 50D. Trong các chuyến đi gần và ít người, các đồng chí đã đề nghị Bác dùng trực thăng như trong các chuyến đưa Bác đến Lạng Sơn, Tân Trào, Quảng Ninh...

Một lần Bác đi công tác Vĩnh Phú. Theo chương trình thì chiều là Bác đi ô-tô về Hà Nội. Nhưng lần ấy, tối mịt Bác mới ra về được. Anh em trong đoàn vừa lo đường sá, vừa sợ Bác mệt, nên xin điều một máy bay trực thăng để đưa Bác về. Trực thăng đỗ ở sân bóng đá Vĩnh Yên.

Tỉnh ủy thưa với Bác và đề nghị Bác lên “trực thăng” về Hà Nội.

Bác cảm ơn, rồi nói:

- Bác có ô-tô. Bác đi ô-tô thôi, Bác về Hà Nội bằng ô-tô. Chú nào đã điều máy bay lên thẳng thì chú ấy ra ngồi máy bay mà về...

Đầu năm 1969, sau khi nghe Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo tình hình rừng cây bị phá hoại, phần thì bom đạn, phần thì dân đốt phá, dẫn làm gỗ, làm củi và “cứ đà này, vài năm nữa ta sẽ hoàn thành kế hoạch... tiêu diệt rừng”.

Nhân đó, Tổng Cục trưởng mời Bác vào thăm rừng Cúc Phương. Tuy sức không còn khỏe, nhưng Bác vui vẻ nhận lời và nói:

- Phải đi thăm hang người Việt cổ...

Bác đề nghị đồng chí Nguyễn Lương Bằng thu xếp cho chuyển đi.

Anh em đề nghị Bác không đi ô tô nữa mà đi bằng “trục thăng”.

Trước hết, Bác uốn nắn:

- Tại sao chú không gọi là “lên thăng” mà cứ là “trục thăng?”. “Trục thăng” hơn gì “lên thăng”?

- Bác đi ô tô. Các chú cứ cho rằng hễ là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước đi đâu muốn “đi” gì cũng được à? Không phải thế đâu! Để Bác khỏe lên, Bác đi ô tô đến thăm Cúc Phương. Đi máy bay lên thăng thì thôi, chờ dịp khác. Máy bay lên thăng để dành khi nào có đồng bào bị tai nạn, bị đau nặng ở vùng rừng núi hẻo lánh khó chạy chữa thì đưa đồng bào nhanh chóng vào bệnh viện. Hay khi mưa bão, lụt lội cần hộ đê, cứu dân, thì dùng.

Lần ấy chỉ vì không chịu “đi” máy bay lên thẳng mà Bác không đến được Cúc Phương, mãi mãi anh chị em công nhân, cán bộ trông nom rừng Cúc Phương không đón được Bác để Bác thực hiện một điều mong ước nhỏ.

Ngày nay, trong rừng Cúc Phương vẫn còn có cái thang của công nhân, cán bộ làm để Bác leo lên thăm hang người Việt cổ. Cái thang ấy không được in dấu chân Bác, và ngày ngày nhìn vào thang anh chị em càng thương nhớ Bác.

Họ đặt tên cho cái thang ấy là “Cái thang thương nhớ”.

Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, ngày 18/9/2010.

Bác không đồng ý với Nghị quyết của Bộ Chính trị về tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Người

Câu chuyện sau đây do đồng chí Nguyễn Văn Lương, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng kể lại.

Năm 1969, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về việc tổ chức bốn ngày kỷ niệm lớn: Kỷ niệm lần thứ 40 Ngày thành lập Đảng ta, kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Lenin, mừng thọ Hồ Chủ tịch 80 tuổi và kỷ niệm lần thứ 25 Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Để giữ gìn sức khỏe của Bác, Bộ Chính trị đề nghị: Khi bàn những việc quan trọng của Đảng và Nhà nước thì mời Bác chủ trì, còn khi bàn những việc thứ yếu thì cứ bàn rồi báo cáo lại. Bác cũng đồng ý như vậy. Khi Bộ Chính trị bàn việc tổ chức kỷ niệm bốn ngày lễ lớn thì Bác không dự. Nghị quyết đó ra từ tháng 4. Đến ngày 8-7 thì đăng trên báo Nhân Dân. Mọi việc lớn

hay nhỏ, khi Bộ Chính trị đã bàn xong đều báo cáo lại. Riêng việc này, các đồng chí cũng ngại rằng nếu Bác biết thì thế nào cũng không để tổ chức kỷ niệm ngày sinh của mình.

Hôm đó, đọc báo xong, Bác mời các đồng chí trong Bộ Chính trị vào, Bác chỉ vào tờ báo Nhân Dân để trên bàn và hỏi: Nghị quyết này các chú bàn bao giờ mà tại sao không cho Bác biết? Bác nói đại ý: Tất cả các nghị quyết của Đảng đều do Bộ Chính trị quyết định tập thể. Gần đây, Bác mệt, có một số cuộc họp không dự được. Đó là khuyết điểm của Bác. Khi đọc nghị quyết đăng trên báo, Bác tán thành nhiều điểm. Chỉ có việc riêng của Bác, Bác không đồng ý. Ai cũng biết Bác là Chủ tịch Đảng ta. Đọc nghị quyết này, người ta sẽ nghĩ rằng Bác chủ trì phiên họp Bộ Chính trị để bàn việc tổ chức lễ kỷ niệm ngày sinh của mình cho linh đình. Thế là không đúng. Bác ngừng một lúc, giở tờ báo, chỉ tay vào một đoạn trong nghị quyết và nói: Lênin là bậc thầy của cách mạng thế giới. Bác chỉ là học trò của Lênin? Sao các chú lại đặt việc riêng của Bác ngang với những việc lớn của Đảng và Nhà nước? Bác lại chỉ tay vào một đoạn nữa trong nghị quyết và hỏi các đồng chí trong Bộ Chính trị: Sao các chú cho in sách của Bác nhiều thế? Bây giờ nước nhà còn thiếu thốn, sách học, giấy học cho các cháu còn thiếu, thế mà sách báo của ta, kể cả sách của Bác, thì in lu bù. Nên bớt đi, cái gì cần lắm hãy in, để giấy cho các cháu học. Nói xong, Bác lại lấy ngón tay dò dò trên tờ báo. Thì ra vẫn chưa hết! Chỉ tay vào một chỗ trong nghị quyết, ghi việc xây dựng và tu bổ những nhà bảo tàng, nhà lưu niệm của những địa phương cơ

sở cách mạng Bác nói: việc này cũng cần thiết, nhưng Bác nghĩ nước ta đang có chiến tranh, nhà cửa của nhân dân bị tàn phá nặng nề, chúng ta nên để dành vật liệu trước hết xây dựng nhà ở cho nhân dân, trường học cho các cháu và nhà giữ trẻ. Khi đời sống nhân dân sung túc, lúc đó ta hãy xây dựng bảo tàng này, bảo tàng nọ.

Từ một nghị quyết của Bộ Chính trị, Bác chỉ ra nhiều bài học rất thấm thía. Bác rất khiêm tốn, không muốn đề cao cá nhân mình, lúc nào Người cũng chỉ nhận mình là học trò của Lenin vĩ đại. Mỗi việc làm của Bác đều vì dân vì nước. Ngay cả đến khi sắp từ biệt thế giới này, Bác vẫn còn căn dặn: “Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diễu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”.

Nhớ Bác, chúng ta nhớ những lời Bác dạy. Mọi chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đều xuất phát từ điều kiện thực tế của đất nước, và luôn đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết.

*Nguồn: “Bác Hồ sống mãi với chúng ta”,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.*

Những khách “đặc biệt” của Bác Hồ

Vào một buổi sáng mùa thu tháng tám năm 1990, trong đoàn người kéo dài vô tận vào thăm nhà sàn, nơi Bác Hồ kính yêu đã từng sống và làm việc, có hai cha con người Pháp. Người phụ nữ ngoài 50 tuổi, gương mặt sáng, nụ cười tươi tắn, dáng người mảnh mai, đi bên người cha có gương mặt đôn hậu, chất phác. Đó là hai cha con ông Ô-brắc (Aubrac), một gia đình người Pháp có nhiều kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ. Người phụ nữ mảnh mai kia là Ê-li-da-bét (Elizabeth), người con gái đỡ đầu của Bác Hồ. Đi cùng với dòng người ngắm nhìn vườn cây ao cá, dừng chân hồi lâu bên nhà sàn, ông Ô-brắc bảo với con gái của mình:

- Đây là toàn bộ gia tài của người cha đỡ đầu của con đó, con có hiểu không con?

Những giọt lệ lăn trên má chị. Chẳng lẽ Bác Hồ – người cha đỡ đầu của chị không có một cái gì khác ngoài căn nhà sàn đã đi vào huyền thoại về lối sống trong sáng, giản

dị, vườn cây ao cá và thiên nhiên xanh ngắt quanh mình. Điều khó tin nhưng có thật. Mới đó mà đã 54 năm trời. Biết bao kỷ niệm về Bác Hồ kính yêu không bao giờ phai mờ, nhặt nhòa trong ký ức của mỗi thành viên trong gia đình chị. Nhìn những em bé như bầy chim non vào Lăng viếng Người, chị càng hiểu sâu sắc câu nói không chỉ ở Việt Nam, mà ở khắp mọi nơi trên trái đất, nơi Bác Hồ đã từng đến, ai ai cũng thuộc:

“Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh”.

... Ngày ấy, khi chị mới ra đời trong một nhà hộ sinh ở một làng thuộc ngoại ô Paris. Lúc bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang có mặt trên đất Pháp với tư cách là một thượng khách của Chính phủ Pháp. Báo chí xuất bản ở Thủ đô Paris hoa lệ đều trang trọng in trên đầu trang nhất bức chân dung của Bác Hồ với những hàng tit lớn trang trọng.

Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Fontainebleau) đang họp, Bác Hồ là thượng khách, tâm trí Người luôn hướng tới việc giành lại nền hòa bình, độc lập cho dân tộc, vấn đề Nam Bộ “là máu thịt của Việt Nam”. Ở trong tòa lâu đài sang trọng, Bác Hồ cảm thấy không thoải mái vì không có vườn cây, thiếu hoa lá, thiên nhiên. Khi ông Ô-brắc đề nghị Bác đến ở tại ngôi nhà cổ kính của ông ở ngoại vi Paris, Bác Hồ đã nhận lời dọn đến ở 6 tuần lễ.

Nơi đây, cứ chiều chiều sau giờ hội đàm, gặp gỡ với các chính khách, Bác Hồ thường dắt cháu Giăng Pi-e (Jean Pierre), bảy tuổi, con trai đầu lòng của ông bà Ô-brắc chủ

nhà, đi dạo chơi khắp làng, thăm hỏi đời sống của bà con lao động, nói chuyện với ông lão trồng hoa, vui đùa với các em bé vùng ngoại ô. Có buổi trưa, ông Ô-brắc còn thấy Bác Hồ đang cùng con trai ông, Giăng Pi-e nghỉ trưa thanh thản trên bãi cỏ trong vườn.

Chính trong dịp này, vào ngày 15/8/1946, gia đình ông Ô-brắc đón một tin vui mới: cô con gái út vừa chào đời. Được tin này, Bác Hồ ngồi trên xe có hộ tống đến tận nhà hộ sinh chúc mừng bà Ô-brắc và cháu bé mới sinh. Bác Hồ đặt tên cho cháu bé là Ba-bét (Babette) và nhận cháu làm con gái đỡ đầu của Người.

Từ ngày xa Paris, xa vùng ngoại vi Pa-ri trở về nước, dù bận trăm công ngàn việc, lãnh đạo nhân dân Việt Nam trong công cuộc trường kỳ kháng chiến và những năm hòa bình ở miền Bắc cũng như cuộc đấu tranh chống Mỹ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Bác Hồ vẫn luôn dành tình cảm của mình cho con gái đỡ đầu Ba-bét. Tháng 6/1967, ông Ô-brắc được Hội đồng các nhà bác học thế giới họp ở Pa-ri nhờ chuyển đến Chủ tịch Hồ Chí Minh một bức thông điệp. Gặp lại ông Ô-brắc giữa những ngày Hà Nội đang chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Bác Hồ rất vui và không quên hỏi thăm về người con gái đỡ đầu Ba-bét của mình. Ông Ô-brắc chuyển cho Người món quà mà chị Ba-bét nhờ gửi đến cha đỡ đầu: một chiếc hộp vuông bên trong đựng một quả trứng được làm từ đá quý. Theo chị cho biết thì “quả trứng đó là biểu hiện của sự sống, tương lai và hoàn hảo. Cha đỡ đầu là

hiện thân của những điều đó”. Khi chia tay, Bác Hồ gửi một tấm lụa nhờ ông Ô-brắc chuyển cho “con gái đỡ đầu của tôi để cháu may áo cưới”.

Hàng năm chị Ba-bet vẫn gửi thư đều cho Bác Hồ. Ngày Bác qua đời, cũng như toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân loại yêu chuộng hòa bình, cả gia đình ông Ô-brắc vô cùng thương tiếc Người. Bao nhiêu kỷ niệm, những món quà Bác gửi cho chị Ba-bét vẫn còn đó; bức ảnh nhỏ của Người, các con vật dễ thương bằng ngà, bằng sứ, tấm lụa Bác gửi để chị may áo cưới... vẫn còn đây. Và lần này, chị được sang thăm đất nước, thăm nơi ở, nơi làm việc của người cha “đỡ đầu về tinh thần” của mình...

Khi nghe chị thuyết minh nói rằng hai hàng ghế đá và bể cá vàng là nơi Bác Hồ thường dùng để tiếp khách tí hon, “khách đặc biệt” của mình, chị Ba-bét nước mắt tuôn trào. Chị lặng lẽ ngồi xuống tấm ghế đá mát lạnh, mắt nhìn những con cá vàng tung tăng bơi lội trong bể, thả lòng mình trong những hoài niệm không bao giờ quên về Người. Tình thương bao la của Bác vẫn dành cho tất cả mọi người, đặc biệt nhất vẫn là những em nhỏ “như búp trên cành”. Chị Ba-bét cũng là một trong những “cháu bé” ngày nào đã được sưởi ấm bằng “muôn vàn tình thương yêu của Bác”.

*Nguồn: “Hồ Chí Minh bên Người tỏa sáng”,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 1977.*

Phần II

**NHÖNG CHIEN SÓ CACH MẠNG
TRUNG KIEN**

Một lòng trung thành vô hạn với Đảng

Bót Pô-lô nằm trên đường Ga-li-ê-ni, gần Chợ Lớn. Đó là một ngôi nhà to lớn, bề ngoài trông cũng bình thường như những công sở khác, nhưng bên trong lại là sào huyệt của bọn khát máu, đây rẫy những phòng tra tấn với những dụng cụ tối tân, những phòng giam kín mít, hôi hám đến nghẹt thở. Tất cả cái “văn minh” của bọn thực dân Pháp được phơi bày ra ở đây. Phía sau, một hàng rào chắn song sắt to bằng bắp tay bao quanh nhà giam. Có lẽ vẫn chưa chắc chắn, chúng còn xây một dãy tường cao dày, trên lởm chởm những mảnh chai nhọn hoắt, những cọc sắt chằng chịt dây điện trần.

Bọn thực dân đã bí mật ra chỉ thị cho bọn tay sai dùng mọi cách tra tấn, buộc anh Phú phải cung khai. Mác-ty, thẳng mật thám khét tiếng gian ác, nham hiểm trực tiếp điều khiển

các buổi khảo cung. Với mọi thủ đoạn tra tấn, Mác-ty tưởng có thể nuốt chửng được anh. Nhưng không! Tất cả những thứ đó đều vô hiệu.

Cả người Trần Phú lẫn chiếc ghế bị hất xuống một bể nước đen ngòm, đầy máu, phân, nước giải của bao nhiêu chiến sĩ. Một mùi tanh thối, một vị chát mặn. Tất cả ộc vào mồm vào mũi. Dòng điện có nước mặn càng tăng cường độ, tăng sức phá hoại. Anh Phú nhắm mắt, nghiến răng, nín thở và cuối cùng mê man, bất tỉnh.

Mấy hôm nay, sau khi cho ném mùi tra điện, bọn hăn đã giao anh Phú cho tên du côn ở phòng quyền anh dùng những quả đấm như búa bổ làm vụn cả quai hàm, gãy cả một dây răng. Nhưng anh chẳng hề hé miệng nói nửa lời. Anh chỉ nhổ một bãi nước bọt lấy nhẩy những máu vào mặt tên sát nhân và nhìn hăn một cách khinh bỉ. Hôm nay thằng cáo già này lại giở giọng nhân đức. Trần Phú quá rõ tâm địa kẻ thù liền nói:

- Các người đừng hỏi gì vô ích. Ta không thể đem công việc của Đảng ta nói cho các người nghe. Các người bằng lòng vậy.

Chúng lột hết quần áo anh, trói giật cánh khuỷu rồi treo ngược lên xà nhà, đầu chúc xuống, cổ đeo một tảng đá nặng. Một thằng du côn lực lưỡng cầm chiếc roi mây bện, quật tới tấp vào lưng, vào đầu anh. Anh Phú vẫn im lặng, nghiến răng chịu đựng.

- Thế nào? - Tên Cam-ba-na quỷ quyết bước lại gần.

- Không, không bao giờ...

Chúng thay nhau kéo lên, thả xuống, đưa qua, đẩy lại. Cuối cùng chúng kéo lên cao rồi bất thần thả xuống rất nhanh. Toàn thân anh lao theo tảng đá, đầu đập vào đá, anh lại ngất đi.

Cứ như thế, hết ngày này qua ngày khác, người anh không còn ra hình thù gì nữa. Chân tay, mình mẩy đầy thương tích, mắt sưng vù lên. Nhưng anh vẫn chiến đấu một cách ngoan cường bằng thứ vũ khí kỳ lạ: im lặng. Bọn Mác-ty, Cam-ba-na lúc đầu hùng hổ bao nhiêu thì giờ đây lại tiu nghỉu bấy nhiêu. Chúng muốn tìm cái sức mạnh kinh khủng trong con người bé nhỏ đó. Cái gì đã làm cho anh ta có thể chịu đựng được những đòn hiểm hóc như vậy? Ngoài mặt, chúng có vẻ cứng cỏi, nhưng trong thâm tâm đã thấy khiếp sợ. Chúng phải để anh nằm yên trong mười ngày cho lại sức. Chính chúng cũng sợ anh chết.

Cuối cùng bọn chúng phải đưa anh ra tòa án. Hôm đó đồng chí Phùng và nhiều đồng chí khác cũng bị giải ra phòng hội thẩm một lần với anh Phú. Người nào cũng bị đánh đập, tra tấn nhưng ai cũng còn có thể đi được. Chỉ riêng anh Phú là phải có hai người dìu hai bên. Nhìn thấy anh, đồng chí Phùng vừa kinh ngạc, vừa đau xót. Đồng chí không tài nào nhìn ra được những nét quen thuộc trong con người anh Phú. Thân hình anh đầy những vết lở loét, tóc rối bù, dài, che kín gáy, râu mọc tua tủa, quần áo rách tươm, bết máu,

chân tay khẳng khiu chỉ còn da bọc xương, đeo lưng lẳng những ổ xiềng nặng nề. Duy chỉ có đôi mắt là không thay đổi. Đôi mắt ấy nhìn các đồng chí thân thiết, triu mến, ánh lên một niềm tin mãnh liệt, truyền tới mọi người một sức mạnh: “Hãy giữ vững tinh thần”. Và khi nó dán vào kẻ thù thì như náy lửa dữ dội. Bọn mật thám, lính kín không thẳng nào dám nhìn thẳng vào anh.

Hôm đó có nhiều người đã được chứng kiến một cuộc đối chất thật dũng cảm, rõ ràng, làm cho họ thêm phần khởi, tin tưởng vào vị lãnh tụ của mình.

Tên bồi thẩm Goóc-xơ, một con cáo già chuyên xử những vụ án chính trị lớn ở tòa án Sài Gòn, đã phải chạm trán lần cuối cùng với Trần Phú trong phiên tòa hôm ấy. Do lời khai của Trì, nó đã nắm được ít nhiều tài liệu về cuộc đời hoạt động của anh. Nó giờ thủ đoạn nhà nghề ngay từ phút đầu. Nó trịnh trọng rút một tập hồ sơ dày, ghéech đôi mắt cú liếc nhanh những hàng chữ đen đặc, rồi dương dương tự đắc, hất hàm hỏi:

- Có phải ông là Trần Phú không?

- Phải.

- Có phải ông qua Trung Quốc năm 1926 rồi qua Nga, học trường Đại học Đông Phương, cuối năm 1929 thì về nước?

- Phải.

- Ông giữ chức vụ Tổng Bí thư?

- Phải.

Tên Goóc-xơ vừa ngạc nhiên luống cuống, vừa mừng rỡ. Hẳn biết rất rõ về con người này. Mặc dù bị tra tấn ghê gớm, anh vẫn không hề hé răng khai nửa lời, kể cả họ tên, quê quán... thế mà giờ đây hẳn không ngờ hẳn hỏi gì anh cũng nhận một cách dễ dàng như vậy. Hay là Trần Phú đã ăn năn, sợ chết?!... Hay là thủ đoạn của hắn sắp thành công?... Hay là... anh ta có ý định gì chẳng? Đầu óc Goóc-xơ rối loạn, không còn đủ minh mẫn để xét đoán người tội phạm cực kỳ quan trọng này. Nhưng rồi theo thói quen nhà nghề, hắn tỏ ra mừng rỡ, ân cần. Hẳn quát bọn tay sai đưa ghế mời anh ngồi, tự tay cởi xiềng cho anh, mời anh hút thuốc lá và “xin lỗi” về cái “thiếu sót” là đã để cho bọn tay chân ngược đãi anh một cách quá đáng. Rồi hẳn giở giọng mua chuộc và dọa khéo:

- À! Chắc ông đã biết tin tòa án Nam triều ngày 11 tháng 10 năm 1929 ở Vinh đã kết án xử tử vắng mặt ông cùng với Nguyễn Ái Quốc và nhiều người khác. Vừa rồi họ điện yêu cầu chúng tôi giao ông cho họ để họ thi hành bản án đó. May cho ông còn ở đây chứ giá chúng tôi trả ông về Trung kỳ, chắc chính phủ Nam triều chẳng để ông yên.

Không chút ngập ngừng, Trần Phú nói thẳng vào mặt tên bồi thẩm Pháp:

- Nay, ta nói cho các người biết, với kẻ nào khác, các người hãy giở cái giọng ấy. Với ta, ta khuyên các người đừng giở trò ấy ra làm gì. Các người dọa đưa ta về Trung kỳ ư? Tùy

ý các người. Ta không sợ. Ta ở đâu cũng thế, điều ấy đối với ta không quan hệ.

Tên Goóc-xơ lưỡng cuống thanh minh là không có ý định đó. Sở dĩ hần nhắc lại việc ấy là muốn nói để anh biết ý định “tốt” của chúng đối với anh. Rồi hần đầu dụ, mềm mỏng mỉm cười, đem tất cả hồ sơ mà Trì đã khai đọc cho anh nghe và tiếp tục hỏi:

- Ở Trung ương Đảng, ông làm việc với ai?

- Một mình.

- Trung ương Đảng có bao nhiêu người?

- Một người.

Tên bồi thẩm vờ suy nghĩ và tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Ông nói vô lý quá. Tôi tưởng cơ quan chỉ huy Đảng phải đông người chứ. Và ông làm việc tất nhiên phải trực tiếp với nhiều người khác chứ. Thế mà ông nói ông làm việc một mình. Thật tôi không thể nào tin được.

Câu trả lời gọn và sắc của anh Phú như một gáo nước lạnh dội xuống đầu tên thực dân quỷ quyết:

- Ta trả lời thế, các người không hiểu sao? Phải, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương có nhiều người. Và trong khi làm việc, ta còn trực tiếp với người này người khác. Nhưng ta biết nhiều người là để làm việc cho Đảng, cho nước ta, chứ không phải để khai ra cho các người bắt bớ.

Tên Goóc-xơ chưng hửng như mèo bị cắt tai, mặt hần

đỏ bừng lên rồi tím lại. Nhưng hắn vẫn chưa chịu thua, hắn cố nén giận:

- Thôi, ông Trần Phú ạ, ông không nên giấu giếm vô ích. Bao nhiêu đồng chí của ông đã khai rồi...

Bỗng nhiên anh Phú cười thích thú:

- Phải, các người cứ tin lời khai của những thằng ham sống sợ chết nói càn ấy đi, không ai ngăn cấm các người. Đúng, tất cả những lời khai của bọn nó đều đúng cả, các người nên gặp chúng hỏi thêm. Ta không ngờ những con người già đời lừa đảo như các người mà còn ngu ngốc đến như vậy.

Trước câu nói vừa mĩa mai đã kích vừa úp mở của anh, tên bồi trầm lúng túng. Còn các đồng chí ta thì biết rất rõ ý định của anh Phú. Thật ra anh Phú biết tên phản bội đã khai hết bí mật của Đảng rồi. Trước tình hình ấy, anh thấy cần phải đánh lạc hướng địch, làm cho chúng nghi ngờ những điều mà tên phản bội đã khai với chúng. Muốn thế, chỉ còn một cách là nhận hết những lời chúng khai. Bọn địch ít ra cũng phải suy nghĩ: “Tại sao một người mà chúng tra tấn mãi không khai, giờ lại nhận tất cả. Phải chăng những điều khai của bọn kia là không đúng sự thật?”. Quả nhiên thằng Goóc-xơ bị anh đưa vào tròng. Tuy vậy, hắn vẫn cố vớt vát:

- Hay là tôi bảo họ đến để ông nhận mặt. Hay là ông tạm xem ảnh đây.

Anh Phú gạt đi:

- Các người muốn dẫn cả trăm người ra nhận mặt ta cũng được, ai muốn biết Trần Phú thì biết, Trần Phú không biết ai hết.

Goóc-xơ thất vọng, bỏ bút xuống và cho dẫn Trần Phú về Khám Lớn. Chúng nhốt anh xuống hầm tối – chiếc hầm vuông mỗi bề không quá hai mét, nằm sâu xuống lòng đất, bốn bề xây đá, thiếu cả ánh sáng lẫn khí trời. Đã thế, bọn giặc còn cẩn thận còng tay, xích chân phạm nhân. Anh Phú lúc này chỉ còn là một bộ xương được bọc da. Chế độ hà khắc của nhà tù đế quốc và vi trùng lao đang gặm dần cơ thể, tàn phá đời anh, Không để cho kẻ thù xử sự với mình như vậy được, anh Phú đã anh dũng đấu tranh bằng cách không ăn, không uống.

Một tuần lễ qua, rồi mười ngày, mười hai ngày. Bọn thực dân hoảng hốt trước tinh thần bất khuất của anh. Chúng sợ anh chết. Chúng vội vàng tiêm thuốc hồi sinh, bơm sữa và trứng gà vào hậu môn của anh. Anh Phú lại sống, và lần này chúng phải đưa anh về Khám Lớn ở chung với các đồng chí tù chính trị. Các đồng chí hết lòng săn sóc cứu chữa, nhưng sức khỏe anh vẫn không hồi phục được.

.....

Anh Phú đã tắt thở trên tay bốn đồng chí của mình. Anh đã mất khi tuổi đời mới hai mươi bảy. Anh giữ trách nhiệm Tổng Bí thư chỉ mới được một năm.

Tin đồng chí Trần Phú, Tổng bí thư của Đảng, đã hy sinh truyền về Khám Lớn Sài Gòn làm cho tất cả các đồng

chí trong khám vô cùng đau xót. Những con người cộng sản kiên cường bất khuất không hề hé răng rên rỉ một lời trước bất cứ hình thức tra tấn cực kỳ dã man nào của quân thù, nhưng tiếc thương anh Trần Phú - người đồng chí vĩ đại - họ đã khóc! Từ Khám Lớn Sài Gòn, tin đồng chí Trần Phú hy sinh truyền nhanh ra toàn quốc rồi bay đến tận Pa-ri, Mátxcơva...

Đồng chí Trần Phú tuy đã mất nhưng anh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản *Luận cương chính trị* nổi tiếng. Anh đã để lại cho chúng ta một tấm gương sáng chói về năng lực lãnh đạo cách mạng, về khí tiết của một người cộng sản và lời trăng trối cuối cùng: “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!”.

Đúng như Bác Hồ đã nói: “Đồng chí Trần Phú là một người con ưu tú của Đảng và nhân dân đã oanh liệt hy sinh cho cách mạng”.

Nguồn: “Chuyện kể về Trần Phú”,
NXB Kim Đồng, Lê Quốc Sử - Phạm Đức Dương, năm 2011.

Cuộc đời cách mạng oanh liệt

Đồng chí Lê Hồng Phong tên thật là Lê Huy Doãn, sinh năm 1902 tại xã Thông Lạng (nay là xã Hưng Thông), huyện Hưng Nguyên, Nghệ An, trong gia đình nông dân. Sinh ra và lớn lên ở một vùng quê có truyền thống yêu nước, với nhiều sĩ phu nổi tiếng, tận mắt chứng kiến cảnh đất nước lâm than, nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột, Lê Hồng Phong đã sớm nuôi trong mình tư tưởng yêu nước và ý chí làm cách mạng.

Sau khi học xong sơ học yếu lược, Lê Hồng Phong đã rời làng ra thành phố, đầu tiên ở Vinh, sau là Bến Thủy, sống cảnh làm thuê, làm mướn. Không chịu đựng nổi cảnh bóc lột và áp bức của giới chủ, Lê Hồng Phong và những người cùng tâm huyết đã vận động anh chị em công nhân nổi dậy đấu tranh. Vì lẽ đó mà Lê Hồng Phong bị đuổi việc.

Cuối năm 1923, Lê Hồng Phong cùng người bạn thân là Phạm Hồng Thái bí mật sang Xiêm (Thái Lan) gặp các nhà yêu nước Việt Nam. Năm 1924, Lê Hồng Phong sang Quảng Châu (Trung Quốc) gia nhập nhóm Tâm Tâm xã

và sau đó được gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được Người giác ngộ cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Kể từ đó Lê Hồng Phong quyết tâm đi theo con đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Năm 1925, Lê Hồng Phong gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tham dự lớp huấn luyện cán bộ do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức, trở thành một trong những cán bộ lãnh đạo lớp đầu tiên của cách mạng nước ta. Đồng chí đã được học tập toàn diện về quân sự và chính trị tại Trường Quân sự Hoàng Phố, Trường Không quân ở Quảng Châu (Trung Quốc), Trường Lý luận Quân sự của lực lượng không quân Xô viết ở Leningrat, Trường Đào tạo phi công quân sự ở Bôritolepxơ (Liên Xô). Sau khi tốt nghiệp, Lê Hồng Phong đã hoạt động trong lực lượng Hồng quân Xô viết và nhận trọng trách liên lạc giữa Đảng Cộng sản Đông Dương với Quốc tế Cộng sản. Trong thời gian này, đồng chí được học tập lý luận cách mạng một cách hệ thống tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva, tốt nghiệp khóa ba năm (1928 - 1931), sau đó vào học tiếp năm thứ nhất lớp nghiên cứu sinh.

Sau cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931), do sự khủng bố dã man và tàn bạo của thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam gặp muôn vàn khó khăn và tổn thất nặng nề. Hầu hết các ủy viên Trung ương, các xứ ủy viên đều bị bắt hoặc bị sát hại; hàng trăm cán bộ, hàng nghìn đảng viên bị bắt bớ, tù đầy. Các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở phần nhiều bị tan vỡ hoặc tê liệt. Trước tình hình đó, tháng 11 năm

1931, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong về nước để lãnh đạo việc khôi phục, phát triển tổ chức Đảng, đưa cách mạng Đông Dương vượt qua giai đoạn khó khăn, hiểm nghèo.

Đầu năm 1932, khi đến thành phố Nam Ninh, Quảng Tây (Trung Quốc), Lê Hồng Phong đã chấp nối liên lạc với các đồng chí trung kiên, cùng vạch ra Chương trình hành động của Đảng, được Quốc tế Cộng sản thông qua. Chương trình hành động của Đảng là một văn kiện chính trị quan trọng, khẳng định sự đúng đắn và nhất quán với đường lối cách mạng được Đảng ta vạch ra từ năm 1930, đánh giá cao thắng lợi của quần chúng cách mạng trong cao trào 1930 - 1931, đồng thời nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm trong Đảng và đề ra yêu cầu kiên quyết khắc phục sai lầm, đưa cách mạng tiến lên.

Tháng 3 năm 1934, Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí tiến hành Hội nghị thành lập Ban lãnh đạo của Đảng ở ngoài nước (lúc đó gọi là Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng). Ban Chỉ huy ở ngoài có chức năng như một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời do đồng chí Lê Hồng Phong làm Bí thư, đồng chí Hà Huy Tập là Ủy viên phụ trách công tác tuyên huấn. Ban Chỉ huy ở ngoài đã chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc) từ ngày 27 đến ngày 31 tháng 3 năm 1935. Đại hội đã thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, một số văn kiện quan trọng khác và bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 13 ủy viên do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu.

Cuối năm 1934, Lê Hồng Phong dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản họp tại Mátxcơva (Liên Xô) từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 25 tháng 8 năm 1935. Đồng chí đã trình bày một bản báo cáo quan trọng về cuộc đấu tranh của các dân tộc ở Đông Dương và đã được đại hội đánh giá cao. Đại hội đã thông qua quyết nghị công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là một phân bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản và bầu đồng chí Lê Hồng Phong làm Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Tháng 7 năm 1936, tại Thượng Hải, đồng chí triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương bổ sung Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất, chỉ đạo chuyển hướng tổ chức và sách lược của Đảng, chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế rộng rãi, bao gồm các hình thức đấu tranh, hình thức hoạt động phong phú từ bí mật, bất hợp pháp đến công khai, bán công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp, nhằm mục đích “dự bị điều kiện cho cuộc vận động dân tộc giải phóng được phát triển”, chuẩn bị về mọi mặt để đưa phong trào cách mạng chuyển sang cao trào 1936 - 1939.

Tháng 11 năm 1937, Lê Hồng Phong bí mật về Sài Gòn, cùng Trung ương tích cực chỉ đạo việc thực hiện chủ trương chiến lược mới của Đảng.

Ngày 22 tháng 6 năm 1939, Lê Hồng Phong bị thực dân Pháp bắt lần thứ nhất tại Chợ Lớn và kết án 6 tháng tù giam. Ngày 23 tháng 12 năm 1939 chúng đưa đồng chí về quản thúc tại quê nhà ở Nghệ An. Ngày 20 tháng 1 năm

1940, đồng chí bị thực dân Pháp bắt lần thứ hai, giam tại khám Lớn, Sài Gòn; cuối năm 1940, chúng đày đồng chí ra Côn Đảo. Tại đây, biết Lê Hồng Phong là nhân vật quan trọng của Đảng, thực dân Pháp tìm mọi cách tra tấn, hành hạ rất dã man. Đồng chí vẫn nêu cao chí khí cách mạng, không khai báo một lời, đồng thời tích cực vận động và chỉ đạo anh em tù đấu tranh chống địch đánh đập, chống lại những luật lệ hà khắc của nhà tù. Sức khỏe suy kiệt dần vì đòn thù và bệnh tật, đồng chí đã trút hơi thở cuối cùng vào trưa ngày 6 tháng 9 năm 1942 sau khi đã nhắn lại “Nhờ các đồng chí báo cáo với Đảng rằng, tới giờ phút cuối cùng, Lê Hồng Phong vẫn một lòng tin tưởng vào thắng lợi vẻ vang của cách mạng”.

Bốn mươi tuổi đời, hai mươi năm hoạt động cách mạng liên tục, oanh liệt và đầy nhiệt huyết, đồng chí Lê Hồng Phong đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Đồng chí đã để lại tấm gương sáng về đạo đức cách mạng, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, suốt đời hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, son sắt thủy chung với đồng chí, bạn bè, luôn lạc quan tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng.

Để lại cho cách mạng Việt Nam nhiều bài học quý

Cuộc đời hoạt động cách mạng và sự cống hiến của đồng chí Lê Hồng Phong đã để lại cho chúng ta những bài học hết sức quý giá:

Là người chủ trì công việc của Đảng trong thời kỳ cách mạng thoái trào đầu những năm 30 của thế kỷ XX, khi cả đất nước chìm ngập trong làn sóng khủng bố trắng của địch, tưởng chừng không vượt qua nổi, đồng chí Lê Hồng Phong đã cùng với Trung ương tiến hành một loạt công tác tỉ mỉ, kiên trì, sáng tạo nhằm khôi phục Đảng, khôi phục phong trào cách mạng, giữ vững ý chí chiến đấu của nhân dân, nuôi niềm tin vào sự tất thắng của cách mạng. Trong đó, việc đề ra Chương trình hành động và lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng là hai sự kiện có tầm quan trọng hàng đầu. Đồng chí đã kết hợp nhuần nhuyễn được hai yêu cầu cơ bản trong công tác của một người lãnh đạo là vừa quan tâm những vấn đề chiến lược, tổng quát; vừa chỉ đạo những công việc cụ thể, thiết thực, có hiệu quả. Trong những năm 1933 - 1934, cùng với việc đề ra chương trình hành động của Đảng, đồng chí còn dịch một số tài liệu và viết cuốn sách “Tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương” để tuyên truyền, vận động cách mạng. Đồng thời cùng các đồng chí của mình chỉ đạo lập ra các ban cán sự đảng ở Cao Bằng, Lạng Sơn, cử người đi gây dựng lại các cơ sở đảng ở Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai...

Sau khi khôi phục được phong trào cách mạng, đồng chí Lê Hồng Phong đã góp phần cùng Trung ương Đảng chuẩn bị những tiền đề tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc hình thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Đồng chí đã có công lớn trong việc chuyển hướng chiến lược và sách lược đấu tranh nhằm tập hợp rộng rãi quần chúng xung quanh

Đảng. Trong thời gian bị địch giam cầm, quản thúc, đồng chí vẫn tham gia trên mặt trận lý luận. Hàng chục bài viết của đồng chí được bí mật gửi, đăng tải trên các tờ báo của Đảng, nhất là báo Dân Chúng, thể hiện tinh thần chiến đấu ngoan cường, không một phút nghỉ ngơi của người chiến sĩ cộng sản. Có được sự trưởng thành như vậy, phần quan trọng là do Lê Hồng Phong đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp giáo dục, đào tạo, rèn luyện và thường xuyên chỉ đạo. Từ một thanh niên yêu nước đi tìm đường cách mạng, Lê Hồng Phong đã sớm gặp được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đến với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và trở thành một học trò ưu tú của Người.

Ở Lê Hồng Phong, một trong những phẩm chất nổi bật là tấm gương học tập và rèn luyện. Không được học tập đầy đủ khi tuổi còn niên thiếu, lớn lên đi hoạt động cách mạng, đồng chí càng khát khao trau dồi kiến thức, tranh thủ mọi điều kiện, ở mọi lúc, mọi nơi để học tập. Trong thời gian ở Trung Quốc và Liên Xô, Lê Hồng Phong đã trải qua nhiều trường, nhiều lớp; có khi lớp học cũ chưa xong, hoàn cảnh buộc chuyển sang lớp học mới; học quân sự, học chính trị, học lý luận... Có thể nói, trong số những cán bộ hoạt động cách mạng lúc bấy giờ, Lê Hồng Phong là người được trang bị nhiều kiến thức ở nhà trường nhất. Điều đó giúp đồng chí rất nhiều trong công tác, nhất là khi phải chủ trì công việc trọng đại của Đảng.

Đồng chí luôn gắn việc học tập với hoạt động cách mạng, rèn luyện trong tổ chức và chỉ đạo thực tiễn. Việc

chấp nối, liên lạc để khôi phục các tổ chức cơ sở Đảng ở trong nước và chủ trương đưa địa bàn hoạt động về trong nước thay vì chỉ đạo từ xa đã nói lên điều đó. Lê Hồng Phong là một tấm gương mẫu mực trong việc kết hợp giữa học và hành, lý luận và thực tiễn.

Đồng chí Lê Hồng Phong còn là một nhà hoạt động quốc tế nhiệt thành. Ở đồng chí, thể hiện rất sâu sắc lòng yêu nước kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản, cách mạng Việt Nam kết hợp với cách mạng thế giới. Đồng chí tìm thấy ở các nước bè bạn một địa bàn hoạt động khi điều kiện trong nước còn khó khăn; một môi trường học tập, rèn luyện thuận lợi; một nơi cùng phối hợp, liên kết, ủng hộ lẫn nhau trong hoạt động cách mạng. Chính nhờ mối liên hệ quốc tế đó mà nhân quan chính trị và tầm hiểu biết của đồng chí rộng rãi và sâu sắc hơn, giúp giải quyết có hiệu quả hơn những nhiệm vụ cách mạng của nước ta đặt ra trong thời kỳ đó. Trong những năm học tập tại Trung Quốc và Liên Xô, đồng chí đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Liên Xô. Sau này, trên cương vị là Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, đồng chí càng có điều kiện để cùng Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng ta gắn kết phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, giúp phong trào cộng sản quốc tế hiểu rõ hơn về cách mạng Việt Nam, về Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bầu nhiệt huyết và trái tim cộng sản

Đồng chí Lê Hồng Phong là một tấm gương hiến dâng

trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân. Từ lúc lớn lên cho đến lúc hy sinh, đồng chí luôn đặt lợi ích của cách mạng lên trên lợi ích của cuộc sống riêng và hạnh phúc gia đình. Bầu nhiệt huyết và trái tim cộng sản của đồng chí luôn luôn dành cho Đảng và nhân dân. Vì Đảng, vì dân, Lê Hồng Phong chấp nhận mọi gian khổ hy sinh, từ biệt gia đình bốn ba đi tìm đường cách mạng. Và cũng vì Đảng, vì dân, Lê Hồng Phong nhiều lần trở về nước để hoạt động, gây dựng phong trào cách mạng, dù biết rằng kẻ thù luôn rình rập, đe dọa tính mạng; và đã hy sinh cả tình riêng, cả bản thân mình. Người đồng chí, người bạn đời yêu dấu của đồng chí - chị Nguyễn Thị Minh Khai - cũng bị địch bắt và kết án tử hình năm 1941. Hai nhà lãnh đạo yêu quý của chúng ta đã hy sinh vì nghĩa lớn, để lại đứa con thơ khi mới hơn 2 tuổi.

Cuộc đời đồng chí Lê Hồng Phong trong như giọt sương mai, đẹp như ánh dương buổi sớm. Tám gương chiến đấu kiên cường và sự hy sinh lẫm liệt của đồng chí Lê Hồng Phong vì độc lập dân tộc và lý tưởng cộng sản sống mãi trong trái tim các thế hệ người Việt Nam chúng ta.

Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí luôn nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên nêu cao ý chí cách mạng, tự giác phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cộng sản, kiên trì học tập nâng cao trình độ mọi mặt, tích cực hoạt động thực tiễn, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp vẻ vang của Đảng, của dân tộc.

Học tập và noi gương đồng chí Lê Hồng Phong và các bậc cách mạng tiền bối khác, chúng ta tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, tích cực đấu tranh chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ quan liêu, tham nhũng và mọi biểu hiện tiêu cực khác; xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân, lãnh đạo toàn dân ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, từng bước xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Nguồn: Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư
Nguyễn Phú Trọng tại lễ mít tinh kỷ niệm 110 năm Ngày sinh
Tổng Bí thư Lê Hồng Phong (6.9.1902 - 6.9.2012)*

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ, tài năng chính trị kiệt xuất của Đảng ta

*Đ*ồng chí Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 9 tháng 7 năm 1912, trong một gia đình nhà Nho nghèo, thuộc dòng tộc Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, tại một vùng quê văn hiến, làng Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Là người thông minh, có chí lớn ngay từ khi còn đi học, đồng chí tham gia hoạt động cách mạng khi mới 16 tuổi, được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng khi 26 tuổi (năm 1938) và bị thực dân Pháp giết hại lúc 29 tuổi (năm 1941). Cuộc đời đồng chí Nguyễn Văn Cừ tuy ngắn ngủi nhưng vô cùng trong sáng và cao đẹp. Những cống hiến to lớn và sự hy sinh oanh liệt của đồng chí đã góp phần làm rạng danh Tổ quốc ta, dân tộc ta; tô thắm thêm lịch sử và truyền thống vẻ vang của Đảng ta. Có thể khái quát một số điểm quan trọng, nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Nguyễn Văn Cừ như sau :

Một, đồng chí Nguyễn Văn Cừ là một tấm gương tiêu biểu về tinh thần tự học tập, rèn luyện và trưởng thành qua thực tiễn cách mạng.

Từ một học sinh đang học trung học (Trường Bưởi), với lòng yêu nước, sự nhạy cảm chính trị và nhiệt huyết cách mạng, đồng chí đã tiếp cận và giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin, sớm trở thành hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Bác Hồ sáng lập.

Thực tiễn và phong trào cách mạng đã tôi luyện người thanh niên yêu nước Nguyễn Văn Cừ trong thời gian đi “vô sản hóa” ở vùng mỏ Vàng Danh, Mạo Khê,... (Quảng Ninh) trở thành người chiến sĩ cộng sản, nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Đồng chí đã nhận thức được khả năng to lớn của giai cấp công nhân Việt Nam, đã giác ngộ, vận động họ đứng lên làm cách mạng.

Với tinh thần vừa làm vừa học, năng động, sáng tạo trong lý luận và thực tiễn, đồng chí tổ chức nhiều cuộc mít tinh, kêu gọi công nhân đấu tranh. Tờ báo *Than* do Nguyễn Văn Cừ trực tiếp chỉ đạo và là người biên tập chính, đã được phát hành rộng rãi trong vùng, có tác dụng rất lớn trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin, cổ vũ và hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Sau hai năm “vô sản hóa”, Nguyễn Văn Cừ đã trở thành một cán bộ lãnh đạo chủ chốt của phong trào công nhân vùng mỏ.

Khi bị địch bắt, bị giam cầm, tra tấn tại nhà tù Côn Đảo, Nguyễn Văn Cừ đã cùng với các đồng chí của mình

“biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng”. Chính tại nơi “địa ngục trần gian” này, Nguyễn Văn Cừ được tiếp cận các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin; được các đồng chí lớn tuổi hơn có nhiều kinh nghiệm và trình độ lý luận giúp đỡ, đồng chí đã nắm bắt được nhiều vấn đề lý luận, tiếp thu được những quan điểm, nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, từ đó nghiền ngẫm, đúc rút các bài học soi rọi cho quá trình hoạt động thực tiễn của mình.

Dù chưa có điều kiện nghiên cứu một cách hệ thống về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhưng Nguyễn Văn Cừ đã sớm có những nhận thức sâu sắc về chủ nghĩa quốc tế vô sản, có nhiều bài viết nhiệt thành ủng hộ cách mạng Trung Quốc, chỉ đạo những cuộc vận động quyên góp tiền ủng hộ các chiến sĩ cách mạng Trung Quốc; viết một số bài báo bày tỏ sự ủng hộ Liên Xô vào Hội Quốc liên,...

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã thể hiện tư chất của một người cộng sản có tầm nhìn xa rộng, có quyết tâm và nghị lực lớn, có khả năng phân tích, khái quát, nhận định chính xác các vấn đề trong nước và quốc tế theo tinh thần phương pháp luận Mác-Lênin, sớm trở thành một tài năng chính trị kiệt xuất của Đảng ta.

Hai, đồng chí Nguyễn Văn Cừ có tư duy lý luận sắc sảo, sáng tạo; nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn được đồng chí giải quyết một cách nhuần nhuyễn, phù hợp với thực tế Việt Nam.

Sáng kiến thành lập Mặt trận Thống nhất dân chủ của

đồng chí Nguyễn Văn Cừ tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 3 năm 1938, chứng tỏ đồng chí nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin, quan điểm chỉ đạo của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, tập trung vào nhiệm vụ xây dựng mặt trận chống phát xít.

Tác phẩm *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương* của đồng chí đã luận giải trúng và có sức thuyết phục những vấn đề lý luận cơ bản, trên cơ sở đó giúp Đảng ta đưa ra những quyết sách chiến lược, sách lược trong thời kỳ Mặt trận dân chủ và giành thắng lợi.

Năm 1939, trước nguy cơ phát xít và Chiến tranh thế giới lần thứ hai, thực dân Pháp trở mặt đàn áp phong trào dân chủ, những phần tử tởrốtkit giả danh cách mạng cũng ra mặt chống phá đảng Cộng sản. Trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã chỉ đạo và tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết, sâu rộng trên mặt trận tư tưởng, lý luận, nhằm chống bọn tởrốtkit và củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng.

Với bút danh Trí Cường, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết tác phẩm *Tự chỉ trích*. Đây là một đóng góp quan trọng về lý luận vào công tác xây dựng Đảng cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Tác phẩm ra đời đã đáp ứng kịp thời yêu cầu của tình hình mới, khi Đảng ta vừa hoạt động bí mật, vừa hoạt động công khai; vừa chống “tả”, vừa chống “hữu” nhằm đi đến sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Tác phẩm thể hiện tư duy sắc sảo của một lãnh tụ già dặn về chính trị; vừa tranh luận, vừa thuyết trình một cách sáng tỏ đường lối,

chính sách của Đảng - những khía cạnh biện chứng giữa cái trước mắt và cái lâu dài, giữa sách lược và chiến lược, đánh tan mọi sự mơ hồ, lẫn lộn lúc bấy giờ.

Ba, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã có những quyết định đúng đắn, quan trọng, góp phần chuyển hướng chiến lược của cách mạng nước ta ở những thời điểm lịch sử.

Đầu tháng 4 năm 1938, nhận thấy tình hình quốc tế đang có những chuyển biến bất lợi cho cách mạng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã đặt vấn đề chuyển hướng chiến lược của Đảng. Trong một loạt bài viết đăng trên báo *Dân chúng*, đồng chí đã phân tích tình hình, vạch rõ nguy cơ chiến tranh phát xít ở châu Á và Đông Dương, kêu gọi nhân dân đấu tranh mạnh mẽ hơn nữa chống chiến tranh phát xít. Chuẩn bị để Đảng rút vào hoạt động bí mật, chủ động ứng phó với tình hình diễn biến mau lẹ, đồng chí đã cho phát hành cuốn *Công tác bí mật của Đảng*, gửi đến đảng bộ các cấp.

Đầu tháng 9 năm 1939, đồng chí triệu tập và chủ trì Hội nghị mở rộng Xứ ủy Bắc Kỳ, phổ biến tình hình và quyết định rút số cán bộ hoạt động công khai vào hoạt động bí mật, phân công một số đồng chí cán bộ Xứ ủy và Thành ủy Hà Nội đi xây dựng căn cứ ở những địa bàn chiến lược, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh vũ trang khi có điều kiện.

Ngày 6 tháng 11 năm 1939, hai tháng sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp tăng cường khủng bố cách mạng nước ta, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành

Trung ương Đảng tại Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định. Hội nghị đã phân tích thấu đáo tính chất cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai; vị trí của Đông Dương trong cuộc chiến tranh; những chính sách của đế quốc Pháp; thái độ của các giai cấp, tầng lớp xã hội, từ đó vạch ra đường lối chính trị của cách mạng trong tình hình mới.

Hội nghị chủ trương tập trung mọi lực lượng vào nhiệm vụ chủ yếu là chống đế quốc và ách thống trị phát xít thuộc địa, xác định giải phóng dân tộc khỏi ách đế quốc là nhiệm vụ cấp bách nhất và là mục tiêu trước mắt của cách mạng Việt Nam; đồng thời quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Phương pháp cách mạng chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và không hợp pháp, chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để tiến tới khởi nghĩa vũ trang.

Quyết định của Hội nghị Trung ương 6 chuyển hướng chiến lược và thay đổi khẩu hiệu cách mạng trước tình hình mới là hết sức sáng suốt, thể hiện sự nhạy bén chính trị, năng lực sáng tạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ.

Hội nghị đã giải quyết đúng mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, dân tộc và giai cấp trong điều kiện cụ thể nhằm tập hợp lực lượng, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, chuẩn bị bước tới cao trào cách mạng, tiến lên giành chính

quyền về tay nhân dân. Do có chủ trương chuyển hướng chiến lược đúng đắn và sự chỉ đạo kịp thời mà phong trào cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển, lực lượng cách mạng tránh được tổn thất khi kẻ thù trở mặt đàn áp, khủng bố.

Đáng tiếc là, giữa lúc phong trào vận động giải phóng dân tộc mới bắt đầu tiến triển thì đầu năm 1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt khác của Đảng bị bắt. Tuy nhiên, những chủ trương và quyết định đúng đắn do Hội nghị Trung ương 6 vạch ra tiếp tục được các Hội nghị Trung ương tiếp theo kế thừa, phát triển, đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

Bốn, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng, cho lý tưởng cao đẹp của Đảng và nhân dân; toàn bộ cuộc đời Đồng chí là một mẫu mực về phẩm chất cao quý của người cộng sản.

Đồng chí là tấm gương sáng về tinh thần học tập, rèn luyện và vươn lên không ngừng. Từ lúc bước chân vào con đường hoạt động cách mạng cho đến lúc hy sinh, bằng niềm tin mãnh liệt và nghị lực phi thường, xác định rõ lẽ sống ở đời và làm người, Nguyễn Văn Cừ đã miệt mài học tập, rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, từng bước trang bị cho mình những hiểu biết về lý luận chính trị, trở thành người lãnh đạo cao nhất của Đảng. Đồng chí không quản ngại gian khổ, hiểm nguy, luôn biết kết hợp giữa thực tiễn sinh động với lý luận khoa học, giải quyết đúng đắn những vấn đề cơ bản mà cách mạng đặt ra, nhất là trong những hoàn cảnh gay go, phức tạp. Trong cao trào vận động dân chủ (1936

- 1939), Đảng ta đã vượt qua biết bao trở lực và khó khăn, tạo nên một cao trào cách mạng sôi nổi, cuốn hút hàng triệu quần chúng tham gia. Thành công đó có cống hiến trí tuệ, sức lực to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Cừ.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ là một tấm gương sáng về sự gần bó máu thịt với nhân dân. Bất kỳ ở đâu, giữa những người công nhân, phu mỏ hay bà con nông dân tận miệt vườn Nam Bộ, khi đi “vô sản hóa”, khi mới chỉ là đảng viên, hay khi đã trở thành Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí luôn hòa mình với quần chúng, học hỏi và tổ chức, động viên quần chúng tham gia cách mạng. Đồng chí luôn giữ nghiêm chế độ sinh hoạt và kỷ luật của Đảng; tìm mọi cách bảo vệ Đảng, bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; dùng tự phê bình và phê bình để làm trong sạch Đảng, bảo đảm cho Đảng thống nhất về tư tưởng, chính trị, tổ chức, bằng uy tín đạo đức, trí tuệ giữ được vai trò tiên phong; cán bộ, đảng viên không ngừng hoàn thiện về nhân cách, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân.

Trong 13 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ nhiều lần bị thực dân Pháp bắt, giam cầm, tra tấn rất dã man, tàn bạo, nhưng đồng chí luôn nêu cao tinh thần kiên trung, bất khuất. Khi bị giải ra pháp trường, trước họng súng kẻ thù, đồng chí vẫn hiên ngang tỏ rõ khí phách của người cộng sản. Những khẩu hiệu cách mạng mà Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và các đồng chí của mình hô vang trước lúc bị giặc Pháp xử bắn vào rạng sáng ngày 28 tháng 8 năm 1941, còn vang vọng mãi đến hôm nay, thúc giục, động viên

chúng ta vươn lên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tấm gương hy sinhล้ม liệt của đồng chí Nguyễn Văn Cừ mãi mãi là niềm tự hào của Đảng Cộng sản và dân tộc Việt Nam!

Học tập tấm gương đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh chính trị và tư duy sáng tạo của đồng chí Nguyễn Văn Cừ, chúng ta nguyện nêu cao ý chí cách mạng, tự giác phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cộng sản, kiên trì học tập, nâng cao nhận thức, trình độ mọi mặt, tích cực hoạt động thực tiễn, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng và nhân dân lên trên hết, trước hết, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp vẻ vang của Đảng, của dân tộc.

Học tập và noi gương đồng chí Nguyễn Văn Cừ, chúng ta đẩy mạnh việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ quan liêu, tham nhũng, bè phái, cục bộ, những thói hư tật xấu; xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, gần bó mật thiết với nhân dân, lãnh đạo toàn dân ra sức thi đua đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Nguồn: Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Nguyễn Văn Cừ.

Hai án tử hình và hai án khổ sai chung thân vào một con người

Khi biết rõ Ngô Gia Tự có bí danh là Ngô Sĩ Quyết, hiện giữ một trọng trách trong Đảng Cộng sản Đông Dương, nay còn ở ngay trong nước và đang hoạt động ở Sài Gòn, thực dân Pháp hết sức sửng sốt. Thì ra từ lâu nay, chúng đã mắc mưu Ngô Gia Tự. Bức thư trước đây chỉ là một đòn chính trị cao nước! Bọn chúng tức điên, liền cho lũ mật thám kéo đến Tam Sơn bắt bớ khủng bố những người trong gia đình anh. Lúc này, anh Tự vẫn đang hoạt động tích cực ở Sài Gòn. Anh rất được tin yêu; không những các đảng viên của Đông Dương cộng sản Đảng, mà hầu hết các đảng viên của An Nam cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn cũng đều tín nhiệm anh.

Sau cuộc hội nghị hợp nhất Đảng họp ngày 3 tháng 2 năm 1930 ở Hương Cảng dưới sự điều khiển của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Các đại biểu An Nam cộng sản đảng ở Nam kỳ đi dự hội nghị hợp nhất Đảng là đồng chí Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu. Hai anh lấy danh nghĩa là đại biểu của Quốc tế Cộng sản, triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở miền Nam. Ở đây, toàn thể hội nghị đã nhất trí bầu anh Ngô Gia Tự làm Bí thư Chấp ủy lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam ở miền Nam. Ở Bắc kỳ, người bạn thân nhất của anh Tự là Trịnh Đình Cửu cũng vừa được bầu vào Ban Chấp ủy lâm thời của Đảng. Hai Ban Chấp ủy lâm thời này có trách nhiệm cử một số đồng chí tiêu biểu để thành lập Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nhưng chưa thành lập được thì một số lớn các đồng chí trong hai ban chấp ủy đã bị bắt. Trong tình hình đó, anh Tự đã tạm thời lãnh trách nhiệm giải quyết những việc chung của Đảng như cương vị của một tổng bí thư. Tuy chưa bắt được anh Tự, nhưng ngày 8 tháng 3 năm 1930, bọn thực dân đã lập ngay phiên tòa ở Bắc Ninh kết án tử hình vắng mặt anh. Được tin ấy, anh Tự mỉm cười bảo với các bạn:

- Được! Chúng nó cứ chờ đấy, xem ai sẽ thực hiện bản án của ai.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào cách mạng càng dâng cao ở khắp nơi. Tháng 2 năm 1930, trong toàn quốc, có bốn cuộc bãi công. Sang tháng Ba, có bảy cuộc. Rồi tháng tư, có mười bốn cuộc. Và đến tháng Chín thì toàn quốc đã phát triển thành cao trào cách mạng, mà đỉnh cao nhất là Xô Viết Nghệ Tĩnh. Riêng ở Nam kỳ, dưới sự chỉ đạo của Chấp ủy lâm thời - mà anh Tự

là Bí thư - cùng với những cuộc bãi công liên tục của công nhân, phong trào biểu tình đấu tranh của nông dân đã nổ ra mãnh liệt.

Nhưng phong trào càng lên cao, địch càng đàn áp, khủng bố điên cuồng hơn. Ở các nơi xảy ra những cuộc biểu tình rầm rộ, chúng đã cho máy bay đến ném bom triệt hạ cả xóm làng. Có nơi chúng cho lính lê dương kéo đến bắn xả vào cả đám quần chúng. Nhiều cán bộ đảng viên đã bị chết hoặc sa vào tay địch.

Cuối năm 1930, anh Tự bị bắt ở Sài Gòn trong lúc phong trào đấu tranh đang dâng cao, đang cần những người cán bộ chỉ huy vững vàng tài trí.

* * *

Bốn tiếng đồng hồ liền, thằng Mác-ty, tên đao phủ khét tiếng của sở mật thám Sài Gòn đã đánh anh trận phủ đầu. Anh đã chết đi sống lại nhiều lần. Máu mồm máu mũi ộc ra, đọng thành vũng nhỏ giữa phòng tra tấn. Vẫn không khai thác được gì, chúng đành thua cuộc, kéo lê anh ném vào xà lim.

Hai hôm sau, thằng chánh mật thám Ác-nu ở Hà Nội thân chinh đáp tàu hỏa vào Sài Gòn để dụ dỗ anh. Hắn cho tay sai vào xà lim mời anh lên nói chuyện.

Bước đi còn loạng choạng, anh Tự vừa bước vào phòng, thằng Ác-nu đã đứng lên niềm nở mời anh ngồi. Hắn nhìn anh hơi lâu, tỏ vẻ rất ái ngại, luôn luôn xuýt xoa:

- Khốn nạn quá! Tôi vào hơi chậm, nên không kịp ngăn... Chúng nó đã đánh tàn nhẫn một người trí thức.

Hắn bảo tên tay sai đưa thuốc lá và sữa ra mời anh. Một lúc, hắn kéo ghế ngồi lại gần, bảo anh, vể thân mật:

- Ông Quyết ạ... Các đồng chí của ông đã khai cả rồi. vậy ông nhận đi có tốt hơn không? - Hắn đẩy nhẹ bao thuốc lá và cốc sữa lại.

Anh Tự thản nhiên không nhìn đến các vật ấy, lạnh lùng:

- Họ khai là việc của họ. Tôi không thể nhận được. Tôi chả dính dáng gì với họ cả...

- Thì ông chỉ nhận những điều chúng nó đã khai thôi mà. Chúng tôi không đòi hỏi ông phải khai thêm gì nữa. Chỉ cần “ừ” một tiếng là ông được tự do. Còn như, nếu ông biết điều, muốn khai thêm thì chúng tôi sẽ trọng dụng. Ông ừ đi!

Nghe những lời hắn dụ dỗ, máu anh Tự như sôi lên. Nhưng hình như mỗi lúc càng căm thù kẻ địch thì anh càng trở nên bình tĩnh và có một sức chịu đựng kiên nhẫn. Anh thấy cần phải tỉnh táo, không để cho chúng khiêu khích được là mình thắng cuộc.

Vẫn một thái độ lạnh lùng, anh nói rõ từng chữ:

- Tôi không thể nhận được. Tôi không biết bọn họ...

Thằng Ác-nu bắt đầu hiểu anh không phải tay vừa, liền

chuyển sang thủ đoạn khác. Hắn nói một câu nghe ra hơi lạc vấn đề:

- Ông là người trí thức, tại sao ông lại theo Cộng sản?

Anh Tự hơi mỉm cười, trả lời thản nhiên:

- Ai cấm người trí thức không nhận được rằng chủ nghĩa Cộng sản là tốt?

Nó cướp lời ngay:

- Thế là ông đã nhận ông là Cộng sản... Rất tốt!

- Ấy! Từ trước, tôi đã nói với ông rồi. Tôi yêu chủ nghĩa cộng sản cũng như những người trí thức bên nước ông đã từng yêu chủ nghĩa ấy thôi!

Thằng chánh mật thám bỏ bao nhiêu công phu từ Hà Nội vào, giờ đây bắt đầu im lặng. Thực ra, hắn đã cứng họng và không biết hỏi gì khác nữa. Hắn quát bọn tay sai tổng trả anh lại xà lim. Trước khi trở ra Hà Nội, hắn ra lệnh cho bọn đao phủ ở hai bột Bô-lô và Ca-ti-na phải dùng cực hình để bắt anh khai bằng được.

Những ngày sau, bọn quỷ khát máu khét tiếng ở hai nhà giam trên, như những thằng Mác-ty, Na-đo, Mác-tanh, Căm-ba-na... đã dùng đủ mọi thứ cực hình chuyên nghiệp của chúng để tra tấn anh. Đó là các món thâm độc nhất trong các nhà tù chính trị của bè lũ thực dân: lộn mề gà, đánh thốc vào lòng bàn chân, đâm kim vào đầu các ngón tay, treo ngược người lên xà lim, dìm người vào bể nước, quây điện, tẩm dầu xăng đốt vào đầu ngón tay ngón chân...

Anh Tự lại nhiều phen chết đi sống lại. Nhưng thật là vô ích: anh vẫn giữ được thái độ bất khuất, cương quyết không nhận một việc nào.

Điều chúng nó khiếp sợ nhất về “người tù chính trị” này là thái độ bình tĩnh. Những lúc chết giấc thì thôi, còn khi tỉnh lại, mở mắt ra, anh vẫn nhìn thẳng vào mặt kẻ thù, mỉm cười khinh bỉ. Mỗi lần bị tra tấn xong, được dìu về khám, anh vẫn vui vẻ, vừa thở vừa nói, động viên anh em:

- Chúng mình phải cố... chịu đựng! Phải hy sinh tất cả cho Đảng! Sinh mệnh của Đảng... còn hơn cả sinh mệnh của mình.

* * *

Sau hơn hai năm giải đi hầu hết các khám Sài Gòn, ngày 2 tháng 5 năm 1933, chúng đưa anh ra xử tại phiên “tòa đại hình đặc biệt” cùng với nhiều đồng chí đã bị bắt trước đây. Chúng gọi đây là “vụ án Đảng Cộng sản Đông Dương”. Vụ này gồm tất cả 120 chiến sĩ cộng sản: từ trung ương, xứ ủy, tỉnh ủy, đến huyện ủy...

Ra tòa, anh Tự đã gặp lại nhiều đồng chí rất thân của mình trước đây. Tuy vậy, anh Tự thấy rất đau xót. Phong trào đã bị tổn thất khá nặng. Những cán bộ đảng viên ưu tú của Đảng sa vào tay giặc nhiều quá.

Nhưng nhìn những đôi mắt sáng, bất khuất, những khuôn mặt hiên ngang của bao nhiêu người bạn chiến đấu trong phòng đợi của phiên tòa, anh lại vô cùng tin tưởng. Chỉ nhìn mặt nhau thôi đã rất hiểu nhau. Chào mừng, tin

tưởng, hứa hẹn, động viên... đều ở trong từng đôi mắt sáng yêu đời ấy. Qua những cái nhìn, họ ngầm nói với nhau một ý chí:

- “Chúng ta phải biến phiên tòa này thành một tòa án đặc biệt; những chiến sĩ Cộng sản chúng ta sẽ lên án chế độ thối nát của bè lũ thực dân cướp nước!”.

Lần này, Quốc tế Cứu tế đỏ và Đảng Cộng sản Pháp đã cử luật sư Căng-xen-lơ-ry sang cãi, bênh vực cho các chiến sĩ Cộng sản Đông Dương. Ông là một thầy kiện tiến bộ, một người cảm tình của Đảng Cộng sản Pháp. Sau khi thấy ở những người Cộng sản Việt Nam có một thái độ hiên ngang bất khuất đối với kẻ thù giai cấp, ông càng mến phục họ thêm. Trước đây Căng-xen-tơ-ry đã để rất nhiều thì giờ nghiên cứu những lời buộc tội của bọn quan tòa.

Ra trước tòa án, ông đưa tất cả tài hùng biện ra bào chữa cho những hành động cách mạng của các chiến sĩ Cộng sản. Ông nhấn mạnh.

- Có gì đâu! Sở dĩ có những hoạt động cách mạng của những người Cộng sản yêu nước như chúng ta đã thấy, đó cũng chỉ là kết quả tất yếu của cái chính sách cai trị vô nhân đạo của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương từ trước đến nay thôi.

Hôm ấy, thực dân Pháp cũng dẫn cả Ngô Đức Trì đến làm chứng cho chúng nó. Trì trước đây cũng đã hoạt động cùng với anh em. Khi bị bắt, lúc đầu hẳn cố gắng chịu đòn nhưng cuối cùng thì không chịu nổi, đã bật khai ra hết.

Chính vì hãn khai mà anh Trần Phú đã bị bắt. Hôm nay đến đây, Trì cứ cúi đầu ngồi yên lặng. Hãn chẳng dám nhìn vào mặt ai, mặt tái đi vì xấu hổ và sợ hãi...

Bọn quan tòa đang kết tội những chiến sĩ Cộng sản là những kẻ làm loạn, anh Tự liền đứng vụt lên, mặc những cái lắc chuông không cho anh cãi:

- Không đúng! Đế quốc Pháp đã đến xâm lược nước Việt Nam chúng tôi. Họ đã thiết lập nên một chế độ áp bức bóc lột các tầng lớp nhân dân lao động hết sức tàn bạo! Chính điều đó đã thúc đẩy chúng tôi đứng lên làm cách mạng để đem lại tự do, độc lập cho Tổ quốc chúng tôi!

Bọn quan tòa rung mạnh chuông ngắt lời anh nói. Nhưng liền đó, anh Lê Văn Lương đã đứng dậy:

- Các ông muốn chặt đầu người ta mà lại cho người ta chỉ được trả lời: “ủy” hay “nông” thì còn là cái quái gì?*

Bọn quan tòa rung chuông già, ra lệnh cho lính sen đâm xích tay anh Tự và anh Lương lại. Không bỏ lỡ dịp, anh Phạm Hùng lại lớn tiếng:

- Luật pháp các ông cũng kỳ thật! Chúng tôi có mỗi cái đầu thì đã bị án chém... Nay các ông lại muốn chém lần nữa thì còn đầu đầu mà chém?

Bọn lính sen đâm sấn sổ chạy đến xích tay anh Hùng. Trong lúc ấy, anh Tự lại thét lên:

* Tức oui (có), non (không) tiếng Pháp

- Các ông vu khống cho Đảng chúng tôi. Vậy trước hết, phải để chúng tôi bào chữa cho Đảng chúng tôi đã. Riêng phần tôi, tôi sẽ trả lời sau...

Cứ lần lượt hết người này đến người khác, các anh đã lớn tiếng vạch trần tội ác của bè lũ đế quốc và phong kiến, biến tòa án của chúng thành tòa án của những người cộng sản kết án chính sách cai trị của bọn xâm lược trước mặt đông đảo quần chúng nhân dân.

Khi thấy các anh đều không nhận một điều buộc tội nào, bọn quan tòa vội đưa Tri ra “làm chứng”.

Luật sư Căng-xen-lơ-ry liền chỉ ngay vào mặt Tri, quát lại ngay:

- Sao tòa lại đi nghe lời một thằng phản phúc?

Tri run lên, mặt càng tái xám, cúi gằm xuống. Cùng lúc, những tiếng xì xào chửi mắng của quần chúng đập thêm vào mặt Tri.

Một thầy kiện khác do địch bố trí, đứng lên “cãi hộ”:

- Xin tòa hãy xét lại cho. Những thân chủ của tôi còn quá trẻ, vì suy nghĩ chưa chín...

Một đồng chí của ta đứng lên ngay:

- Không! Cãi thế không đúng! Chúng tôi không nhận... Chúng tôi còn trẻ thật, nhưng chúng tôi có suy nghĩ chín chắn trong những việc mình làm. Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, làm công việc ấy ai dám bảo là suy nghĩ chưa chín?

Bọn quan tòa rút vào phòng trong để nghị án. Quần chúng chờ đợi, bàn tán xôn xao. Họ lo ngại cho những chiến sĩ Cộng sản khó thoát khỏi những án nặng. Trái lại, anh Tự và các bạn anh vẫn vui vẻ, nhìn nhau mỉm cười tin tưởng.

Những tên quan tòa lại bệ vệ bước ra. Chúng ra lệnh cho cảnh sát dọn tất cả bàn ghế trong phòng lại, bắt những chiến sĩ cộng sản khoanh tay, ngồi sát vào nhau. Sau đó chúng trình trọng tuyên án... Trong số những anh em bị kết án nặng, có tất cả 11 người bị án tử hình, trong đó có: Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Lê Quang Sung... Chung quanh liền nổi lên những tiếng xôn xao tỏ ý căm uất, xen lẫn những tiếng nức nở của nhiều chị em. Người ta lấy làm lạ khi nhìn đến nét mặt những chiến sĩ cộng sản kia: họ vẫn bình thản chẳng có vẻ gì là sợ hãi.

Ngay đó, tất cả các anh cùng vùng lên thét dậy cả phiên tòa:

- *Đả đảo đế quốc Pháp!*
- *Đả đảo đế quốc Pháp!*
- *Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!*
- *Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!*

Nguyên: “Chuyện kể về Ngô Gia Tự”,
Lê Quốc Sử, NXb Kim Đồng, năm 2011.

Nguyễn Thị Minh Khai - Người nữ Bí thư Thành ủy Sài Gòn

Nguyễn Thị Minh Khai tên thật là Nguyễn Thị Vịnh, sinh ngày 1 tháng 11 năm 1910, tại Vinh - Nghệ An. Chị theo học quốc ngữ từ nhỏ. Sau khi học hết lớp nhì chị chuyển sang học lớp nhất trường Cao Xuân Dục. Được học với thầy giáo Trần Phú (người sau nay là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương), chứng kiến cảnh lâm than của quê hương và được chính thầy giáo Phú giác ngộ, năm 16 tuổi Vịnh đã dấn thân vào con đường cách mạng. Năm 1927, chị đã tham gia Đảng Tân Việt, từ đây Vịnh lấy bí danh mới là Minh Khai. Trong thời gian này, chị tích cực tham gia các phong trào đấu tranh tại quê hương, vận động phụ nữ tham gia bãi khóa, biểu tình đòi ân xá cho cụ Phan Bội Châu, truy điệu cụ Phan Chu Trinh.

Đầu năm 1929, được sự đồng ý của tổ chức, chị Minh Khai bí mật thoát ly gia đình đi hoạt động cách mạng. Sau

khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, chị được kết nạp vào Đảng và được phân công phụ trách công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ, huấn luyện đảng viên ở khu vực Trường Thi, Bến Thủy và tổ chức Hội Phụ nữ Giải phóng. Chị tổ chức được nhiều lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cho Đảng là lực lượng nòng cốt trong cao trào Xô viết - Nghệ Tĩnh. Cuối năm 1930, chị được tổ chức cử sang Hương Cảng (Trung Quốc), công tác ở Văn phòng Đông phương Bộ của Quốc tế Cộng sản. Được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Lý Thụy) trực tiếp giáo dục về lý luận chính trị, kinh nghiệm hoạt động cách mạng, nhờ vậy chị tiến bộ rất nhanh. Sau đó, chị được giao nhiệm vụ liên lạc với các tổ chức cách mạng Việt Nam ở trong nước. Vừa công tác, chị vừa tranh thủ học thành thạo tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Trung Quốc.

Năm 1931-1934, chị bị bọn mật thám Anh ở Hương Cảng bắt giam rồi chuyển giao cho chính quyền Quảng Châu cầm tù. Dù bị tra tấn tàn bạo nhưng chị trước sau vẫn kiên trung với cách mạng. Sau đó, nhờ sự vận động của Quốc tế Cộng sản chị được trả tự do. Ra tù, chị được cử đến Thượng Hải, công tác ở Ban lãnh đạo Đảng ở nước ngoài và được đi học tại Đại học Phương Đông. Cuối năm 1934, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Hồng Phong và Hoàng Văn Non là đại biểu chính thức được cử đi dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ 7 tại Mátxcơva. Chị lấy bí danh là Phan Lan. Ngày 16 tháng 8 năm 1935, lần đầu tiên trên diễn đàn của một đại hội quốc tế, người phụ nữ Việt Nam 24 tuổi dũng dạc đọc bài tham luận về vai trò của phụ nữ Đông Dương trong cuộc đấu tranh

chống chiến tranh đế quốc và bảo vệ hòa bình. Sau Đại hội, chị tiếp tục học tại Trường Đại học Phương Đông. Những tháng năm này chị đã yêu và kết hôn với anh Lê Hồng Phong - một chiến sĩ cách mạng.

Đầu năm 1936, Lê Hồng Phong được phái về nước hoạt động, còn Minh Khai ở lại học tiếp một năm nữa. Sau khi tốt nghiệp đại học, chị nhận nhiệm vụ về hoạt động tại Thượng Hải (Trung Quốc) và được tổ chức phân công về công tác tại Sài Gòn (1937). Về nước, chị được bầu vào Xứ ủy Nam Kỳ, phụ trách Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, lúc đó chị 29 tuổi. Nhận nhiệm vụ mới, hoạt động trong điều kiện bí mật hết sức khó khăn nhưng chị cùng các đồng chí vẫn bám sát cơ sở, lãnh đạo phong trào phát triển mạnh mẽ. Trong khi chị đang hoạt động sôi nổi thì nhận được tin anh Lê Hồng Phong bị bắt. Mặc dù rất thương chồng nhưng để đảm bảo bí mật chị không thể vào thăm anh được mà chỉ nhờ người đem quà vào cho anh. Lúc này chị đang mang thai. Mùa xuân 1939, chị sinh cháu gái đầu lòng, đặt tên cháu là Hồng Minh, chỉ kịp ở với con một tháng, chị gửi con lại cho cơ sở cách mạng nuôi rồi lại tiếp tục đi hoạt động.

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra. Xứ ủy Nam Kỳ nhận định tình hình và chủ trương khởi nghĩa. Bọn mật thám Pháp phát hiện được, ra sức khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng. Hầu hết các cán bộ chủ chốt của Đảng tại Nam Kỳ đều sa vào tay giặc như: Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến...

Chị Minh Khai cũng bị bọn Pháp bắt. Chúng đưa chị về Khám Lớn Sài Gòn và tra tấn hết sức dã man. Trong tù chị tiếp tục vận động chị em phụ nữ đấu tranh. Sau những trận đòn tra tấn, chị đã dùng máu viết lên tường xà lim những câu thơ nêu cao phẩm chất, khí tiết của người chiến sĩ cộng sản: *Dù đánh, dù treo, càng cương quyết; dù kềm, dù kẹp chẳng sai lời; Hy sinh phấn đấu vì nhiệm vụ; triệt để thực hành chết mới thôi...*

Khi giác Pháp biết chị là vợ Lê Hồng Phong, chúng đưa anh về giam chung nhưng cả hai chiến sĩ cách mạng mặc dù đã lâu không gặp nhau vẫn cố nén tình cảm riêng tư để đối phó với âm mưu thâm độc của kẻ thù. Đã có lần chúng đưa anh vào cho chị nhận mặt nhưng chị đã trả lời với chúng: Tôi không biết người này.

Tuy bị giam hãm trong nhà tù nhưng Nguyễn Thị Minh Khai với cương vị là Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, là Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ nên chị vẫn tìm mọi cách để liên lạc với bên ngoài, tiếp tục lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Ngày 23 tháng 11 năm 1940 cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ bùng nổ.

Trước lúc hy sinh chị còn kịp làm ba việc: Một là gửi lời vĩnh biệt tới người chồng thương yêu đang bị đày ngoài Côn Đảo; hai là gửi lời cảm ơn đến những người đồng chí đang nuôi nấng Hồng Minh; ba là tước vải quần áo nhà tù, đan một chiếc áo gối gửi về tặng mẹ gọi là một chút lòng hiếu thảo đối với mẹ của người con không làm tròn bốn phận chăm sóc mẹ lúc mẹ già yếu.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị khủng bố, tòa án thực dân đã kết án tử hình chị. Không khuất phục được người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi, sáng ngày 28 tháng 8 năm 1941, chị Nguyễn Thị Minh Khai cùng một số đồng chí bị giặc đem xử bắn ở Hóc Môn. Chị ngã xuống khi mới 31 tuổi. Trước khi ra pháp trường chị đã nhắn nhủ cùng đồng bào, đồng chí:

Vững chí bền gan ai hỡi ai

Kiên tâm giữ dạ mới anh tài

Thời cuộc đẩy đưa người chiến sĩ

Con đường cách mạng vẫn chông gai.

Cuộc đời phấn đấu không biết mệt mỏi cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ, tấm gương hy sinh anh dũng của chị Minh Khai và các chiến sĩ cách mạng luôn sáng ngời để cho phụ nữ ta học tập. Tên tuổi và sự nghiệp cách mạng cao quý của chị được khắc ghi cho muôn đời con cháu mai sau với những đường phố mang tên chị, trường học mang tên chị và cả những học bổng mang tên chị để giúp đỡ cho những học sinh nghèo, học giỏi vượt khó.

Tên tuổi của Nguyễn Thị Minh Khai sẽ sống mãi cùng dân tộc Việt Nam.

*Nguồn: Dương Thủy - Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam,
hoilhpn.org.vn, ngày 08/11/2010.*

Phần III

**GÖÔNG SANG ÑANG VIEN
HOC TAP VA LAM THEO
TAM GÖÔNG ÑAO ÑÖC HO CHÍ MINH**

Người thầy gieo hạt niềm tin

Ngay từ những năm đầu triển khai Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, thầy Trần Huy Phúc, giáo viên Khối 5, Chủ tịch Công đoàn, đảng viên chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Bình, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, đã rất tâm đắc với những lời dạy của Người về đạo đức làm người, đạo đức cách mạng, đạo đức nhà giáo bởi vì chính Người là một nhà giáo xuất chúng trong đào tạo thế hệ cách mạng cho đời sau. Từ đó, thầy Phúc quyết tâm học tập và làm theo Bác bằng cách không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức và năng lực sư phạm, thực hiện tốt chủ đề các năm học, các cuộc vận động của ngành giáo dục.

Trong giảng dạy, thầy Phúc luôn thực hiện nghiêm quy định về giờ giấc, không lên lớp muộn dù chỉ vài phút với tâm niệm rằng mỗi phút mất đi là một lượng kiến thức mất theo. Kể cả những lần họp phụ huynh học sinh, thầy cũng luôn có mặt sớm để tránh làm lãng phí thời gian của cha mẹ

học sinh. Do đó, hầu như các phiên họp của lớp thầy Phúc, phụ huynh đều đến họp đông đủ và đúng giờ. Khi dạy, thầy Phúc luôn chọn lọc kiến thức cơ bản, lựa chọn phương pháp dễ hiểu, nhớ lâu để truyền thụ cho học sinh. Thầy luôn phát huy sáng kiến, cải tiến phương pháp giảng dạy để đem lại hiệu quả thiết thực nhằm nâng cao chất lượng học tập. Các đề tài sáng kiến kinh nghiệm của thầy Phúc đã được vận dụng mang lại hiệu quả cao, được Hội đồng sáng kiến nhà trường và Phòng Giáo dục Nhà Bè xếp loại A, được triển khai thực hiện nhân rộng. Trong đó, đáng kể là “Biện pháp giúp đỡ học sinh yếu”, “Biện pháp giúp đỡ học sinh tiếp thu chậm” đã giúp học sinh trung bình, chậm tiếp thu tiến bộ nhiều mặt, linh hoạt, tự tin, mạnh dạn và đạt được kiến thức cơ bản để tiếp tục theo học các lớp cao hơn. Tỷ lệ học sinh trung bình giảm dần, học sinh khá, giỏi theo từng học kỳ tăng lên.

Thầy Phúc đã mạnh dạn đổi mới phương pháp để giúp học sinh tự khám phá và tiếp nhận tri thức. Theo thầy, với khả năng tiếp thu của học sinh hiện nay, giáo viên chỉ là người dẫn dắt để trò nghe, suy nghĩ, tự tìm tòi một cách độc lập, sau đó trao đổi ý kiến cùng các bạn và cuối cùng người thầy mới bổ sung, sửa chữa rồi chốt kiến thức. Trong quá trình học tập, cách dạy mới này kích thích được tư duy độc lập của học sinh để các em năng động, sáng tạo hơn, có năng lực giải quyết những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Thầy nhận thấy rằng, phát huy tính tích cực của học sinh mới có thể phát huy được tính độc lập, sáng tạo, hình thành cho các

em thói quen tự học, tự bổ sung kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với bạn học.

Mặt khác, sự động viên của người giáo viên và sự quan tâm của gia đình cũng góp phần không nhỏ cho quá trình tự rèn luyện tích cực, chủ động, sáng tạo của các em. Thầy Phúc thực hiện tốt mối liên hệ kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục học sinh. Sự gặp gỡ, trao đổi của thầy với phụ huynh cũng là một yếu tố quan trọng góp phần không nhỏ đến kết quả học tập của các em. Với các biện pháp trên, học sinh lớp thầy Phúc trong giờ học khá tập trung, việc học bài và chuẩn bị bài ở nhà đầy đủ, kết quả học tập ngày một nâng cao. Thầy cũng luôn quan tâm đến các em học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn, thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các em để giúp đỡ, động viên kịp thời.

Ngoài ra, thầy Phúc luôn phối hợp tốt với chính quyền cũng như các đoàn thể trong nhà trường để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bản thân thầy Phúc luôn gương mẫu trong thực hành tự phê bình, phê bình và trong học tập nâng cao trình độ. Thầy Phúc luôn đề cao tinh thần đoàn kết, quan hệ tốt với mọi người, chân tình chia sẻ và sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, vững vàng hơn về chuyên môn. Thầy đã giúp đỡ ba giáo viên của trường trở thành giáo viên giỏi.

Hàng tháng, thầy Phúc tự vạch kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng học sinh. Với những giờ học trên lớp, thầy tạo mọi

điều kiện để các em giỏi giải những bài khó theo các cách khác nhau; khuyến khích các em bày tỏ ý kiến hoặc đưa ra những thắc mắc để cùng nhau giải đáp; lấy thi đua làm đòn bẩy và tổ chức nhiều hình thức học tập phong phú để kích thích tinh thần tự giác và hứng thú tham gia học tập của học sinh nhằm đạt được kết quả cao. Trong thực hiện nhiệm vụ được giao, thầy luôn nỗ lực, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kết quả chất lượng giảng dạy năm sau cao hơn năm trước. Từ năm học 2007 – 2008 đến nay, năm nào thầy cũng có học sinh giỏi cấp huyện, tỉ lệ học sinh khá giỏi của lớp thầy phụ trách nhiều năm đạt 100%.

Với vai trò là Chủ tịch Công đoàn nhà trường, thầy Phúc luôn sâu sát với công đoàn viên nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, mạnh dạn bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động; đồng thời tuyên truyền, vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động cùng chia sẻ khó khăn của trường. Cùng Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở thực hiện theo Điều lệ Công đoàn, xây dựng quy chế hoạt động, thực hiện mục tiêu và 4 chương trình của tổ chức Công đoàn Ngành giáo dục và những nhiệm vụ chính trị do Công đoàn Giáo dục huyện trực tiếp chỉ đạo. Công đoàn đã tổ chức vận động cán bộ - giáo viên - nhân viên tích cực thi đua “Hai tốt”, đẩy mạnh phong trào “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”, thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động quần chúng mang tính xã hội rộng lớn. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và

tin thần cho tất cả công đoàn viên một cách kịp thời. Làm tốt công tác giới thiệu Công đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp. Liên tục bốn năm qua, Công đoàn Trường Tiểu học Nguyễn Bình đều được nhận Bằng khen và Cờ thi đua của Liên đoàn Lao động thành phố.

Năm 2001, ở tuổi 25, thầy Trần Huy Phúc được vinh dự đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Việt Nam. Thầy là một trong những tấm gương tiêu biểu nhất của trường về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh các năm qua, được Thành ủy biểu dương là cá nhân điển hình của thành phố nhân dịp 19 tháng 5 năm 2012. Đã 13 năm liên tục thầy đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, hai lần được công nhận là Chiến sĩ thi đua cấp thành phố, đạt giải Nhất Hội thi Giáo viên giỏi giải Viên phấn Vàng cấp huyện, đạt Giải thưởng Võ Trường Toản, nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Riêng năm học 2011 - 2012, thầy vinh dự nhận Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được tham dự và đạt giải Nhất trong hội thi Giáo viên giỏi cấp thành phố, được chọn dự thi Giáo viên giỏi toàn quốc và được đề nghị xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú...

PHẠM NGỌC HỘI

*Giải Nhì Cuộc thi viết “Gương sáng đảng viên học tập và
làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”
do Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng tổ chức.*

“Chim sơn ca” Quỳnh Liên: Không có gì tốt đẹp bằng phục vụ lợi ích của nhân dân

Ngày còn bé, tiếng hát của Quỳnh Liên được ví như tiếng hót của chim sơn ca. Từ khi còn học ở trường đến khi trưởng thành tham gia đoàn Ca múa nhạc Công an nhân dân vũ trang Trung ương (tiền thân của đoàn Nghệ thuật Bộ đội Biên phòng) và đến nay, tiếng hát của Nghệ sĩ ưu tú Quỳnh Liên vẫn tràn đầy nội lực, lay động lòng người.

Sinh ra ở đất cảng Hải Phòng, sau những trận bom ác liệt của Mỹ ném phá miền Bắc, Quỳnh Liên theo chân các cô chú dân công đi hát ở những chiến trường, ngay giữa những “chảo bom” ác liệt, thế nhưng cô bé Liên ngày ấy cứ say sưa hát. Những bài hát về Bác Hồ, về Đảng, về quê hương đất nước đã được Quỳnh Liên thể hiện đầy cảm xúc. Từ đó, tên tuổi của Quỳnh Liên gắn liền với các ca khúc hát về Đảng, về cách mạng và Bác Hồ kính yêu.

Là sĩ quan bộ đội biên phòng, 25 tuổi, Quỳnh Liên vinh dự được kết nạp Đảng. “Tôi vẫn còn nhớ như in cảm xúc ngày đứng dưới lá cờ Đảng dù đã hơn 25 năm trôi qua. Điều đó quá lớn lao đối với tôi. Nhìn tấm gương của các cô, chú đi trước, mẫu mực, chân thành, hết lòng vì công việc, tôi thực sự ngưỡng mộ và tự nhủ mình phải phấn đấu, noi theo” - Quỳnh Liên tâm sự. Chị bắt đầu hành trình đem lời ca tiếng hát của mình đi phục vụ cho chiến sĩ ở biên giới, hải đảo xa xôi, những đồng bào nghèo vùng sâu vùng xa, những khu công nhân xa nhà, trại dưỡng lão, trẻ khuyết tật ... Chính những chuyến đi đó đã giúp chị cảm nhận cuộc đời, những số phận éo le, khắc nghiệt và có thêm những trải nghiệm cuộc sống. “Nhìn cảnh mọi người đi xe bò, chống gậy đến xem hát, tôi không cầm được nước mắt và hiểu được việc làm của mình mang ý nghĩa lớn lao. Trong một lần đi thăm căn cứ cách mạng ở Lộc Ninh, tôi đã tận mắt chứng kiến bếp “Hoàng Cầm” được các chiến sĩ ta sử dụng trong chiến tranh khi nấu không bị khói bay lên, tránh sự phát hiện của kẻ thù. Nhờ vậy mỗi khi hát bài *Nổi lửa lên em* (Huy Du), “hơi bếp Hoàng Cầm ta sưởi ấm khắp nơi nơi...”, tôi cảm nhận được ngọn lửa đang bập bùng trước mặt, hình ảnh người chiến sĩ trong rừng đối mặt với bao gian nan, nguy hiểm lại hiện lên, tôi cảm thấy mình hát hay hơn, giàu cảm xúc hơn - Quỳnh Liên chia sẻ.

Cứ thế, người nghệ sĩ - đảng viên tràn đầy nhiệt huyết ấy có mặt khắp các trận tuyến, những nơi xa xôi hẻo lánh, hát những bài hát về Đảng, về Bác bằng tất cả cảm xúc chân

thành. Chị nuôi dưỡng cảm xúc qua những tài liệu tự tìm tòi, nghiên cứu, phim ảnh về cuộc đời hoạt động của Bác. “Tôi hát hàng ngàn lần các bài hát về Bác mà lần nào cũng vẫn xúc động. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác là tấm gương mẫu mực về gần dân, học dân, kính trọng phục vụ nhân dân. Học Bác, tôi càng thấm thía không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ lợi ích của nhân dân”, Quỳnh Liên cho biết. Năm 2008, tại hội thảo khoa học về Bác do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, khi Quỳnh Liên cất lời bài hát *Người là niềm tin tất thắng*, nhiều người trong hội trường đã bật khóc, chị cũng nghẹn ngào trong tiếng hát của mình.

Vị giám đốc của Tập đoàn Happy Dream người Hàn Quốc vẫn nhớ mãi câu chuyện về Nghệ sĩ ưu tú Quỳnh Liên, về tình cảm của người nghệ sĩ khi được ông mời hát tại đại hội các công ty thành viên của tập đoàn tại Việt Nam. “Khi liên lạc mời Quỳnh Liên hát và hỏi về thù lao, cô không nhận mà kêu gọi ủng hộ kinh phí để xây nhà tình thương giúp cho người nghèo”, đại diện của công ty cho biết. Kết quả ngoài mong đợi: Tập đoàn đã tặng cho Câu lạc bộ Nữ nghệ sĩ thành phố Hồ Chí Minh - nơi Quỳnh Liên làm Phó Chủ tịch, hai căn nhà tình thương. Đáng quý hơn, từ đó đến nay, Tập đoàn Happy Dream đã trở thành “người bạn đồng hành” với các hoạt động từ thiện của Câu lạc bộ.

Mới đây, chị cùng các nữ nghệ sĩ đến Trung tâm bảo trợ người bại liệt tại phường Thanh Xuân (quận 12) để tổ

chức một bữa tiệc văn nghệ “hoành tráng” mà theo các cụ ông, cụ bà ở đây “lâu lắm mới được nhìn thấy các nghệ sĩ nổi tiếng bằng da, bằng thịt, được nghe họ hát và được lên sân khấu hát chung với các nghệ sĩ, giống như chiêm bao vậy”. Đúng giờ, đúng hẹn, làm việc bằng tất cả cái tâm là điều nhận thấy ở những thành viên của Câu lạc bộ này. Không chỉ đem tài năng, công sức của mình đi diễn phục vụ, các chị còn tự nguyện gom góp tiền, mua đồ dùng cần thiết để tặng những hoàn cảnh đáng thương. Cùng với các nữ nghệ sĩ trong Câu lạc bộ, Quỳnh Liên lăn xả vào công việc, từ vác hàng, quà cho các cụ, đến người dẫn chương trình kiêm ca sĩ, công việc nào đem đến niềm vui cho các cụ là chị lao vào làm, không nề hà, câu nệ. Nghệ sĩ ưu tú Kim Xuân cho biết: “Tôi tham gia vào Câu lạc bộ Nữ nghệ sĩ từ ý thức của một người làm nghệ thuật phải có trách nhiệm với cộng đồng và một phần vì “ngọn lửa” từ Quỳnh Liên cháy sáng. Chính Quỳnh Liên đã đốt và truyền thêm ngọn lửa nhiệt tình cho chúng tôi. Chúng tôi phải có nghĩa vụ tiếp sức cùng các chị trong những hoạt động mang đậm tính nghĩa tình này”.

Thâm lặng nhưng đầy trách nhiệm, hơn 10 năm thành lập, Câu lạc bộ Nữ nghệ sĩ do Nghệ sĩ ưu tú Ca Lê Hồng và Nghệ sĩ ưu tú Quỳnh Liên “cầm trịch” đã tổ chức trao tặng quà cho các chị em phụ nữ khó khăn ở khắp mọi miền đất nước với giá trị hàng tỷ đồng, trao tặng 12 căn nhà tình thương cho phụ nữ nghèo, tổ chức thăm, tặng quà cho chiến sĩ bộ đội Trường Sa, các trung tâm cai nghiện, trại nuôi dưỡng nghệ sĩ già, neo đơn, tàn tật.

Hơn 30 năm, Quỳnh Liên vẫn gắn liền với những ca khúc truyền thống cách mạng mang âm hưởng dân ca ... Giờ đây, bước sang ngũ tuần, Quỳnh Liên vẫn sôi nổi và nhiệt tình, “nơi nào cần, tôi sẽ đến”, chị khẳng định.

Nghệ sĩ ưu tú Quỳnh Liên là Ủy viên Ban Chấp hành Hội âm nhạc thành phố, Trưởng ban thanh nhạc - hợp xướng. Chị đã giành nhiều Huy chương vàng, Huy chương bạc tại hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp, liên hoan kịch hát chuyên nghiệp toàn quốc, toàn quân vào các năm 1984, 1985, 1987, 1990. Huy chương vàng Festival “Dòng nhạc dân gian” với hai bài hát: “Arirang Kionsangdo” dân ca Triều Tiên và “Người ơi người ở đừng về” (dân ca Việt Nam) 1989. Chị được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.

MINH DIỆU

*Giải Ba Cuộc thi viết “Gương sáng đảng viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”
do Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng tổ chức.*

Đồng chí Võ Ngọc Châu - Người Bí thư Chi bộ gương mẫu

Năm 2000, tôi được điều động về Ban Dân vận Thành ủy. Lúc ấy anh Võ Ngọc Châu là Phó phòng Đoàn thể, là thủ trưởng trực tiếp của tôi. Sức làm việc của anh khiến tôi vô cùng ngạc nhiên. Anh làm hết việc chứ không làm cho hết giờ! Đến năm 2001, anh được lãnh đạo Ban phân công nhiệm vụ là Chánh Văn phòng Ban Dân vận Thành ủy. Lúc ấy, anh có báo với lãnh đạo ban, xin để cho anh phụ trách, nghiên cứu mảng mặt trận, đoàn thể. Song, lãnh đạo ban phân tích tình hình và thuyết phục anh nhận nhiệm vụ mới này. Và anh chấp hành theo quyết định của lãnh đạo Ban.

Văn phòng Ban Dân vận Thành ủy thời điểm ấy chỉ có 4 người: Chánh Văn phòng, Phó Văn phòng phụ trách quản trị nội vụ kiêm thủ quỹ, nhân viên văn thư lưu trữ và cán bộ kế toán. Hầu như mọi công văn, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy, các báo cáo của quận, huyện, mặt

trận, đoàn thể, hội quần chúng, đảng ủy cấp trên cơ sở, cơ sở đảng trực thuộc Thành ủy... gửi về, đều phải qua “cửa” của anh xử lý, điều phối, tổng hợp.

Nhờ vậy, công việc của cơ quan vẫn thuận buồm xuôi gió: những cuộc họp đều được tổ chức chu đáo; các báo cáo sơ kết, tổng kết nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của Thành ủy đều được thực hiện hoặc phối hợp với các phòng chuyên môn của Ban đều hoàn thành; lịch công tác vẫn bảo đảm đều đặn hàng tuần... Một điều rất đáng khâm phục là thời điểm ấy, anh Võ Ngọc Châu chưa học qua lớp tin học văn phòng nhưng bằng sự cần cù, tận tụy, chịu khó, anh kiên trì tự học để có thể sử dụng vi tính khá thành thạo.

Nhiều anh em trong Ban mỗi buổi chiều hết giờ làm việc, đi qua phòng anh, thấy anh vẫn miệt mài với công việc, xử lý hồ sơ, công văn! Công việc nhiều, buộc anh phải lên tiếng đề xuất xin thêm người với lãnh đạo Ban. Nhưng rất lâu, đề xuất ấy vẫn chưa được giải quyết. Anh vẫn không một lời than thở vì thông cảm với lãnh đạo chưa tìm được người vừa ý. Công việc của anh ngày một nhiều hơn.

Lúc ấy đồng chí Dương Quan Hà là Trưởng ban Dân vận Thành ủy có nói: Công việc chánh văn phòng quá nhiều, đồng chí Võ Ngọc Châu đã cáng đáng rất tốt, rất đáng được biểu dương!

Riêng tôi nhận thấy, ở anh Võ Ngọc Châu có đức tính thật tốt. Đó là sự tận tụy với công việc của cấp trên giao. Anh thường nói, khi đã nhận nhiệm vụ, nếu thấy có khó khăn

thì phải báo cáo với lãnh đạo để được chia sẻ, hỗ trợ. Còn đã nhận nhiệm vụ rồi thì phải quyết tâm hoàn thành. Lời nói của anh đã được chứng minh trong thực tiễn công tác. Không phải riêng tôi, mà cả tập thể cán bộ, công nhân viên ở cơ quan Ban Dân vận Thành ủy đều cảm mến và khâm phục sức làm việc của anh Võ Ngọc Châu! Mỗi năm, vào dịp phân tích chất lượng đảng viên anh đều được cả chi bộ bỏ phiếu đảng viên xuất sắc 100%.

Năm 2007, Bộ Chính trị phát động Cuộc Vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tinh thần tận tụy, hết lòng vì công việc của anh càng phát huy hơn nữa. Anh được bầu làm Bí thư chi bộ. Từ năm 2007 đến 2011, Chi bộ cơ quan Ban Dân vận Thành ủy luôn được Đảng ủy khối Dân – Chính – Đảng Thành phố công nhận là tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, trong đó có hai năm vững mạnh xuất sắc.

Từ tấm gương của anh Võ Ngọc Châu, tôi nghiệm ra một điều tâm đắc: Mỗi người, trong học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, không cứ phải làm được những điều gì cao xa, to lớn. Cái quý nhất là trong học tập, làm theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ, phải xuất phát từ cái tâm thật của mình đối với mọi người, mọi việc; không phải làm là để cho lãnh đạo, cấp trên thấy chấm điểm, ghi công, mà phải làm với trách nhiệm cao nhất, với lòng tự trọng của người cán bộ, đảng viên. Từ cách nhìn nhận ấy, tôi xin tặng anh mấy câu thơ:

*“Anh tên là Võ Ngọc Châu
Bí thư chi bộ - dẫn đầu thi đua
Nhiệm vụ chẳng quản sớm trưa
Công việc chưa hết anh chưa về nhà
Tính tình khiêm tốn thật thà
Tác phong giản dị, chan hòa yêu thương!
Mấy năm liền được tuyên dương
Học tập, làm việc theo gương Bác Hồ!”.*

NGUYỄN NGỌC CƠ

*Giải Khuyến khích Cuộc thi viết “Gương sáng đảng viên
học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”
do Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng tổ chức.*

Tính chiến đấu của một Đảng viên khuyết tật

Đồng chí Đoàn Ngọc Hoài Phong (hiện công tác ở cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 1) bị khuyết tật cả hai chân do chứng sốt bại liệt lúc lên năm tuổi. Gia đình của đồng chí không được khá giả nhưng cha mẹ vẫn cố gắng tạo điều kiện cho con tới trường và bản thân đồng chí đã nỗ lực phấn đấu vươn lên trên đôi nạng của mình để đi học. Sau khi học xong phổ thông, Đoàn Ngọc Hoài Phong mạnh dạn thi vào Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh, kiên trì học ngành điện - điện tử cho đến ngày tốt nghiệp ra trường.

Lúc đầu, Hoài Phong vẫn có mặc cảm về khuyết tật của đôi chân và đôi nạng của mình. Nhưng trí tuệ và tư duy của chàng thanh niên đầy sức sống không làm cho anh nản chí. Được người thân, bạn bè động viên, anh sinh viên mới tốt nghiệp đại học không ngần ngại tới xin việc ở một công

ty máy tính tư nhân và được chấp nhận làm lắp ráp máy. Nhưng công việc tay chân này không làm anh thích thú. Chủ công ty nhận thấy anh công nhân khuyết tật giàu ý chí này có năng khiếu nên hướng dẫn thêm cho anh về lập trình, đồ họa. Hoài Phong nhanh chóng tiếp thu các phần mềm được chỉ dẫn. Ít lâu sau, công ty này giải thể. Anh lại tìm chỗ làm khác và được giới thiệu vào làm ở Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh, sau đó anh về công tác tại Liên đoàn Lao động quận 1.

Tại đây, anh phát huy được nội lực của mình. Trên cơ sở thao tác máy tính để xử lý văn bản, trong đó có việc nhập dữ liệu, số liệu các công đoàn cơ sở và đoàn viên công đoàn, anh nghĩ tới việc soạn thảo một phần mềm quản lý để cập nhật tình hình. Sau một thời gian mày mò, công trình đầu tay của anh thành công và anh được tặng “Bằng Lao động sáng tạo” cấp thành phố. Từ một đoàn viên công đoàn ưu tú có sáng kiến giá trị, anh được Công đoàn cơ quan giới thiệu với Đảng và sau một thời gian phấn đấu, học tập anh được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Rồi anh được điều chuyển về công tác ở văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 1.

Đảng viên mới Đoàn Ngọc Hoài Phong lại tiếp tục phấn đấu trong công tác văn phòng, phát huy tư duy sáng tạo về công nghệ thông tin. Đầu tiên anh đề nghị cơ cấu lại hệ thống thiết bị tin học văn phòng để quản lý thông tin nội bộ và kết nối bên ngoài, trong đó có mạng Internet, mạng nội bộ từ Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận, Mặt trận Tổ quốc

đến các phường. Thứ hai, củng cố và kiện toàn trang thông tin điện tử của Mặt trận vốn chưa hoàn chỉnh và thực hiện bảng thông tin hình ảnh hoạt động của Mặt trận gắn bên ngoài trụ sở để tăng cường công tác thông tin tuyên truyền và vận động nhân dân. Anh được giao nhiệm vụ tham gia trực tiếp xử lý các văn bản từ dự thảo đến hoàn chỉnh; tập hợp các thông tin hoạt động của Mặt trận lên trang tin điện tử. Anh đã giúp cho công việc văn phòng được giải quyết ổn thỏa, kịp thời đi vào nền nếp hiện đại trong cải cách hành chính. Nhiệm vụ công tác của từng cán bộ đều được cập nhật tập trung vào địa chỉ thể hiện trên máy, trên mạng mà ai cũng truy cập được đã giúp cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận quản lý và chỉ đạo kịp thời.

Anh còn soạn thảo phần mềm quản lý Quỹ tái hòa nhập cộng đồng khi nhận thấy công tác cho vay và thu hồi vốn của người hồi gia ở quận cũng như phường quá phức tạp. Công trình này đã đạt kết quả ở bước đầu. Hiện nay anh đang nghiên cứu soạn thảo thêm phần mềm quản lý Quỹ vì người nghèo.

Mỗi sáng chưa tới giờ làm việc đã thấy đồng chí Đoàn Ngọc Hoài Phong xuất hiện ở cổng cơ quan với chiếc xe máy đặc dụng của người khuyết tật. Anh di chuyển vào phòng làm việc với cặp nặng kim loại, rồi làm việc miệt mài, đồng thời sắp xếp thời gian đi thực tế ở cơ sở. Trong cuộc sống cũng như công tác, anh luôn thể hiện tính chiến đấu cao, nỗ lực phấn đấu với ý chí kiên cường và cầu tiến. Vượt qua hạn chế về sức khỏe của mình, anh đã thể hiện quyết tâm

cao của một đảng viên, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ, theo tinh thần “tàn mà không phế”. Tại cuộc thi kể chuyện “Hành trình theo chân Bác” do Ban Tuyên giáo Quận ủy quận 1 tổ chức nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, hình ảnh người cán bộ khuyết tật chống nạng đứng biểu diễn tiết mục văn nghệ trên sân khấu làm cho cả hội trường vô cùng xúc động.

VƯƠNG LIÊM

*Giải Khuyến khích Cuộc thi viết “Gương sáng đảng viên
học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”
do Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng tổ chức.*

Người Bí thư Huyện ủy gương mẫu

Tháng 4 năm 2007, đồng chí Nguyễn Văn Hoa được Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh điều động về Hóc Môn giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy. Với tác phong năng động, sâu sát cơ sở, đồng chí thường đi xe gắn máy đến các xã, cơ quan trong huyện trực tiếp tiếp xúc tận nơi hiểu công việc, nắm bắt tình hình nên nhận rõ mặt mạnh, mặt yếu của địa phương rất nhanh.

Ngay thời gian đầu, đồng chí kiên quyết chấn chỉnh thái độ tác phong làm việc, hội họp để xác lập theo khuôn phép, kỷ cương. Đồng chí không chấp nhận việc đi họp, đi làm trễ giờ, dự họp không đúng thành phần. Đã có lần một đồng chí bí thư chi bộ đi họp trễ 15 phút, sau khi nghe trình bày lý do, đồng chí Bí thư Huyện ủy mời đồng chí ấy đi về, liên hệ sau với ban tổ chức để nắm nội dung cuộc họp. Lần làm việc với Ban Thường vụ Huyện đoàn, đồng chí quyết định giải tán cuộc họp vì lý do chấp hành giờ giấc làm việc, hội họp chưa nghiêm túc, chuẩn bị nội dung làm việc chưa tốt.

Vừa chấn chỉnh nhiều mặt, vừa chọn điểm đột phá trước tiên là công tác cải cách hành chính, đặc biệt lĩnh vực cấp phép xây dựng, kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... theo quy trình một cửa liên thông - là “mắt xích” còn yếu về phục vụ nhân dân. Sau một thời gian ngắn, tình trạng đi trễ về sớm, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức đã có chuyển biến lớn.

Cách “xử lý công việc” của đồng chí Nguyễn Văn Hoa được cán bộ, đảng viên đang làm việc và các đồng chí cán bộ lãnh đạo đã nghỉ hưu đồng tình ủng hộ, đánh giá cao. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X (tháng 7-2010), đồng chí được Đại hội bầu trực tiếp Bí thư Huyện ủy với số phiếu tín nhiệm 242/247 phiếu, đạt tỷ lệ 97,98%.

Đồng chí luôn giữ tốt vai trò trung tâm đoàn kết nội bộ, trước tiên là sự đoàn kết giữa Thường trực Huyện ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân huyện. Đối với đồng chí, đồng đội, đồng chí Ba Hoa sống có nghĩa, có tình, luôn quan tâm giúp đỡ người gặp khó khăn, cán bộ nghỉ hưu khi ốm đau, hữu sự. Đối với gia đình, đồng chí là người con hiếu thảo với đấng sinh thành, người chồng luôn chăm sóc động viên an ủi người bạn đời vượt qua căn bệnh hiểm nghèo, sống vui vẻ, hạnh phúc bên hai người con ngoan hiền, thành đạt. Đối với dân, khi biết tin những nơi có dư luận không tốt, đồng chí tranh thủ thời giờ đi đến tận nơi lắng nghe những bức xúc của họ, tìm hiểu kỹ, phân tích bàn bạc với cán bộ địa phương, đề ra hướng lãnh đạo cụ thể, kịp thời.

Đồng chí nêu cao tính tiên phong, gương mẫu trong mọi mặt, nghiêm túc tự phê bình và phê bình, luôn thể hiện đúng “Nói đi đôi với làm”, đòi hỏi mọi người và bản thân mình từ thái độ, tác phong, trách nhiệm trong công tác đến sinh hoạt đời sống hằng ngày phải “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, cố gắng học và làm theo lời Bác Hồ đã dạy. Đồng chí nói: “Người lãnh đạo nếu gương mẫu trong lời nói và việc làm sẽ có sức thuyết phục trong việc kêu gọi, vận động cán bộ, đảng viên, quần chúng trong đơn vị hưởng ứng làm theo và như vậy mọi phong trào hành động cách mạng sẽ được thực hiện với hiệu quả cao”.

Đồng chí là người biết lắng nghe ý kiến cán bộ dưới quyền, trân trọng đóng góp của cán bộ lão thành, phát huy dân chủ, giải quyết vấn đề thấu tình đạt lý, đồng thời cũng đề cao tính kỷ luật, kỷ cương trong Đảng để mỗi cán bộ, đảng viên phấn đấu làm tốt nhiệm vụ được phân công.

Những năm gần đây Hóc Môn có nhiều đổi thay, tiến bộ nhiều mặt từ xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế, đến xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Đảng vững mạnh... Thành tích ấy là công sức của Đảng bộ chính quyền mặt trận, đoàn thể và nhân dân huyện Hóc Môn; trong đó có công không nhỏ của đồng chí Bí thư Huyện ủy.

NGUYỄN HẢI PHÚ

*Giải Khuyến khích Cuộc thi viết “Gương sáng đảng viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”
do Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng tổ chức.*

Dì Năm Việt

*A*i đã từng làm việc tại quận 3 đều biết đến một cán bộ nữ hưu trí luôn gắn bó với nhiều phong trào tại địa phương, mà bà con ở đây thường gọi tên thân thương là dì Năm Việt (dì nguyên là Bí thư Quận ủy quận 3), năm nay dì đã 92 tuổi đời và 65 tuổi Đảng.

Từng là một cán bộ lãnh đạo cao nhất của quận, mặc dù đã nghỉ hưu nhưng ngôi nhà của dì luôn là điểm đến của nhiều người, từ cán bộ cho đến người dân bình thường, có khi là một cán bộ trẻ đến học kinh nghiệm về xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ phường, hay cán bộ đoàn thể đến nghe về công tác dân vận, có lúc là một chị phụ nữ đến nhờ dì gỡ rối về mâu thuẫn gia đình hoặc chị cán bộ Hội Phụ nữ nhờ dì hiến kế về đổi mới hoạt động Hội..., có thể nói với phong cách gần dân, sát dân, tận tụy với nhân dân, dì đã truyền đạt những kinh nghiệm trong công tác Đảng, trong công tác dân vận, cùng những lời khuyên nhẹ nhàng, chân

tình, phân tích thấu tình đạt lý, giúp đối tượng tìm ra được cách giải quyết vấn đề của mình, Di Năm đã truyền cho thế hệ cán bộ trẻ ngọn lửa yêu cuộc sống, yêu đời, yêu người.

Di Năm Việt (tên thật Võ Thị Vị) là người con của quê hương giàu truyền thống yêu nước và cách mạng – xã An Tịnh, huyện Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp). Di đã tham gia cách mạng từ tháng 3 năm 1945, được tổ chức Đảng giao nhiều trọng trách. Khi ngụy quyền tay sai Ngô Đình Diệm thực hiện Luật 10/59, Di đã bị địch bắt giam 3 năm. Sau đó Di được giao nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng của tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Sa Đéc, rồi lãnh đạo xây dựng lực lượng cách mạng của Thành ủy Sài Gòn – Gia Định. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Di Năm đã giữ nhiệm vụ Trưởng Ban xây dựng vùng kinh tế mới ở quận 3, Phó Bí thư rồi Bí thư Quận ủy quận 3, cho đến ngày nghỉ hưu vào tháng 7/1984. Đảm nhận nhiều cương vị quan trọng do tổ chức Đảng giao phó, nhưng có lẽ, thời gian làm cán bộ hoạt động phong trào với công tác tuyên truyền vận động phụ nữ ngay từ ngày đầu tham gia cách mạng đến những năm làm Hội phó Phụ nữ tỉnh Long Châu Sa (1953), Trưởng ban Phụ vận tỉnh Sa Đéc (1954), Hội trưởng Phụ nữ tỉnh Vĩnh Long (từ 1964 đến 1967)... đã thấm sâu vào máu thịt Di và trong hoàn cảnh nào cũng có thể phát huy.

Di luôn trần trụi với những mảnh đời bất hạnh trong xã hội. Còn nhớ năm 2009, do tuổi cao Di trải qua một cơn bệnh thập tử nhất sinh nhưng trong những ngày nằm cấp

cứu ở bệnh viện quận 3, thấy có một bà cụ đau bệnh nằm cạnh giường không có người thân chăm sóc. Hỏi thăm được biết đây cũng là một người dân của Quận 3, di liên thông tin cho các em cán bộ Hội và bàn nhau vận động báo Phụ nữ cứu trợ đột xuất cho cụ. Từ những chia sẻ kịp thời của bản thân như hộp sữa, trái cây, cả đến những bộ quần áo cũ nhưng đầy ắp tình người của di đã làm ấm lòng người bạn già. Trong những năm gần đây, sau khi lành bệnh di lại tất tả, ngược xuôi đến các cơ quan, ban ngành trong và ngoài quận để vận động xây dựng 29 căn nhà tình thương, cầu giao thông nông thôn cho bà con, học sinh nghèo của quê hương Đồng Tháp với tổng số tiền vận động trên 601 triệu đồng, đồng thời hàng năm di còn trích lương hưu hỗ trợ ba suất học bổng cho học sinh nghèo tại địa phương.

Di Năm Việt luôn gương mẫu đi đầu trong thực hiện nhiệm vụ được giao nên khi học tập các chuyên đề của Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, di rất tâm đắc nhưng cũng nhiều trăn trở, bởi năm nay di đã ngoài 90 và sức khỏe nhiều khi không còn chiều lòng người nữa. Tòai đã không ngăn nổi xúc động khi được đọc bài thơ “Hoài cảm” mà di mới viết vào Ngày sinh nhật Đảng 3 tháng 2 năm 2012, như một lời tâm tình của người đảng viên đã trải qua 65 tuổi Đảng:

“Thấm thoát dòng đời tuổi chín hai

Vấn vương lưu luyến chạnh lòng ai

Sáu lăm ơn Đảng chưa tròn đức (đạo đức Hồ Chí Minh)

*Ba tám công hưu vẹn chí mài
Nợ nước ơn dân còn trĩu nặng
Tình nhà nghĩa bạn chẳng mờ phai
Thân tầm dù thác vương tơ thắm
Kiếp sống sao tròn phận trúc mai”.*

Và những dòng “tự bạch” của dì cũng đầy trăn trở, suy tư: “Dù quỹ thời gian cuộc sống của mình còn ít, nhưng bản thân vẫn miệt mài phấn đấu học tập gương Bác, giữ gìn tu dưỡng đạo đức, nếp sống để ngày càng tốt hơn, lạc quan yêu đời, cái gì sức mình còn làm được để phục vụ cho dân cho nước thì cố gắng làm, hòa mình vào cái mới cho phù hợp, tuyệt đối tin dân, có tình người, nhân hậu, vị tha. Tranh thủ học và đọc lại “tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” để tự nhắc mình thường xuyên cho đến hơi thở cuối cùng”.

Suốt đời tận tụy, vì dân, quan tâm chăm lo cho người nghèo, nay nhìn lại những việc mình đã làm, thực hiện việc học và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ, người đảng viên 92 tuổi ấy đã tự nhận thấy: “Tôi đã làm được hết những việc đã đăng ký từ đầu năm: Bản thân và gia đình thực hiện tiết kiệm trong tiêu dùng, giữ gìn nhà cửa văn minh sạch đẹp. Tập dưỡng sinh để giữ gìn sức khỏe đều đặn mỗi ngày một giờ, đọc báo từ một đến hai giờ, đi họp tổ dân phố đủ ba lần, họp khu phố một lần, đúng giờ và tham gia phát biểu. Nhưng tuổi ngày càng cao, mắt mờ hơn trước nên đọc sách cũng hạn chế, hai tai cũng bị lão hóa nghe tiếng được tiếng mất. Bây giờ tôi chỉ còn cố gắng phấn đấu giữ gìn phẩm chất

đạo đức trong sạch và đừng làm điều gì vi phạm những điều đảng viên không được làm”.

Những việc làm cụ thể, thiết thực của dì Năm đã cho chúng ta thấy hình ảnh một người đảng viên gương mẫu, là tấm gương cho cán bộ, đảng viên noi theo, hình ảnh của dì đã góp phần củng cố niềm tin của người dân đối với Đảng.

Qua tấm gương trên, bản thân tôi nhận thấy việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ, không ở đâu xa mà đó chính là những chuyện hàng ngày ở quanh chúng ta.

*Nguồn: Bài kể chuyện của đồng chí Nguyễn Thị Hương Hoa –
Ban Tổ chức Thành ủy.*

Thầm lặng lập công, bảo vệ bình yên cho nhân dân

Mới yêu nhau chưa đầy một năm, chị Võ Thị Trung Hiếu đã phải “khăn gói” vào bệnh viện hơn một tháng để chăm sóc người yêu – anh Trần Hùng, Phó Đội trưởng Đội Phòng ngừa đấu tranh chuyên sâu với loại tội phạm trộm cắp, lừa đảo, giả mạo thuộc Phòng PC 45 - Công an thành phố Hồ Chí Minh bị đứt dây chằng khi đuổi bắt tội phạm. Đến khi cưới nhau (năm 2010), không ít lần, chị tiếp tục “đau tim” vì những tai nạn anh Hùng liên tiếp gặp phải khi đối diện với các đối tượng tội phạm liều lĩnh...

Cuối năm 2010, cận những ngày giáp Tết, các đối tượng trộm cắp càng ráo riết hoạt động. Trong một lần mặc thường phục tuần tra đến vòng xoay Điện Biên Phủ, anh và một đồng nghiệp phát hiện hai đối tượng trộm xe đang tăng tốc tháo chạy. Ngay lập tức, hai chiến sĩ tăng tốc đuổi theo,

áp xe gần sát đối tượng, Hùng ngồi sau khống chế khiến cả hai xe đổ lăn ra đường. Trong quá trình giằng co, Hùng bị thương nhưng cả hai đối tượng cũng bị tóm gọn. Ngay trong tối hôm đó, sau khi được thông báo đối tượng khiến anh Hùng bị thương là con nghiện ma túy nặng và nhiễm HIV, lập tức đồng đội đưa Hùng đến bệnh viện, xét nghiệm, thử máu rồi được chuyển lên Bệnh viện Nhiệt đới thành phố theo dõi và điều trị. Trần Hùng bộc bạch: “Quãng thời gian này nặng nề hơn tôi nghĩ nhiều. Một tuần đi lấy thuốc một lần. Một tháng rồi ba tháng, sáu tháng và lại xét nghiệm. Thuốc khiến tôi sụt cân nhanh, ăn uống không được, cơ thể mệt mỏi”. Lo cho vợ, anh tìm mọi lý do để tránh gần vợ. Đến khi có kết quả chính thức, Hùng mới dám kể lại cho vợ nghe và đưa chị đi du lịch để bù đắp...

Với tinh thần không quản ngại khó khăn, gian khổ, nguy hiểm, luôn mưu trí sáng tạo trong thực thi nhiệm vụ, thời gian qua, Trần Hùng đã cùng với đồng đội triệt phá thành công đường dây trộm cắp, tiêu thụ phụ tùng ô tô trộm cắp và đường dây trộm cắp, tiêu thụ hàng hóa vận chuyển bằng xe container; góp phần điều tra mở rộng các vụ án liên quan đến hai băng nhóm trên và băng nhóm tội phạm khác; góp phần kéo giảm án trộm cắp, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Đầu năm 2011, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh liên tiếp xảy ra nhiều vụ trộm cắp phụ tùng xe ô tô các loại, đặt biệt là xe ô tô cao cấp. Hùng và anh em trong đội được giao nhiệm vụ phá chuyên án “Trộm cắp, tiêu thụ phụ tùng

ô tô trên địa bàn thành phố”. Do đối tượng thường xuyên thay đổi địa điểm trao đổi, cách thức mua bán, lại thêm thời tiết mưa bão liên miên không thuận lợi nên dù đã xác định đối tượng tình nghi nhưng Hùng và đồng đội dù mật phục cả tháng vẫn chưa thể bắt quả tang đối tượng mua phụ tùng ô tô trộm cắp. Quyết tâm phá án, Hùng xây dựng cộng tác viên là một thiếu nữ trong vai sinh viên đến thuê nhà trọ đối diện nhà đối tượng để tiện cài người của đội vào. Kiên trì mật phục, đến 6 giờ sáng ngày 22 tháng 6 năm 2011, đội của Hùng cũng tóm gọn 8 đối tượng và thu giữ nhiều tang vật, công cụ phạm tội. Thời điểm này, trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận rộ lên hàng loạt doanh nghiệp, công ty vận tải hàng hóa trình báo bị mất trộm hàng hóa có giá trị cao trong quá trình vận chuyển bằng xe container mà không rõ nguyên nhân. Thế là, vừa phá xong chuyên án trên, Hùng lại tiếp tục cùng anh em trong đội lao vào chuyên án đấu tranh chống trộm cắp hàng hóa trong container.

Do tính chất công việc, Hùng thường xuyên vắng nhà và lê la ngoài đường, “bù khú” ở nhiều quán nhậu bình dân dọc Quốc lộ 1A để nắm bắt thông tin. Mới 32 tuổi nhưng trông Hùng khá già dặn so với tuổi. Nhìn bề ngoài, anh cũng không khác gì những tay “anh chị” bởi nước da đen nhẻm, ánh nhìn dữ và phong cách bụi phũ với quần bò xé, áo thun bạc màu, dép xỏ ngón, giọng nói oang oang. Thế nhưng, giọng Hùng mềm lại ngay khi nhắc đến gia đình và kể về người vợ đảm vừa chăm con, quán xuyến hai bên nội ngoại vừa buôn bán thêm để phụ lo kinh tế gia đình. Hùng

bảo điều khiến anh áy náy nhất là con trai đã tám tháng tuổi nhưng... “chưa một lần được bố chở đi chơi một bữa cho đàng hoàng hay đưa cu cậu đi khám bệnh như những người cha bình thường khác...”. Gian nan của Hùng và đồng đội cũng được bù đắp khi tháng 4 năm 2012, đường dây trộm cắp, tiêu thụ hàng hóa vận chuyển bằng xe container bị phát hiện và tóm gọn, nâng cao uy tín của ngành trong giới doanh nghiệp, công ty vận tải hàng hóa của thành phố Hồ Chí Minh. Bản thân anh cũng rất nhiều lần được ngành, Ủy ban nhân dân thành phố tuyên dương, khen thưởng bởi thành tích ấn tượng. Nhân dịp kỷ niệm 122 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trần Hùng là một trong 180 cá nhân điển hình cấp thành phố về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh biểu dương.

Nguồn: Website Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

“Ông chủ” trẻ nhà trọ hết lòng vì công nhân

Từ những ngày đầu cuộc vận động không tăng giá nhà trọ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh diễn ra sôi động năm 2011, Huỳnh Thanh Trang (sinh năm 1978) đã tích cực ủng hộ. Khu nhà trọ của Trang ở khu phố 10, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân với 80 phòng (phục vụ cho hơn 350 công nhân thuê ở), đã được xây dựng thành một khu lưu trú văn hóa kiểu mẫu của quận, của thành phố.

Anh chia sẻ: “Đời sống của thanh niên công nhân nói riêng, của công nhân nói chung hiện nay rất vất vả. Mọi thứ liên quan đến sinh hoạt hằng ngày của công nhân đều tăng, trong khi đó đồng lương họ kiếm được thì quá khiêm tốn. Do đó, là chủ nhà trọ, tôi không tăng giá tiền phòng và lấy tiền điện, nước theo đúng quy định để phần nào giảm bớt gánh nặng cho công nhân. Đồng thời cũng giúp cho công nhân có nơi ở ổn định và làm việc được tốt hơn”.

Nói là làm, và không chỉ không tăng giá tiền phòng, lấy tiền điện nước theo đúng quy định, Huỳnh Thanh Trang còn thường xuyên phối hợp cùng Đoàn phường và các đơn vị có liên quan tặng quà cho công nhân trong khu nhà trọ của mình vào các dịp lễ, Tết. Tính đến nay, anh đã trao 150 phần quà với tổng kinh phí hơn 30 triệu đồng hỗ trợ công nhân. Anh còn phối hợp cùng Đoàn phường và Co.opMart tổ chức bán hàng bình ổn giá cho thanh niên công nhân tại khu lưu trú do mình làm chủ. Những lúc có công nhân trong khu nhà trọ khó khăn, anh không ngần ngại hỗ trợ tiền nhà trọ cho họ, với mong muốn giúp cho công nhân có nơi ở ổn định và làm việc được tốt hơn như anh đã chia sẻ.

Tháng 3 tháng 2011, Trang vinh dự được đứng vào hàng ngũ Đảng, trở thành chủ nhà trọ đầu tiên của thành phố Hồ Chí Minh được kết nạp Đảng. Đến giờ, Trang vẫn là một “ông chủ” khu nhà trọ tốt bụng, tử tế, vợ con Trang được nhiều công nhân lao động yêu quý. Trang còn là một Tổ trưởng Tổ dân phố nhiệt tình, năng động đúng như lời hứa trang trọng hôm Trang vinh dự đứng vào hàng ngũ Đảng: “Tôi luôn quan niệm, một đảng viên Đảng Cộng sản, trước tiên phải sống tốt, lao động giỏi, có tinh thần trách nhiệm cao. Để xây dựng niềm tin vào Đảng nơi các bạn trẻ, tôi hứa sẽ sống tốt để góp phần nêu gương”.

Là một đảng viên gương mẫu trong học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, Huỳnh Thanh Trang chia sẻ: “Tôi học ở Bác không chỉ là tấm lòng yêu thương con người, hết lòng phục vụ nhân

dân mà còn cả đức tính cần cù, tiết kiệm”. Với Huỳnh Thanh Trang, tiếp tục không tăng giá phòng cho công nhân thuê và lấy tiền điện nước theo đúng quy định, đó cũng là cách hết lòng phục vụ cho nhân dân, theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Bác Hồ. Không chỉ thường xuyên nhắc nhở bản thân và gia đình tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày, Trang còn nhắc nhở công nhân khu nhà trọ của mình xài tiết kiệm điện, nước và khi đi ra khỏi phòng nhớ tắt đèn hay tắt bớt những thiết bị điện không cần thiết. “Tôi đang lên kế hoạch nâng cấp lại các phòng trọ khang trang hơn và xây thêm khu giao lưu sinh hoạt cho công nhân sau những ngày làm việc mệt nhọc” - Huỳnh Thanh Trang khẳng định.

Với những hành động đẹp, ý nghĩa thiết thực vì công nhân, Huỳnh Thanh Trang đã được Quận ủy quận Bình Tân tuyên dương chủ nhà trọ tiêu biểu; Thành đoàn thành phố Hồ Chí Minh tuyên dương khu lưu trú văn hóa tiêu biểu năm 2011. Đặc biệt, nhân kỷ niệm 122 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/2012), Trang được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng bằng khen trong học tập và và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Nguồn: Website Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Cô thợ may và bài học giản dị từ Bác

Trong suy nghĩ của cô công nhân Vũ Thị Bẩy (Tổ may 6, Xí nghiệp may Thị Nghè), để làm theo Bác thiết thực nhất, chỉ cần có niềm tin và bắt đầu bằng những hành động thiết thân, đơn giản mỗi ngày: Sống thật, sống tốt với những người xung quanh, sống có trách nhiệm, chia sẻ và hoàn thành tốt nhất công việc mình được giao phó.

Trong căn nhà nhỏ ở hẻm 93, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, từ tờ mờ sáng, chị Bẩy bắt đầu một ngày bằng việc tranh thủ may thêm ít hàng gia công rồi vừa cơm nước cho hai con chuẩn bị đến trường vừa thỉnh thoảng đến giường bệnh trông bố chồng. Tất bật như vậy nhưng đúng 7 giờ sáng, chị đã có mặt ở xưởng của Xí nghiệp may Thị Nghè. Chị có một “nguyên tắc”: luôn vào vị trí làm việc trước 10 phút để kiểm tra máy, sắp xếp việc nào làm trước sao cho thuận tiện, khi lấy bán thành phẩm; giữ kỷ phụ liệu được cấp phát phục vụ cho công việc; tập trung

may cẩn thận từng chi tiết may để tránh sai sót, phải làm lại mất thời gian, chi phí. Đặc biệt là không đi làm trễ, về sớm; không nói chuyện riêng, nói chuyện điện thoại, nhắn tin trong giờ làm việc để không mất thời gian, ảnh hưởng năng suất. Với chị, “lãng phí thời gian trong công việc cũng là một hành vi ăn trộm”!

Anh Trần Hữu Vinh, Tổ trưởng Tổ may 6, Xí nghiệp May Thị Nghè cho biết thêm: với tác phong làm việc nghiêm túc, siêng năng và sáng tạo, chị Bảy luôn sẵn lòng làm những công đoạn khó, cẩn trọng trong từng đường may; suy ngẫm loại bỏ các thao tác thừa để tiết kiệm thời gian, tăng năng suất. Còn chị Võ Thị Trúc Liễu (làm việc cùng tổ với chị Bảy) thì thích cách chị Bảy cư xử với mọi người trong xưởng, rất hòa nhã, nhỏ nhẹ, có văn hóa, không phiền hà ai. Với nhận xét: “Sự sáng tạo, tính siêng năng, hiền hậu của chị Bảy là tấm gương của nhiều chị em trong xưởng”, chị Phạm Thị Thanh Truyền, Trưởng xưởng may - Xí nghiệp May Thị Nghè cho rằng, những nhân tố tích cực như chị Bảy rất cần nhân rộng.

Học tập, làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ, chị Bảy đã tiên phong vận động anh chị em trong xưởng sửa đổi lề lối làm việc cho khoa học hơn, tiết kiệm thời gian, chi phí và nguyên phụ liệu. Chị luôn nỗ lực rèn luyện nâng cao tay nghề và kết quả là chị đã được nhận giải *Bàn tay vàng* tại Hội thi Thợ giỏi dệt may toàn thành năm 2011 và đều đặn hàng năm chị là “chủ nhân” của nhiều giải thưởng vinh danh nghề.

Ông Nguyễn Thanh Hùng, Giám đốc Xí nghiệp May Thị Nghè cho biết, các phong trào nhằm đẩy mạnh học tập, làm theo Bác như tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đã được người lao động tích cực tham gia, trong đó chị Bảy đã góp nhiều sáng kiến và giúp cho công việc tốt hơn. Cần, kiệm, cuộc sống riêng giản dị, phấn đấu vượt khó, sống có văn hóa với mọi người là phương châm sống và làm việc của công nhân may Vũ Thị Bảy và chị vẫn đang nỗ lực thực hiện điều đó bằng tất cả tấm lòng của mình.

Nguồn: Website Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì dân phục vụ

Ở Nam Bộ, bão ít xuất hiện, nên người dân không có nhiều kinh nghiệm để ứng phó. Ngoại trừ những căn nhà kiên cố, còn lại phần lớn nhà ở khu vực đều không đủ sức chống chọi lại. Bởi thế, khi bão lũ xuất hiện, công tác chống bão, di dời dân đến nơi an toàn diễn ra hết sức vất vả. Câu chuyện ở xã đảo Thạnh An, huyện Cần Giờ là một ví dụ điển hình. Khi cơn bão số 1 chuẩn bị đổ bộ vào đảo, các đơn vị Bộ đội Biên phòng trên địa bàn ngay lập tức nhập cuộc, trong đó các chiến sĩ của Hải đội 2 nhận trách nhiệm vận động, chở người dân vào đất liền. Lẽ ra, khi hay tin có bão, người dân sẽ sơ tán ngay, nhưng không phải vậy, nhiều người dân vẫn thản nhiên đi làm, đi cào cá như ngày thường, nên các chiến sĩ của Hải đội 2 phải ra sức vận động, tỉ tê, thậm chí hành động quyết liệt để đưa bà con đến nơi trú ẩn an toàn.

Đồng chí Ngô Thanh Bình, Bí thư Chi bộ Hải đội 2, Đảng bộ Bộ đội Biên phòng thành phố cho biết: “Nhìn các

chiến sĩ dầm mưa suốt, ăn chén cơm cũng không yên, mà thương! Chúng tôi chia nhau ra đến tận biển vận động bà con về tránh bão, kiểm soát chặt chẽ tàu thuyền hoạt động đánh bắt hải sản; tuần tra liên tục tại các cửa sông, cửa biển, tuyệt đối không để ngư dân ra khơi đánh cá hoặc ở lại chòi canh trên biển trong thời gian bão diễn ra. 12 anh em trong đội phải dầm mình suốt cùng bà con ở xã đảo. Trong khi đó, ở nhà, ở các doanh trại đơn vị cũng te tua không kém, mái tốc, nước ngập, người thân lo lắng... Nhưng, an toàn của bà con là trên hết!”.

Dù quân số chỉ vồn vện trên dưới 50 người, thế nhưng dường như ở bất cứ nơi nào trong huyện Cần Giờ bị ảnh hưởng bão số 1 đều có sự hiện diện của các chiến sĩ Hải đội 2. Và ít ai có thể ngờ rằng, chỉ chưa đầy 3 giờ đồng hồ, họ đã di dời được hơn 1.700 người dân ở xã đảo Thạnh An đến nơi an toàn. Đó là chưa kể đến công tác giúp dân chằng chống nhà cửa, bảo vệ an toàn cho các ngư dân trên biển. Là đơn vị tiên phong trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo quê hương; các chiến sĩ Hải đội 2 đã thực hiện tốt nhiệm vụ - giúp dân vượt khó. Dấu ấn và những tình cảm tốt đẹp họ đã để lại trong lòng người dân, là minh chứng cho việc nêu cao tinh thần “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ”.

Nguồn: Website Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Học và làm theo tình yêu thương của Bác

Những ngày tháng đầu tiên làm việc tại Trung tâm Điều dưỡng tâm thần Tân Định, cô sinh viên mới ra trường Trần Thị Phương Thúy chưa hình dung hết những khó khăn mình sẽ đối mặt. Tuy nhiên, công việc không đơn giản của một y sĩ hàng ngày tiếp xúc với bệnh nhân tâm thần, lại khiến Phương Thúy cảm thấy gắn bó. Bởi không ít hoàn cảnh thật đáng thương đã làm cô day dứt và những buổi trò chuyện với bệnh nhân đã kéo cô mỗi lúc một gần bệnh nhân, cho cô thấy rõ ý nghĩa của sự sẻ chia.

Nói lại nhịp đời...

Đối với Phương Thúy, công việc hiện tại không đơn thuần là trách nhiệm, mà còn là tình người, là khao khát muốn giúp bệnh nhân nói lại nhịp sống của người bình thường, có mái ấm gia đình, người thân bên cạnh... Tận tâm nghĩ về bệnh nhân, Phương Thúy không ngừng học hỏi, nghiên

cứu thêm tài liệu, tìm những phương pháp trị liệu mới nhằm giảm những cơn đau của bệnh nhân. Từ công việc quản lý bệnh nhân nam bị tâm thần nặng, Thúy được chuyển qua khoa D chăm sóc bệnh nhân nữ và từ tháng 10/2010 đến nay Thúy là Trưởng khoa F, chuyên chăm sóc bệnh nhân rối loạn tâm thần nữ già yếu, cao huyết áp. Dù ở cương vị nhân viên hay là trưởng khoa, Thúy vẫn giữ sự chân thành, tận tụy với bệnh nhân, hòa đồng với tập thể; sẵn sàng xắn tay áo trồng rau, cây ăn trái, chăn nuôi cùng mọi người để nâng cao chất lượng bữa ăn cho bệnh nhân.

Có những “món quà” lạ lùng từ bệnh nhân đã trở thành kỷ niệm khó quên, giúp Thúy trưởng thành hơn trong công tác. Đó là những... cái tát, cú đấm bất ngờ khi bệnh nhân lên cơn, những lần trò chuyện không đầu không đuôi, những triệu chứng tâm lý bất thường... giúp Thúy tìm ra chi tiết bổ sung nhận định về tính cách, hoàn cảnh lâm bệnh để từ đó có hướng điều trị thích hợp. Qua đó, trong lúc bệnh nhân tỉnh táo, Thúy đã trò chuyện để lấy thông tin, liên hệ các số điện thoại, địa chỉ bệnh nhân cung cấp và Thúy đã giúp hơn 10 bệnh nhân được gia đình bảo lãnh hồi gia.

Kể về những kỷ niệm với bệnh nhân, Phương Thúy nhớ nhất một trường hợp của bệnh nhân nam (sinh 1978), có hoàn cảnh rất đáng thương. Được sinh ra là người bình thường nhưng sớm bị mồ côi, do cú sốc quá lớn, anh mắc bệnh tâm thần. Khi trung tâm nhận anh về điều trị, suốt hai năm Phương Thúy tiếp xúc, hỗ trợ, bệnh nhân có chuyển biến tích cực, tâm lý dần ổn định. Chính Thúy là người giúp

anh liên lạc và về với gia đình. Nhưng không lâu sau, vì bị kích động, bệnh anh có chiều hướng tái phát. Thúy đã cùng một đồng nghiệp nữ tìm đến nhà đúng lúc anh đang gây sự với gia đình. Sau lần đó, lòng Thúy không yên. Trung tâm thì chỉ được nhận bệnh nhân do Sở phân bổ, nhân viên không thể tự tiện mang bệnh nhân về điều trị; rồi Thúy được tin anh phát bệnh và lại lang thang đầu đó. Bất ngờ một thời gian sau, bệnh nhân liên lạc lại, Thúy mới biết anh được điều trị ở Biên Hòa và đã bình phục. Anh còn hỏi ý kiến Thúy về chuyện lập gia đình... Bây giờ vợ chồng anh buồn bán ve chai và mới có một con trai hơn 1 tuổi. Nghe Thúy kể chuyện, có thể cảm nhận niềm vui âm thầm mà cô chia sẻ với bệnh nhân, giống như tình thương của một người chị (mặc dù Thúy nhỏ hơn bệnh nhân 4 tuổi) với hạnh phúc em trai vừa tìm thấy. Tình thương đối với bệnh nhân của Trung tâm, trong đó có Thúy và nghị lực vươn lên cùng với tình yêu đã giúp bệnh nhân nối lại nhịp đời bình yên.

Muốn làm tốt công việc cần phải có kiến thức

Hơn 7 năm làm việc tại trung tâm, Phương Thúy đã có nhiều đóng góp nhằm giúp trung tâm đạt hiệu quả cao trong điều trị bệnh nhân tâm thần, như: kết hợp biện pháp tiêm thuốc Vitamin B1 và tập vật lý trị liệu, hàng ngày giúp bệnh nhân tập vận động, kích thích não bộ nhận tín hiệu tích cực từ cuộc sống lành mạnh, vui vẻ; bên cạnh đó, Thúy đề nghị trung tâm nấu cháo gạo lức cho bệnh nhân ăn, cũng là một giải pháp hỗ trợ. Kết quả điều trị có 87 bệnh nhân chuyển

biến tốt, đẩy lùi bệnh tê phù. Đầu tháng 12/2011, bệnh nhân bị cúm hàng loạt, Thúy đã xin ý kiến phòng chống dịch cúm bằng cách phối hợp đông y và tây y. Kết quả, cuối tháng 12/2012, 68 bệnh nhân đã giảm rõ các triệu chứng và chấm dứt bệnh cúm lây lan rộng... Nếu không đau đầu nghĩ về những thiệt thòi của người bệnh, không chịu khó tìm tòi học hỏi, ắt hẳn cô gái trẻ cũng không thể có những đề xuất chính xác, bảo đảm sức khỏe bệnh nhân.

Trung tâm hiện có hơn 1000 bệnh nhân, riêng khoa F có 147 bệnh nhân. Họ đều là người vô gia cư, bị thất lạc gia đình. Thế nên các bác sĩ, điều dưỡng cũng là người nhà của bệnh nhân. Trong khi đó, khoa chỉ vồn vẹn 16 người (2 bác sĩ, 14 nhân viên). Thực tế làm việc liên tục và thay nhau trực 24g chỉ có từ 11 đến 12 người, vì vài người đi học nâng cao nghiệp vụ và phải luân phiên nhau nghỉ phép, nên để hoàn thành công việc mọi người hỗ trợ, choàng gánh cho nhau, từ việc theo dõi sức khỏe, trò chuyện đến tắm rửa, cho ăn...

Bây giờ Thúy đã quen với các biểu hiện bất thường như hành vi dồn dập, lên cơn rồi tấn công bất ngờ và không khó phát hiện những tình huống bất trắc để bảo đảm an toàn cho mình và cả bệnh nhân.

Qua những đóng góp nổi bật, Trần Thị Phương Thúy có tên trong danh sách các cá nhân tiêu biểu được thành phố Hồ Chí Minh tuyên dương trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh năm 2013 và được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

Với nụ cười thật đẹp, dịu dàng và phúc hậu, Thúy nhỏ nhẹ: Qua các mẫu chuyện về Bác, em thấy tình yêu thương trong Bác thật bao la rộng lớn, tất cả những phẩm chất ấy, em có học suốt đời cũng không hết. Qua học tập, em nhận thức được hãy biết “cho” đi và cần biết chia sẻ nhiều hơn nữa, thương yêu bệnh nhân như người thân trong gia đình. Họ là những người tâm thần, không biết cả bản thân mình, nhiều người trong số ấy bị bỏ rơi, đến lúc chết đi, họ cũng không được ai nhớ đến... Đến với bệnh nhân, em cảm nhận được giá trị của cuộc sống, của một người được sống bình thường. Em muốn chăm sóc và nuôi dưỡng những bệnh nhân tâm thần chỉ đơn giản vì em muốn tất cả những người thân đang ở xung quanh em được sống vui, hạnh phúc và em được góp một phần nhỏ chăm sóc cho họ ở điểm cuối cuộc đời. Em nhận thấy công việc hiện nay là điều tốt, em đã sống, sẽ sống và làm như vậy. Điều thứ hai là việc học. Bác đã học và hiểu biết rất nhiều. Muốn làm tốt công việc cần phải có kiến thức nên em quyết định tham gia học khóa Xét nghiệm, siêu âm để hỗ trợ thêm cho công tác chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tại đơn vị.

Mái ấm nhỏ êm đềm của Phương Thúy luôn là điểm tựa cho cô. Chồng Thúy cùng làm chung với cô tại Trung tâm nên hai vợ chồng rất hiểu công việc của nhau. Hai gia đình nội ngoại đều ở xa, nên đôi vợ chồng trẻ phải tự lực cánh sinh. Cô con gái nhỏ mới lên hai của Phương Thúy đang lớn lên trong tình yêu ấm áp giữa cuộc sống giản đơn không bao giờ thiếu tiếng cười của cha mẹ và sự sẻ chia với mọi người xung quanh

- *Một số thành tích tiêu biểu:* Bằng khen của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; giấy khen của Đảng ủy Sở có thành tích trong 4 năm thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, huy hiệu Thành phố 2011; danh hiệu Công dân trẻ tiêu biểu TPHCM năm 2012.

Nguồn: Website Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghệ sĩ ưu tú Ca Lê Hồng: “Vì cái chung, phải biết hy sinh cái được của riêng mình”

15 tuổi, cô gái vùng đất Bến Tre kiên cường vào Hội Liên hiệp Phụ nữ Nam bộ làm việc, rồi được tuyển vào Đoàn Văn công Nam bộ (gồm có kịch, cải lương, ca múa nhạc) tập kết ra Bắc vào cuối năm 1954. Từ đây, một chân trời mới mở ra trước mắt cô gái trẻ Ca Lê Hồng.

Cô vào đội múa cùng với các anh chị ở môn ca múa nhạc, sau này đều là những tên tuổi lớn như Quốc Hương, Hoàng Việt, Phan Vũ, Quang Hải, Khánh Vân, Xuân Mai... Lớp thanh niên đầy nhiệt huyết ấy là những người lính xung kích đi biểu diễn phục vụ khắp miền Bắc. Cuộc sống xa nhà ấm tình đồng nghiệp đã đào luyện cho Ca Lê Hồng một nghị lực vượt khó và tinh thần tương thân tương ái. Hơn 4 năm sau, cô được chuyển qua nhóm Cải lương (đơn vị trở

thành Đoàn Cải lương Nam bộ sau này). Đây là giai đoạn cô được học hỏi nhiều điều bổ ích, lý thú từ những nghệ sĩ bậc thầy để có vốn nghề căn bản, phong phú làm bước đệm cho cô cống hiến nhiều hơn về sau.

Niềm tin

Năm 1967, cô được cử sang Nga học đạo diễn. Song song việc học, cô tích cực tham gia công tác Đảng, làm chi ủy viên, bí thư chi bộ lưu học sinh nghệ thuật ở thành phố Mátxcova. Cũng trong thời gian này, người em trai thân thiết – Ca Lê Hiến (Nhà thơ Lê Anh Xuân) hy sinh. Mất mát này tác động mạnh đến tư tưởng Ca Lê Hồng, bởi cô và em trai gần gũi hơn các anh em khác vì có thời gian cùng xa cha mẹ, lên Đà Lạt rồi vào kháng chiến, cùng đi học chung một trường. Đến khi cô được cử đi học nước ngoài thì Hiến tình nguyện vào Nam chiến đấu ... Biết tin em hy sinh, cô cứ suy nghĩ miên man, lòng ngổn ngang nhiều nỗi... Hiếu con gái, Giáo sư Ca Văn Thỉnh an ủi, dặn dò con không nên sao nhãng việc học, bằng mấy câu thơ: “Sống như em Hiến, chị Ba/ Học như ong mật, tìm hoa ngày ngày...”. Tấm gương của em và của chị (Ca Lê Du, tham gia cách mạng, bị tù tội, bị đánh đập) và tấm lòng của cha khiến cô Ca Lê Hồng tự thấy mình phải phấn đấu rất nhiều, phải sống tốt, sao cho xứng đáng với truyền thống cách mạng gia đình.

Cô tốt nghiệp đạo diễn với tấm bằng đỏ trở về nước với bao dự định cống hiến...

Ngay từ những năm tuổi trẻ, cô đã có suy nghĩ chín

chấn: “Đảng viên trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, ngoài trách nhiệm là người nghệ sĩ, phải luôn giữ vai trò gương mẫu, đi đầu khi có khó khăn; tập trung cho chuyên môn nhưng cũng phải biết hy sinh cái được riêng mình, vì cái chung”. Và cô đã sống như thế.

Bài thơ *Dáng đứng Việt Nam* của Ca Lê Hiến trở thành niềm tin, là nguồn sinh khí mạnh mẽ tiếp sức cho cô luôn vững vàng trong công tác, biết chia sẻ, hy sinh và đứng thẳng, bảo vệ lẽ phải, sự công bằng.

Trước và sau khi nghỉ hưu, cô làm Bí thư Chi bộ Hội Sân khấu TP.HCM nhiều nhiệm kỳ, được tin nhiệm vì cô làm việc nghiêm túc, năng nổ và gương mẫu thực hiện mọi chủ trương, nghị quyết của Đảng, luôn là người đi đầu biến những chỉ thị, nghị quyết thành hành động cụ thể trong hoạt động nghề và trong cuộc sống.

Làm được những điều áp ứ

40 tuổi cô bắt đầu làm công tác lãnh đạo – Hiệu trưởng trường Nghệ thuật Sân khấu II TP.HCM. Thời gian làm việc ở trường, vì tập trung công tác Đảng, công tác quản lý nên cô thường từ chối những cơ hội làm nghề, từ chối được thể hiện những sáng tạo bay bổng trong nghệ thuật dàn dựng và biểu diễn... Đôi lúc cũng bứt rứt bởi những khát khao làm nghề, nhưng công việc quá bề bộn, bốn phận phải tạo điều kiện cho những đồng nghiệp trẻ vươn lên, nên cô chấp nhận tách mình đứng bên lề những cuộc vui nghệ thuật...

Hoạt động trong môi trường nhạy cảm, nhiều cảm dỗ nên cô lưu ý học trò giữ gìn trau dồi nhân cách, nhất là ý thức tự trọng và có kỷ luật. Bản thân cô cũng sợ mình chậm hơn lớp trẻ, nên không ngừng cập nhật thông tin qua sách, báo, trao đổi nghề nghiệp...

Song song với việc giảng dạy các bộ môn Tiếng nói sân khấu, Nghệ thuật biểu diễn ở các trường nghệ thuật, cô đi hầu hết các tỉnh, các đơn vị nghệ thuật tỉnh để giảng dạy và dàn dựng, truyền “lửa” yêu nghề cho lớp trẻ với vốn nghề cô chắt chiu từ những bài học quý giá nhiều năm. Cô có tấm lòng cởi mở chân tình, “rút ruột” mà truyền nghề cho bất cứ sinh viên, diễn viên nào ham học, cần cô chỉ dẫn, nên cô rất được học trò yêu kính.

Đến tuổi nghỉ hưu, nhiều người thường hựt hẫng, trống vắng, nhưng với cô Ca Lê Hồng thì thời gian này mới thật sự thuộc về mình, được làm những gì mình ấp ủ. Cô nghỉ hưu chứ không nghỉ ngơi mà càng năng động làm chuyên môn, dàn dựng trong nhiều cuộc thi nghệ thuật. Hơn 15 năm, NSƯT - đạo diễn Ca Lê Hồng vẫn là cái tên quen thuộc trong hội đồng giám khảo nhiều cuộc thi ở thành phố và các tỉnh thành như: Giải thưởng Trần Hữu Trang; Cuộc thi Hò hện 9 dòng sông; Liên hoan sân khấu quần chúng và Thông tin lưu động; Hội diễn sân khấu quần chúng ở nhiều đơn vị: Tập đoàn Cao su, Cục Thuế, Kho bạc Trung ương, Lực lượng vũ trang, Tiếng hát Người cao tuổi...

Học tập Bác: sống liêm khiết, cần kiệm và nhân ái

Nghệ sĩ Ưu tú, đạo diễn Ca Lê Hồng đang ở tuổi 73, gần 50 năm tuổi Đảng, nhưng thực tế với sắc diện và sự hoạt bát, cô như chỉ mới ngoài 60. Cô luôn tạo được niềm cảm mến với đa số người đối diện, bởi sự chân thành, chan hòa và một vẻ thanh xuân tự nhiên.

Hơn 70 năm nhìn lại đời mình, cô khẽ cười: “Tôi tự hào vì đã sống xứng đáng với truyền thống gia đình, nuôi dạy các con sống tích cực, có ích cho xã hội và quan tâm, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, tích cực làm lợi cho người khác, xả thân không tính toán... Đó là cách tôi sống và học tập theo gương của Bác”.

Song song với hoạt động nghề, công tác từ thiện cũng là việc chiếm nhiều thời gian của cô. Cả đời sống bằng đồng lương cán bộ và thu nhập từ nghề dạy, đi chấm thi, sống liêm khiết, cần kiệm như lời Bác dạy; nhưng cô có tấm lòng và khả năng thuyết phục người khác góp tay cùng mình làm từ thiện. Tập thói quen mỗi ngày kiểm điểm lại những gì đã làm, cô nói: “Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Bác Hồ, tôi không đặt ra những tiêu chuẩn to tát mà tôi vận dụng vào cuộc sống hàng ngày, ý thức năng động sáng tạo trong từng công việc để có hiệu quả, hạn chế sự cảm tính trong đối nhân xử thế... Tôi mong muốn phụ nữ nghèo giảm bớt những gánh nặng, nên tôi cùng các chị trong Câu lạc bộ Nữ Nghệ sĩ nhiều năm nay đi vận động các nhà hảo tâm. Tháng 4 năm ngoái, kỷ niệm 10 năm CLB Nữ

nghệ sĩ, tôi và NSƯT Quỳnh Liên đã vận động được 2 căn nhà và 300 phần quà, tiền cho phụ nữ nghèo. 10 năm qua, CLB Nữ nghệ sĩ đã tặng tổng cộng 10 căn nhà tình thương cho phụ nữ nghèo ở khắp nơi. Dịp đó, chúng tôi còn vận động thêm 10 triệu đồng để tặng cho hai nữ nghệ sĩ mắc bệnh hiểm nghèo... Đây là công việc chúng tôi tâm huyết”.

HOÀNG THI

Nguồn: Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng, tháng 11-2012.

Chú Nguyễn Hữu Vĩnh suốt đời học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Chú Nguyễn Hữu Vĩnh, 66 tuổi, được người dân khu phố 3 thị trấn Tân Túc gọi với cái tên rất gần gũi là chú Tư Vĩnh. Chú tham gia kháng chiến chống Mỹ tại địa bàn thị trấn Tân Túc từ những năm 1968 và được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng 3. Sau ngày đất nước hòa bình, chú tham, gia công tác chính quyền tại địa phương.

Hiện nay, ngoài nhiệm vụ Bí thư chi bộ Khu phố 3 thị trấn Tân Túc, chú còn đảm nhận Chủ tịch Hội Người Cao tuổi thị trấn và Phó Chủ nhiệm Câu Lạc Bộ truyền thống kháng chiến thị trấn Tân Túc. Là bộ đội Cụ Hồ, là Bí thư chi bộ Khu phố 3, tư tưởng của chú luôn hướng về Đảng, hướng

về nhân dân và luôn hoạt động theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Bác Hồ.

Trong sinh hoạt Chi bộ, hàng tháng chú phân công đảng viên kể một câu chuyện về Bác Hồ, để qua đó thảo luận, những ý kiến, những gợi ý, nhắc nhở cũng như những bài học kinh nghiệm cho đảng viên noi theo, học tập theo tư tưởng, đạo đức của Bác Hồ. Bên cạnh đó, kêu gọi đảng viên nêu cao tinh thần trách nhiệm trong đảng viên về chấp hành nội quy trong cơ quan, đảm bảo giờ giấc làm việc và luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức.

Cứ 3 tháng một lần, chú Vĩnh chủ trì cuộc họp nhân dân khu phố 3 vừa để nắm tình hình dân cư vừa qua đó tuyên truyền, vận động người dân học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Bác Hồ. Chú thường xuyên kêu gọi đảng viên và nhân dân trên địa bàn thực hành tiết kiệm điện nước, tiết kiệm trong chi tiêu, tránh xa hoa, lãng phí; sửa đổi lối làm việc khoa học, đúng giờ, biết quý trọng thời gian... Qua đó, chú đã vận động được 98 gia đình cam kết tiết kiệm điện, nước sinh hoạt hằng ngày, tắt bớt đèn thắp sáng ở nơi không cần thiết, thay bóng đèn cao áp bằng bóng đèn huỳnh quang...

Ngoài ra, chú còn vận động các đoàn thể khu phố thực hiện nuôi heo đất để giúp đỡ học sinh hiếu học có cơ hội đến trường, giúp đỡ những người nghèo, khó khăn trên địa bàn. Qua phong trào, chú Vĩnh đã đề xuất chính quyền thị trấn khen thưởng Chi hội phụ nữ Khu phố 3 đã hội thu

heo đất với số tiền 5.500.000 đồng ủng hộ cho hội viên khó khăn; Chi đoàn thanh niên khu phố 3 đã vận động được 35 bộ sách giáo khoa cũ, 2 xe đạp và 23 bộ quần áo cũ tặng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Chú còn đề nghị chính quyền thị trấn hỗ trợ cho vay theo diện giảm nghèo, tặng hộ khá cho 25 hộ khó khăn thu nhập dưới 8 triệu đồng/người/năm trong khu phố.

Vào các dịp lễ, Tết, mùa Vu Lan, chú vận động chùa Pháp Liên ủng hộ 25 phần quà cho hộ nghèo với số tiền 200.000 đồng/ phần; vận động mạnh thường quân xây một nhà tình thương cho hộ nghèo với kinh phí 30 triệu đồng. Qua đó, giúp người nghèo sớm thoát khỏi khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, chú Vĩnh đã tuyên truyền vận động nhân dân dọc Bờ đê Tập đoàn 4 hiến hơn 1000 m² đất để mở rộng đường giao thông nông thôn, giúp người dân, xe cộ lưu thông dễ dàng hơn. Nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ (19/5), chú vận động người dân trong khu phố ra quân trồng 470 cây xanh trên đường rạch Ông Đồ nhằm tạo mảng xanh, chung tay bảo vệ môi trường trong sạch; thường xuyên làm xanh, sạch đường phố các tuyến đường Bùi Thanh Khiết, đường Tân Túc, các đường vào Xóm Dầu...

Chú thường nói: “Mình phải đi đầu gương mẫu trong gia đình, phải giáo dục truyền thống cho con cháu để con cháu noi theo, luôn xác định tư tưởng, lập trường học tập

và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong những sinh hoạt, những việc làm nhỏ nhất của cuộc sống hằng ngày.”

Vào Đảng năm 1975 đến năm 2005, chú Vĩnh đã được Đảng ủy thị trấn Tân Túc trao tặng huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, bên cạnh đó chú còn được Huyện ủy Bình Chánh tuyên dương vì không ngừng học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2007-2011

HUỲNH VŨ LONG

Nguồn: ubmttq.hochiminhcity.gov.vn

Mục lục

	trang
Lời giới thiệu	7
Phần I: Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	9
- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.....	11
- Còn dân, còn nước.....	15
- Ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Bảo Đại	17
- Bác Hồ làm ngoại giao.....	19
- Sự kính phục của những người đối đầu.....	23
- Bác Hồ đối xử với tù binh	27
- Chuyện về những bữa cơm của Bác Hồ	33
- “Cách mạng” theo ý Bác Hồ.....	41
- Những lời Bác dạy đầu tiên	45
- Tài ứng khẩu của Bác	47
- Đời sống của dân quan trọng hơn.....	54
- Vấn đề là phương pháp.....	56
- Câu chuyện về ba chữ “đỉnh”.....	60
- Nhớ ngày Bác Hồ đến thăm cơ quan Trung ương Đoàn	63

- Tắm ván lát đường.....	68
- Bữa cơm trên tàu với Bác.....	70
- “Bác nắm tay than bụi của chúng tôi”	73
- Câu chuyện nhỏ và bài học lớn.....	76
- Bác Hồ đọc sách báo.....	81
- Bách niên giai lão	85
- Bác Hồ thăm nông dân chống hạn.....	88
- Quà Bác tặng miền Nam.....	91
- Bác làm văn nghệ	93
- Câu chuyện về chiếc tàu thủy lõi mang biệt hiệu T5 và tấm lòng của Bác.....	103
- Đi thăm miếu Khổng Tử.....	107
- Thăm nhà máy dệt mới khánh thành	109
- Biển cả do cái gì tạo nên?.....	111
- Cuộc sống giản dị của Bác ở Phủ Chủ tịch.....	114
- Năm ấy Bác Hồ không đi thăm rừng Cúc Phương	117
- Bác không đồng ý với Nghị quyết của Bộ Chính trị về tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Người.....	120
- Những khách “đặc biệt” của Bác Hồ	123

Phần II: Những chiến sĩ cách mạng trung kiên127

- Một lòng trung thành vô hạn với Đảng.....	129
- Cuộc đời cách mạng oanh liệt.....	138
- Đồng chí Nguyễn Văn Cừ, tài năng chính trị kiệt xuất của Đảng ta	148

- Hai án tử hình và hai án khổ sai chung thân vào một con người.....157
- Nguyễn Thị Minh Khai - Người nữ Bí thư Thành ủy Sài Gòn.....167

Phần III: Gương sáng Đảng viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.....173

- Người thầy gieo hạt niềm tin.....175
- “Chim sơn ca” Quỳnh Liên: Không có gì tốt đẹp bằng phục vụ lợi ích của nhân dân.....180
- Đồng chí Võ Ngọc Châu - Người Bí thư Chi bộ gương mẫu.....185
- Tính chiến đấu của một Đảng viên khuyết tật189
- Người Bí thư Huyện ủy gương mẫu.....193
- Dì Năm Việt.....196
- Thầm lặng lập công, bảo vệ bình yên cho nhân dân.... 201
- “Ông chủ” trẻ nhà trọ hết lòng vì công nhân205
- Cô thợ may và bài học giản dị từ Bác.....208
- Vì dân phục vụ.....211
- Học và làm theo tình yêu thương của Bác.....213
- Nghệ sĩ ưu tú Ca Lê Hồng: “Vì cái chung, phải biết hy sinh cái được của riêng mình.....219
- Chú Nguyễn Hữu Vĩnh suốt đời học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.....225

NHỮNG CHUYỆN KỂ VỀ TẤM GIƯỜNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH - Tập 2

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 - TP.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419

Fax: (08) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhovannghc.org.vn

nxbvanhovannghc@yahoo.com.vn

Website: nxbvanhovannghc.org.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

Biên tập: Đức Huy

Sửa bản in: Anh Khoa

Trình bày: Lâm Đệ Hùng

Bìa: Mai Quế Vũ

In lan thời nhất. Số lồng: 5.000 cuốn, Kho 14,5 x 20,5cm.

Tại **Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam**.

Số đăng ký: KHXB: 488-2013/CXB/01-29/VHVN

Quyết định xuất bản số: 142/QĐ-NXBVHVN ngày 03/5/2013.

In xong và nộp lưu chiểu Quy II năm 2013.